

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

**Chân ngôn
của đất nước**

Tr. 3

Sự công bằng

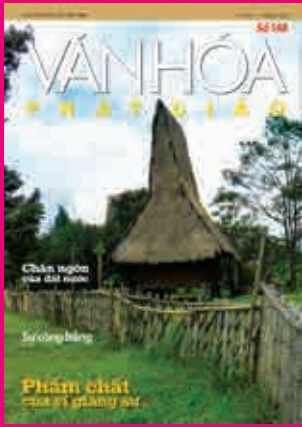
Tr. 20

**Phẩm chất
của vị giảng sư**

Tr. 7

Ngàn năm câu hoa sen vẫn nở
Và bây giờ sen đã nở khắp nơi





Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
 Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIÊN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Tình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
 Trụ sở Tòa soạn VHPG
 ĐT: (84-8) 3 8484 335
 Cô Phương Châu, ĐD: 0907 164 066
 0914 063 669

Quảng cáo
 Cô Thu Sương, ĐD: 0918 032 040

Tòa soạn
 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
 Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
 ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
 Fax: (84-8) 35265 569
 Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
 Tên tài khoản:
 Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
 Số tài khoản: 1487000000B
 Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
 Bộ Thông tin và Truyền thông
 Số 1878/GP. BTTTT
 Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
 Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Chân ngôn của đất nước (<i>Nguyễn Cần</i>)	3
Sương mai	6
Phẩm chất của vị giàng sư (<i>Thích Giác Toàn</i>)	7
Về triết lý giáo dục của Gia đình Phật tử Việt Nam (<i>Đình Đức Hiền</i>)	11
Ngẫm nghĩ về gia giáo (<i>Huỳnh Kim Bửu</i>)	15
“Kiến ngữ uẩn giai Không, độ nhất thiết khổ ách” (<i>Diệu Hằng</i>)	17
Sự công bằng (<i>Nguyễn Thế Đăng</i>)	20
Kỷ niệm về cố Hòa thượng Huyền Vi (<i>Chân An – Lý Liên Lạc</i>)	22
Niềm riêng với quê nhà... (<i>Mộc Châu</i>)	24
Nhắc chuyện xưa ngẫm chuyện nay (<i>Hoàng Tá Thích</i>)	26
Đời người như gió qua... (<i>Phạm Thanh Chương</i>)	28
Sắc đẹp và hạnh phúc (<i>Cao Huy Hóa</i>)	29
Nghiệp văn tự (<i>Vũ Thế Ngọc</i>)	32
Đến Vũng Tàu thăm Bạch Dinh (<i>Phó Đạo</i>)	35
Lãng đãng mùa sen (<i>Nguyễn Văn Uông</i>)	38
Đôi điều về “trường sinh bất lão” (<i>Nguyễn Hữu Đức</i>)	40
Ngày về (<i>Hải Trinh</i>)	42
Mưa nửa đêm (<i>Huyền Trân</i>)	44
Mèo con về đâu? (<i>Thành Nam</i>)	46
Hẩn (<i>Chơn Hiền</i>)	48
Ông tiên của con (<i>Quang Bùì</i>)	50
Thơ	52
Với tình yêu (<i>truyện ngắn của Nguyễn Trọng Hoat</i>)	54
Mở rộng vòng tay (<i>Phạm Trung Hiền</i>)	57
Lời cảm ơn cuộc sống	60

Bìa 1: Một góc Hương Sen - Tuệ Uyển, Madagouil . Ảnh: Ngô Văn Thông.

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Đáp ứng khao khát suốt sáu năm của toàn thể nhân viên tòa soạn là được cùng nhau tham gia một sinh hoạt tập thể bên ngoài Sài Gòn vài ngày để thư giãn sau những năm tháng miệt mài làm việc; sau khi cân đối tài chính, lại có sự hỗ trợ của Tập đoàn Hoa Sen, vừa qua, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đã tổ chức một cuộc du ngoạn ba ngày, ở lại tại Khu du lịch Hương Sen Tuệ Uyển trong vùng rừng núi Madagouil thuộc xã Dam'ri, huyện DaHuoi, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc du ngoạn thu hút hầu như toàn thể nhân viên tòa soạn, đi với từ một đến hai người thân, có mời một số vị cộng tác viên và thân hữu cùng tham dự. Có thể nói cuộc du ngoạn đã thành công hoàn toàn trong việc thắt chặt tình thân và nâng cao tinh thần phục vụ độc giả của toàn thể nhân viên VHPG.

Tận dụng những giờ phút thư giãn trong vùng rừng núi Madagouil, Ban Biên tập VHPG đã cùng các vị khách mời thảo luận về những ưu khuyết điểm của tờ báo, đưa ra những chương trình hoạt động dự kiến như tổ chức trại sáng tác Văn hóa Phật giáo, thành lập ban từ thiện, hợp mặt khách hàng quảng cáo, hợp mặt cộng tác viên, và nhiều hoạt động tạo thêm sức phát triển. Từng bước, những hoạt động nào có thể thực hiện và thực hiện như thế nào, VHPG sẽ công bố rộng rãi, để lấy thêm ý kiến từ quý độc giả và để vận động sự góp sức của mọi người, trên tinh thần tạp chí Văn Hóa Phật Giáo thực sự là tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh hiền hòa, và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

VHPG cũng mới có thêm một niềm vui mới, mặc dù không đáng gì nhưng cũng không nhỏ, đó là sau bảy năm hoạt động, đến nay Tòa soạn đã có một tấm biển nhỏ, khổ 30cm x 50cm, ghi tên Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo được trang trọng treo lên ở mặt trước khuôn viên 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa quận 3 để giúp mọi người nhận biết sự hiện diện của một trụ sở báo chí đã bước vào năm hoạt động thứ tám.

Chúng tôi luôn tin tưởng về những bước phát triển mới, ngày càng góp thêm được những phần tích cực vào việc phổ biến tinh thần từ bi, trí tuệ của đạo Phật, góp phần từng bước đẩy lùi mọi tệ nạn, mọi tư tưởng mọi nhận thức nhuộm màu mê tín dị đoan, góp phần khôi phục nền tảng đạo đức xã hội. Để những mong muốn nói trên có thể trở thành hiện thực, VHPG khẳng định luôn luôn giữ vững đường lối, tôn chỉ của tờ báo, xứng đáng với sự tin yêu của độc giả, và xin quý độc giả tiếp tục ủng hộ tạp chí như lâu nay.

Xin chân thành kính chúc độc giả thân tâm thường lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Chân ngôn của đất nước

NGUYỄN CÁN

Chân ngôn khắc vào đại cáo

Khi hoàn tất cuộc chiến đấu giành độc lập 600 năm trước, Nguyễn Trãi đã lấy danh nghĩa của vua Lê Thái Tổ mà hùng hồn tuyên cáo, *“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân - Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”*.

Nhân nghĩa là tư tưởng truyền thống của dân tộc Việt Nam, hình thành và phát triển xuyên suốt chiều dài lịch sử. Mục đích của nhân nghĩa đã được khẳng định “cốt để yên dân”, nghĩa là có mục đích bảo vệ hạnh phúc của nhân dân. Hạnh phúc lớn nhất của toàn dân là được sống trong bình yên, an tâm làm ăn, không phải đau đầu lo lắng về sự xáo trộn, không phải hồi hộp chứng kiến cảnh chết chóc, đau thương.

Nhân nghĩa là tinh thần vì muôn dân, là chính nghĩa dân tộc. Nhân nghĩa ở đây không chỉ là lòng thương người, mà nhân nghĩa còn là trừ bạo ngược để hộ quốc, cứu dân. Muốn yên dân thì khi có giặc ngoại xâm trước tiên phải đứng lên chống giặc “trước lo trừ bạo”. Còn nếu đất nước hòa bình rồi thì phải giải quyết các thứ “giặc” khác trong nội bộ: tham nhũng, lạm quyền, ức hiếp dân nghèo... mà vụ Tiên Lãng ở Hải Phòng vừa rồi là một ví dụ sống động. Thật may là đã có kết luận chính thức khẳng định chính quyền huyện Tiên Lãng sai từ đầu tới... cuối, từ quyết định thu hồi đất đến quyết định cưỡng chế, từ việc thực thi cưỡng chế đến cách ngụy biện cho những sai lầm, từ thái độ vô cảm trước nỗi khổ của người dân đến lối chạy tội quanh co khi phải đối diện với sự thật. Cái sai và thái độ dửng dưng trước cái sai ấy cho thấy khi cả một bộ máy bị thao túng bởi một quyền lực hay một nhóm quyền lực, thì hậu quả sẽ tai hại như thế nào! Có người đã nhận định “Quyền lực tuyệt đối sẽ đẻ ra sự tha hóa tuyệt đối”.

Sự thiếu trung thực, không có tinh thần trách nhiệm, muốn và dám làm dù làm bậy (!) nhưng sợ bị mất ghế mất quyền đã đẩy tất cả những ai có quyền lực cùng gặp nhau ở điểm đến là thói dối trá, cách giải quyết vòng vo lấp lửng và quyết liệt đối phó khi phải đối

mặt với những sai lầm do chính mình gây ra. Chúng ta không ngạc nhiên khi có những quan chức “lắt léo”, “chối bay biến những gì vừa nói hôm trước...”.

Lịch sử không bao giờ có chữ “nếu” cho những gì chưa xảy ra, nhưng có quyền đặt câu hỏi, nếu Chính phủ không vào cuộc một cách dứt khoát, với nội dung sẽ xử lý và thời điểm được ấn định rõ ràng, thì điều gì sẽ xảy ra? Và còn bao nhiêu vụ Tiên Lãng đã xảy ra mà người ta chưa biết?

Có yên dân được không khi xã hội được quản lý một cách yếu kém để xảy ra những bất công, oan khuất, khiến hố ngăn cách giàu nghèo ngày một lớn? Có yên dân được không khi xã hội chưa được cải cách hữu hiệu về an sinh: tình trạng bệnh viện quá tải, chính sách xã hội còn nhiều thiếu sót, tình trạng xuống cấp cầu đường, trường học... có nơi học sinh vẫn phải đi cầu khỉ hay bơi qua sông đến trường (!) hay thậm chí bỏ học vì nghèo. Có yên dân được không khi chính sách đất đai tạo điều kiện cho quy hoạch treo, tình trạng cát cứ địa phương diễn ra đều khắp, chưa có giải pháp ngăn chặn?

Trong lúc hô hào dân chúng tiết kiệm năng lượng và nguyên liệu thì các “công bộc” sử dụng ngân sách một cách thiếu trách nhiệm, như trong đoạn văn nhận định sau: *“Trong khi Nghị quyết 11 rất ‘quyết liệt’ với giải pháp cắt giảm đầu tư, chi tiêu công, thì dư luận lại xôn xao về chuyện các ‘quan chức Bộ Tài chính được phép mua xe công đắt tiền’... Nó cho thấy chính Bộ Tài chính là đơn vị dẫn đầu trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chống lạm phát nhưng lại tự cho phép mình làm một việc đi ngược lại với Nghị quyết 11 của Thủ tướng Chính phủ thì hỏi còn cơ quan nào tuân theo nghị quyết này một cách ‘quyết liệt’ như mong muốn của Chính phủ?” (Minh Châu - Tầm nhìn)*.

Hiện tượng “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược” dường như ngày càng phổ biến khi hô hào giảm lạm phát, chống đầu cơ thì cứ hô hào mà giá cả những mặt hàng thiết yếu như xăng, gas, điện, sữa, thuốc men... thì vẫn cứ tăng chỉ theo sự thao túng độc quyền của các nhóm lợi ích.



Vi thiếu một chữ “đồng”

Phát biểu tại hội nghị gặp gỡ các đảng viên lão thành, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: *“Trong giai đoạn sắp tới, yêu cầu nhiệm vụ ngày càng nặng nề, phức tạp. Tất cả chúng ta có một chữ ‘đồng’. Toàn Đảng, toàn dân có một chữ ‘đồng’: đồng tâm, đồng chí, đồng ý, đồng lòng... sẽ làm được mọi việc.*

Chúng ta nhớ lại *Truyện Kiều*: *‘Tóc tơ căn vặn tấc lòng, Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương’.*

Dưới vầng trăng đêm ấy, Kim Kiều đã thể thốt những lời vàng đá, nguyện “đồng tâm”, một lòng đến đầu bạc răng long, chạm xương khắc cốt tình yêu của nhau.

Trong *Kinh Dịch*, quẻ *Thiên Hòa Đông Nhân* (quẻ số 13) mang ý nghĩa “Thân dã. Thân thiện”. Trên dưới cùng lòng, cùng người ưa thích, cùng một bọn người. Hiệp lực đồng tâm chi tượng: tượng cùng người hiệp lực. Không chỉ là cùng người mà đạt đến mức độ giao hội cùng vũ trụ, hòa đồng ở mức độ siêu việt. Nếu quan dân một lòng, một ý thì đất nước sẽ tránh được nhiều thảm kịch do ý chí chủ quan, chần dốt muôn dân như một bầy cừu cảm lạnh, chỉ biết tuân phục và phục vụ cho những lợi ích cá nhân hoặc nhóm có quyền lực.

Hiện nay vẫn đang diễn ra tình trạng quy hoạch mang tính chất manh mún, cục bộ, đưa ra những dự án giải tỏa mà không hỏi ý kiến dân, hay đưa ra những chính sách không thuận lòng dân như dự tính tăng phí lưu hành xe,

tăng viện phí, hoặc các loại phí khác. Những quyết sách thiếu căn trọng thường khi khiến người dân hoang mang, như vì quy hoạch treo khiến đất bỏ hoang mà dân không canh tác được. Riêng về việc quản lý đất đai, đã có nhận định cho rằng hiện đang là thời kỳ đỉnh điểm của tiêu cực từ trước đến nay. Thật vậy, trả lời phỏng vấn của *Thời báo Kinh tế Việt Nam* đăng trên phiên bản điện tử *VNEconomy*, luật sư Trương Thanh Đức, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Luật Basico phát biểu rằng vụ việc ở Tiên Lãng chỉ là giọt nước làm tràn ly khi những tiêu cực đã quá nhiều và vụ việc ấy cũng là tiếng chuông cảnh báo cho những nhức nhối về đất đai cũng như cách ứng xử của chính quyền đối với người dân nói chung. Vị luật sư này cũng cho rằng vì nhà nước là người cầm trịch nên không phải lúc nào quan hệ giữa nhà nước với người dân cũng cần phải đặt nặng phần lý, mà chính cái tình tuy nhỏ cũng đủ cho xã hội tâm phục khẩu phục. Cái tình ở đây chính là chữ *đồng* mà vị Tổng Bí thư Đảng đã nhấn mạnh.

Chắc chắn bài học ấy đã từng được chứng minh trong thực tiễn cho nên ngày nay chúng nhân là những cán bộ lão thành đang ngồi lại cùng nhau ôn một chữ “đồng”. Phải chăng những người chèo đò đã quên đi thân phận những khách đi đò đang cùng mình qua sông trong gió bão? Phải chăng lời thề năm xưa khi dẫn thân làm cách mạng không còn “khắc cốt, ghi tâm” vì quyền lực đã khiến người ta tha hóa? Những câu hỏi lớn ấy cần phải

được giải mã trong *chân ngôn* hôm nay của đất nước, rằng “*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân*”.

Chúng ta nhớ lời dạy của Đức Phật với về “lục hòa” với những nguyên lý “đồng” như:

1/ *Thân hòa đồng trú*: Cùng nhau ở dưới một mái nhà, trong một phạm vi, một tổ chức, hôm sớm có nhau, cùng ăn cùng ngủ, cùng học cùng hành. Nếu là đồng bào, cùng chung sống trong một quốc gia xã hội, thì phải lấy sự đoàn kết làm đầu, không được gây cảnh nổi da xáo thịt, chia năm xẻ bảy, làm thành giặc chòm, giặc xóm; sát phạt nhau, chém giết nhau.

2/ *Ý hòa đồng duyệt*: Trong một gia đình, một đoàn thể, mỗi người cần giữ gìn ý tứ, tâm địa của mình. Nếu ý tưởng hiền hòa, vui vẻ thì thân và lời nói dễ giữ được hòa khí. Trái lại nếu ý tứ bất hòa, thường trái ngược nhau, ganh ghét nhau, thì thân và khẩu khó mà giữ cho được hòa hảo. Muốn được tâm ý hòa hiệp, phải tu hạnh hỷ xả. Hỷ xả nghĩa là bỏ ra ngoài những sự buồn phiền, hờn giận, không chấp chặt trong lòng những lỗi lầm của kẻ khác.

3/ *Giới hòa đồng tu*: Trong một tổ chức, một đoàn thể nào có trật tự, tất đều có kỷ luật qui củ hẳn hoi. Trong một đoàn thể, đạo hay đời, nếu không cùng nhau gìn giữ giới điều, kỷ luật, quy tắc, thì chúng ta không bao giờ sống chung với nhau được.

4/ *Kiến hòa đồng giải*: Chia sẻ với nhau những điều thấy biết đúng tốt và có lợi. Ngay cả khi có người đưa ra những điều thấy biết sai khác cũng không nên áp chế để áp đặt cái thấy biết của mình, mà cần phải ôn tồn thảo luận để phân tích những cái thấy biết sai khác ấy không đúng và không có lợi ở những điểm nào.

5/ *Lợi hòa đồng quân*: Về tài lợi, vật thực, đồ dùng phải phân chia cho cân nhau hay cùng nhau thọ dụng, không được chiếm làm của riêng, hay giành phần nhiều về mình... không vì tình riêng, kẻ ít người nhiều, kẻ tốt người xấu, nhưng phải lấy công bằng làm trọng. Trong xã hội sở dĩ có sự xung đột dữ dội, phân chia giai cấp, cũng do vì thiếu sự “Lợi hòa đồng quân” cả. Người giàu thì giàu quá, kẻ nghèo thì nghèo xơ, kẻ dinh thự nguy nga ruộng đất cò bay thẳng cánh, có kẻ không có một chồi tranh vách đất... Nếu nhân loại thâm hiểu rằng: cuộc giàu sang phú quý trong nhân gian như hạt sương đọng trên cành hoa, công danh vinh hiển trên đời như bọt nước nổi trên mặt biển, thì chắc sự chênh lệch giữa giàu và nghèo sẽ bớt đi nhiều lắm, và nhân loại sẽ bớt xung đột nhau hơn.

6/ Ngoài ra, còn có *Khẩu hòa vô tránh* nghĩa là khi trao đổi với nhau cố gắng dùng lời hòa nhã, không gây nên những xung đột không cần thiết. (Theo HT.Thích Thiện Hoa - *Phật học phổ thông*).

Từ hơn hai ngàn sáu trăm năm trước, Đức Phật đã chỉ ra những nguyên nhân khiến một đất nước trở nên suy đồi, thối nát và bất hạnh khi những người cầm đầu chính quyền, cụ thể là vua và các đại thần đều thối nát và bất công. Muốn cho dân một nước được sung sướng,

cần phải có một nền cai trị công bằng. Trong bài thuyết pháp *Mười nhiệm vụ của nhà vua* (Thập vương pháp, Dasa-ràjadhamma), Người đã chỉ rõ:

Thứ nhất là rộng rãi, bố thí, phát huy lòng từ (dàna), nghĩa là nhà vua không được tham lam, vơ vét cho riêng mình nhiều quá.

Thứ hai là giữ gìn giới hạnh đạo đức (sila), nhà vua cũng phải thực hành ngũ giới như những Phật tử khác.

Thứ ba là hy sinh tất cả vì hạnh phúc của dân (pariccaga).

Thứ tư là chân thật và liêm chính (ajjava), nghĩa là không lừa bịp quần chúng.

Thứ năm là tử tế và nhẹ nhàng (maddava), nghĩa là không nên dùng hình luật khắc khe quá mức cần thiết.

Thứ sáu là biết tiết chế và từ bỏ những thói quen xấu (tapa), không quá xa hoa...

Thứ bảy là không thù hận ác độc, thay vào đó phải thực hành hạnh vô sân (akkodha).

Thứ tám là bất hại, bất bạo động (ashimsa), nghĩa là phải tạo hòa bình, tránh chiến tranh, tránh dùng bạo lực trấn áp...

Thứ chín là nhẫn nhục, chịu đựng (khanti), nghĩa là có khả năng chấp nhận những lời chỉ trích chê bai; ngay cả khi sự chỉ trích chê bai không đúng cũng không cần phải biện bạch hoặc tìm cách giập tắt, mà chỉ giải thích trên tinh thần kiến hòa đồng giải như nêu ở trên.

Thứ mười là không đối lập, không ngăn cản (arivodha), nghĩa là không đi ngược ý chí toàn dân.

Liệu có quá lý tưởng không? Đã có những hoài nghi về khả năng có một vị vua, một bậc nguyên thủ quốc gia như thế trong lịch sử. Vua nào chẳng tham quyền, chẳng độc tài, chỉ khác nhau là ít hay nhiều... mà thôi! Nhưng những vị vua như Asoka (A-dục) của Ấn Độ hay Phật hoàng Trần Nhân Tông của Việt Nam... thì sao? Họ đã tạo nên những vương triều vững mạnh trong sự đồng thuận của muôn dân, chẳng thế mà họ đã thành công trong việc bảo vệ tổ quốc và xây dựng đất nước giàu mạnh. Ngay trong lịch sử hiện đại, phong trào mùa xuân Ả-rập chính là lúc tiếng nói của người dân vang lên, bộc lộ ước mơ tìm ra những minh quân, những chế độ đem lại công bằng và hạnh phúc cho họ. Chủ thuyết nào, triết lý nào cũng vô nghĩa nếu không đem lại nụ cười và chén cơm manh áo cho người dân. Một nền chính trị muốn vững bền phải có tính cách nhân bản, lấy nhân dân làm gốc cho mọi thiết chế, kiến trúc và kiến thiết. Chân ngôn “việc nhân nghĩa cốt ở yên dân...” không chỉ đúng ở Việt Nam mà còn là chân lý vĩnh hằng và phổ quát ở những không gian khác, ở các nước khác. Rất mong chân ngôn của cha ông xưa sẽ được thấm nhuần trong nếp nghĩ của những người thời nay, nhất là những người lãnh đạo, để tìm được sự đồng thuận toàn dân trong những quyết sách đưa đất nước vượt khó khăn thời đại, tiến vào một giai đoạn công bình hơn, nhân bản hơn... ■

***Có hai hạng người được phước đức vô lượng:
Người thuyết pháp tinh thuần, chăm chỉ và người
nghe pháp tinh thuần, chăm chỉ.***

Kinh Tư ích Phạm thiên sở vấn 2





Phẩm chất của vị giảng sư

THÍCH GIÁC TOÀN

Hiển nhiên, Đức Phật là vị Thầy, vị Giảng sư tối thượng, toàn hảo. Chỉ có Ngài mới là nhà truyền pháp vi diệu nhất. Chư vị Bồ-tát được Ngài giao phó việc truyền pháp cùng với sức gia thần của Ngài nên chư vị cũng được xem là Pháp vương hay Pháp vương tử, giảng pháp cho hàng thính chúng rất hữu hiệu. Chư Thánh đệ tử A-la-hán của Đức Phật cũng có rất nhiều vị nổi danh được Đức Phật khen ngợi trong việc thuyết pháp. Kinh tạng, Luận tạng và Trường lão Tăng kệ, Trường lão Ni kệ đã dẫn ra nhiều vị thuyết giảng xuất sắc như Pindola Bharadvaja, Maha Kapina, Catiyayana, Kakuntaka, Bhaddiya, Rahha... và các nữ Tôn giả như Bhadda Kundalakesa, Patakara, Dhammadinna...

Mặc dầu *Luận Đại Trí Độ*, quyển 86 bảo rằng ngoài Đức Phật, Bồ-tát bát địa trở lên mới có khả năng đảm nhiệm việc thuyết pháp giáo hóa chúng sanh ở mười phương, ta cũng thấy trong thực tế, nhiều thế kỷ sau và mãi đến bây giờ cũng có những vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nổi tiếng trên thế giới về khả năng thuyết pháp. Do đó, trong chừng

mức tương đối, vẫn có những vị Tăng, Ni tu tập, học hỏi và được đào luyện tốt để trở thành những giảng sư tốt nếu việc đào tạo các giảng sư được thực hiện theo mẫu hình của Đức Phật trong chừng mức tối đa có thể được.

Đức Phật, vị giảng sư vĩ đại nhất

Với lòng đại từ bi, Đức Phật hoàng pháp giáo hóa chúng sinh giúp chúng sinh giải thoát khỏi khổ đau, tiến đến Niết-bàn tịnh lạc. Suốt 45 năm, Ngài đưa giáo pháp thâm nhập vào xã hội, đào tạo các Thánh đệ tử theo con đường của Ngài tỏa đi khắp nơi để truyền pháp. Ngài tự thân hoặc lãnh đạo chư Tỳ-kheo đến với mọi tầng lớp xã hội, từ kẻ hạ tiện đến các thành phần gia chủ, kẻ xấu, người ngoại đạo, quan lại, vua chúa, Phạm thiên, chư thiên, quỷ thần... không phân biệt giới tính, tuổi tác, đẳng cấp,...

Ngài có mọi thần thông và sử dụng trí tuệ siêu việt để nhận biết phương cách thuyết pháp, đối tượng được nghe pháp, hoàn cảnh giảng pháp, nội dung pháp được giảng... Kinh *Tứ Ích Phạm thiên Sở vấn 2* nói Đức Phật phân

biệt năm trường hợp thuyết pháp: 1. Ngôn thuyết (dùng lời nói); 2. Tùy nghi (thuyết pháp theo căn cơ, hoàn cảnh của người nghe); 3. Phương tiện (dùng các phương tiện để khuyến tu như phước đức, quả vị Niết-bàn...); 4. Pháp môn (giảng các pháp thù thắng của đạo Bồ-đề) và 5. Đại bi (với tâm đại bi thương tưởng chúng sanh để đưa chúng sanh đến giải thoát). Trí tuệ siêu việt của Ngài có thể được xem là thần thông. Ở đây, ta chỉ bàn đến hình ảnh, phẩm chất của Ngài về phương diện thuyết giảng, truyền pháp.

Trước hết, do phước đức tu hành và quả vị chứng ngộ cao vời nhất của Ngài, Ngài có dáng vẻ đẹp đẽ, uy nghi, ánh từ bi và trí tuệ tỏa ngời nên Ngài có sức thuyết phục cao, tạo sự cảm ứng, niềm tin cho người nghe Pháp trước khi được Ngài thuyết dạy. Ngay khi Ngài vừa chứng đạo dưới cội bồ-đề, tướng mạo đẹp đẽ uy nghi của Ngài đã thuyết phục, gây niềm tin cho hai vị thương gia là Bhallika, và Trapusha đến dâng lễ và xin quy y Ngài. Bộ *Mahavagga* (Đại phẩm), *Kinh Chuyển pháp luân* Tương Ưng Bộ miêu tả rất rõ lần quay trở lại vườn Nai ở Baranasi để gặp năm vị Tỳ-kheo bạn đồng tu khổ hạnh của Ngài trước kia, những người hành trì những pháp môn mà Ngài từ bỏ để tìm lối tu thích hợp hơn. Cả năm vị thấy bóng Ngài từ xa, bảo với nhau sẽ đón Ngài nhưng với thể cách thờ ơ, lạnh lùng. Thế rồi khi Đức Phật đến gần, cả năm vị nhìn thấy tướng mạo uy nghi của Ngài nên kính trọng, tiếp rước nồng hậu. Chỉ sau thời giảng về Trung đạo, Bát Chánh đạo và Tứ đế của Đức Phật, Tôn giả Kiều Trần Như chứng quả Dự lưu và cả năm vị đều xin quy y, rồi đắc A-la-hán. Và sau đó, chính tướng mạo đầy sức thuyết phục của Đức Phật khiến Ngài cảm hóa dễ dàng năm thanh niên con nhà hào phú là Tôn giả Da-xá (Yasa) và cả các Tôn giả Tỳ-ma-la (Vimala), Tu-bà-hầu (Tubahu), Phú-lan-ca-na (Purnagit) và Già-bà-bạt-đế (Gavampati) bằng những bài thuyết pháp “thuận thứ” (từ dễ đến khó) khiến chẳng bao lâu sau, các vị này đều đắc A-la-hán.

Thuận thứ là một trong nhiều phương pháp giảng dạy của Đức Phật: Có khi Ngài thuyết giảng kinh bắt đầu một đề tài, có khi thuyết giảng bằng cách vấn đáp; có khi nêu ví dụ để minh họa bài giảng,... và phương pháp đặc sắc thường thấy nhất là nêu ví dụ, ẩn dụ, so sánh. Chẳng hạn, *kinh Pháp Hoa* có nhiều ẩn dụ mang tính văn học cao như thí dụ về ngôi nhà lửa, về cây thuốc, về người cùng khổ, về thành quách được hóa hiện, về viên ngọc trên đỉnh đầu, về những đứa con của vị lương y,...

Nội dung thuyết giảng của Đức Phật được phát xuất từ chân lý như Tứ đế, Duyên khởi, Nhân quả, Luân hồi,... là những chân lý vốn có, được Ngài phát hiện và những phương cách tu tập do Ngài thực hiện. Tất cả được gọi chung là Tam vô lậu học (Giới, Định, Tuệ). Vì lòng từ bi, thương tưởng với đời, Ngài đã tuyên thuyết điều Ngài biết, Ngài làm. Đây là sự chân thật. Qua *Kinh Phật thuyết Như vậy* (Itivuttaka) Ngài dạy: “Điều gì Như Lai nói, tuyên bố, nói rõ lên; tất cả là như vậy, không có khác được nên được gọi Như Lai”. Và: “*Này các Tỳ-kheo, Như Lai nói gì thì*

làm vậy, làm gì thì nói vậy, nên được gọi là Như Lai”. Chân lý do Ngài phát hiện, chứng nhập; chính Ngài là chân lý, chân lý là Ngài. Đức Phật dạy: “*Này Vakkali, ai thấy Pháp, người ấy thấy Ta; ai thấy Ta, người ấy thấy Pháp. Này Vakkali, đang thấy Pháp là thấy Ta, đang thấy Ta là thấy Pháp.*” (Kinh Tương Ưng Bộ. Phẩm Trưởng lão - Vakkali).

Về phương diện hoàng pháp, giảng dạy của Đức Phật, chúng ta thấy Ngài là một vị giảng sư tối thắng, hiển nhiên không có ai bì kịp. Tuy vậy, cũng có thể nương vào hoàn cảnh, phẩm chất của Ngài để rút ra bài học cho chư Tăng, Ni trong nhiệm vụ hoàng pháp.

Phẩm chất của vị giảng sư hoàng pháp

Vào năm 528 trước T.L, khi giáo đoàn Tỳ-kheo của Đức Phật đã vững mạnh, gồm 60 vị A-la-hán, Đức Phật dạy: “*Này các Tỳ-kheo, hãy đi đi, đi khắp nơi vì lợi lạc và hạnh phúc của số đông, vì lòng từ bi đối với cuộc đời, vì lợi lạc và hạnh phúc của chư thiên và loài người. Chớ đi hai người chung đường với nhau. Này các Tỳ-kheo, hãy thuyết giảng giáo pháp cao thượng ở phần đầu, cao thượng ở phần giữa và cao thượng ở phần cuối, cả về ý nghĩa lẫn văn cú. Hãy rao giảng sự toàn hảo viên mãn, đời sống thanh tịnh của trạng thái cao cả. Có những kẻ mà trí óc chỉ bị lu mờ vì đôi chút bụi bặm, nếu không được nghe pháp thì họ không thể được giải thoát; những kẻ ấy sẽ hiểu pháp*” (Mahavagga I, 11- Đại phẩm).

Vâng lời Đức Phật, chư Tỳ-kheo đã đi khắp nơi, đến các làng mạc, vùng sâu vùng xa, các thành thị, các xứ sở; đến với mọi người thuộc mọi thành phần, đẳng cấp để rao giảng Phật pháp. Đây là vì lòng từ bi với đời, vì sự trường tồn, phát triển của Phật giáo. Thường thì các vị hoàng pháp được Phật dạy dỗ, huấn luyện, hoặc chư vị trưởng lão truyền dạy chư vị trẻ hơn, hoặc chư vị tự nhắc nhở, học hỏi nhau. Ví dụ, *Kinh Tương Ưng Bộ*, phẩm *Nakulapita* kể lại việc Tôn giả Xá-lợi-phất vâng lời Đức Phật, chuẩn bị cho các vị giảng sư sắp đi hoàng pháp ở phương xa. Tôn giả vừa giả định các câu hỏi người ta sẽ đặt ra cho các giảng sư rồi tự nêu câu trả lời: “*Đạo sư của Tôn giả nói gì, tuyên bố gì? Được hỏi như vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời: Này chư vị, bậc Đạo sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham...*” Sau đó Tôn giả đọc tiếp các câu hỏi và câu trả lời tiếp về sắc, thọ, tưởng, hành, thức... (xem *Kinh Tương Ưng Bộ*, phẩm *Nakulapita*). Thế rồi số lượng chư Tăng Ni hoàng pháp ngày càng đông đảo, tỏa đi khắp nơi, phát xuất từ vùng Bắc, Đông bắc Ấn Độ, lan tràn dần khắp thế giới.

Chư vị giảng sư cần giữ đúng năm điều về việc thuyết pháp của mình: 1. Thuyết pháp theo thứ lớp, từ thấp đến cao; 2. Thuyết y theo các pháp môn của kinh điển; 3. Thuyết vì lòng từ bi, muốn lợi ích cho mọi người; 4. Thuyết không vì lợi ích của mình, không mong được đền đáp; và 5. Không chê người, khen mình. *Kinh Ưu Bà tắc giới 2* còn triển khai việc thuyết pháp gồm 16 điều cần nhớ: 1. Thuyết giảng tùy thời; 2. Thuyết giảng hết lòng; 3.

Thuyết giảng theo thứ tự từ dễ đến khó, từ thấp đến cao; 4. Thuyết giảng một cách hòa hợp; 5. Thuyết giảng đúng theo nghĩa lý; 6. Hoan hỷ thuyết giảng; 7. Tùy ý thuyết giảng; 8. Không khinh thường thính chúng; 9. Không la mắng thính chúng; 10. Nói đúng như pháp; 11. Nói pháp lợi mình và lợi người; 12. Nói pháp không tán loạn; 13. Nói hợp nghĩa; 14. Nói chân chính; 15. Nói xong thời không kiêu mạn; 16. Nói xong không cần quả báo về sau.

Theo *Kinh Đại Pháp Cự Đà-la-ni* 13 thì vị giảng sư nói pháp phải có tâm nhẫn nhục thương xót, ái ngữ và khiêm hạ; nếu ôm lòng giận ghét hoặc hơn thua thì sẽ mắc đại trọng tội; nếu thuyết với tâm từ bi thì sẽ thành tựu công đức to lớn, khiến Phật pháp trụ thế lâu dài.

Chúng ta căn cứ vào lời dạy của các kinh vừa nêu để minh họa về hình ảnh, phẩm chất của một vị giảng sư hoằng pháp.

Một vị giảng sư hoằng pháp đúng yêu cầu phải là một tu sĩ đã thọ đại giới, đã có thời gian học hành, tu tập, có đạo hạnh, có trình độ Phật học cao, có kiến thức thể học và thời sự, có kỹ năng sư phạm hoằng pháp, kỹ năng nói trước quần chúng và có sức khỏe tốt. Ngoài ra, dáng vẻ bên ngoài như ngoại hình và về thái độ hiền hòa, uy nghi cũng rất cần thiết đối với vị giảng sư.

Vị giảng sư trong khi thuyết pháp cho thính chúng phải là một vị đại diện Tam bảo, là đệ tử Phật, nói lời Phật thay mặt cho Tăng-già. *Kinh Pháp Hoa*, phẩm *Pháp sư* có nói: Thuyết pháp là vào nhà Như Lai (tức là có tâm đại bi), mặc áo Như Lai (nhu hòa, nhẫn nhục), ngôi tòa Như Lai (hiểu rõ các pháp đều Không). Vị ấy cũng phải nhận thức rằng thuyết pháp là có lợi cho mình và cho người khác đúng như *Kinh Tư Ích Phạm thiên Sở vấn* 2 nói: “*Có hai hạng người được phước đức vô lượng: Người thuyết pháp tinh thuần, chăm chỉ và người nghe pháp tinh thuần, chăm chỉ*”. Đây cũng là một yêu cầu đối với vị giảng sư. Vị ấy phải luôn nỗ lực thuyết đúng pháp, dễ hiểu, và hấp dẫn để lôi cuốn người nghe.

Sau đây là một số điểm căn bản trong phẩm chất của một vị giảng sư hoằng pháp:

a) *Niềm tin Tam bảo*: Tín hay tin tưởng, niềm tin là sự tác động của tinh thần khiến cho tâm cho là đúng, là thật một điều gì, một đối tượng nào đó. *Tông Câu-xá* xếp tín vào một trong mười đại thiện pháp. *Duy thức* xếp tín vào các tâm sở thiện. Tín căn, tín lực được xếp đầu trong năm căn, năm lực. *Luận Thành Duy thức* nêu lên ba loại tín: 1. tin vào sự lý chân thật của các pháp; 2. tin vào chân tính của Tam bảo; và 3. tin vào khả năng chứng đắc và sự thành tựu các thiện pháp và từ đó khởi lên hy vọng. Theo luận *Đại thừa Khởi tín* thì niềm tin Tam bảo là quan trọng nhất.

Với niềm tin vào Tam bảo, vị giảng sư mới nhận rõ ý nghĩa vừa thiêng liêng vừa thiết thực của việc giảng pháp: Đưa đạo Phật vào đời bằng tình thương, bằng lời nói chân thực, lợi ích. *Kinh Pháp Hoa*, phẩm 10, *Thường Bất Khinh* kể chuyện vị Bồ-tát này (là tiền thân xa xưa của Đức Phật), hết lòng tin kính Tam bảo, tin rằng mọi người đều sẽ thành Phật. Gặp ai Ngài cũng bảo rằng: “*Tôi rất kính ngưỡng Ngài.*

Vi sao? Vì Ngài đang hành Bồ-tát đạo và sẽ thành Phật”, mặc cho người ta chê cười xua đuổi. Thật ra, đó là lời giảng pháp, lời khuyên tu, lời biểu hiện niềm tin vào Tam bảo.

b) *Từ bi, nhẫn nhục và vô úy*: Từ bi là một đặc điểm lớn của Phật giáo, là động cơ giảng pháp, hoằng pháp của chư Tăng Ni nhằm vì lợi ích của chúng sanh, đưa chúng sanh vào con đường tiến đến giải thoát khỏi khổ đau.

Nhẫn nhục là giữ tâm an tịnh trước nghịch cảnh như bị mắng chửi, bị hành hạ hoặc những hoàn cảnh gây khổ đau khác. Nhẫn nhục là một trong sáu (hay mười) ba-la-mật. *Kinh Pháp Tập* quyển 3 nêu sáu đức nhẫn: 1. Bị mắng chửi mà không sân hận; 2. Bị hành hạ mà vẫn bình tĩnh chịu đựng; 3. Bị phiền não bức bách mà vẫn an tĩnh; 4. An tĩnh trước mọi giận dữ; 5. Không bao giờ tức giận, oán thù; và 6. Không lay động trước sự được mất, khen chê, tăng bớt hạ thấp, vui khổ. Thực hiện tốt như vậy thì gọi là nhẫn Ba-la-mật. *Kinh Đại thừa Lý thú Ba-la-mật* bảo rằng muốn được nhẫn Ba-la-mật thì phải quán triệt chân lý Tất cả đều là Không.

Nhẫn nhục mang ý nghĩa của sự can đảm, của tinh thần vô úy. Vô úy là không sợ điều gì. Có tự tin, có quyết tâm thực hiện mục đích, lý tưởng thì không sợ điều gì, tâm an ổn, mạnh mẽ. Có niềm tin vững chắc mới có thể nhẫn nhục chịu đựng mọi thử thách cam go.

Câu chuyện Tôn giả Phú-lâu-na (Punna) xin phép Đức Phật đi hoằng pháp tại xứ Du-lân-na (Sunaparanta, Sronaparanta) có lẽ là một minh họa rõ nét nhất về niềm tin, sự nhẫn nhục và vô úy mà vị giảng sư hoằng pháp cần có:

“*Bạch Thế Tôn, nay con đã được Thế Tôn giáo giới với lời giáo giới vẫn tất, có một quốc độ tên là Sunaparanta (Tây Phương Du-na Quốc), con sẽ sống tại đây. - Nay Punna, người nước Sunaparanta là hung bạo. Nay Punna, người nước Sunaparanta là thô ác. Nay Punna, nếu người nước Sunaparanta mắng nhiếc Ông, nhục mạ Ông, thời này Punna, tại đây Ông sẽ như thế nào? - Bạch Thế Tôn, nếu người nước Sunaparanta mắng nhiếc con, nhục mạ con, thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: “Thật là hiền thiện, người nước Sunaparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunaparanta này! Vì rằng họ không lấy tay đánh đập ta”. Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thế, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. - Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy tay đánh đập Ông, thời này Punna, tại đây Ông sẽ nghĩ như thế nào? - Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy tay đánh đập con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: “Thật là hiền thiện, người nước Sunaparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunaparanta này! Vì rằng họ không lấy các cục đất ném đánh ta”. Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy! Bạch Thiện Thế, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. - Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy các cục đất ném đánh Ông, thời này Punna, tại đây Ông sẽ nghĩ thế nào? - Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy cục đất ném đánh con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: “Thật là hiền thiện, các*

người nước Sunaparanta! Thật là chí thiện, các người nước Sunaparanta! Vì rằng họ không lấy gậy đánh đập ta". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. - Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy gậy đánh đập Ông, thời này Punna, tại đây Ông nghĩ thế nào? - Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy gậy đánh đập con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: "Thật là hiền thiện, các người nước Sunaparanta! Thật là chí thiện, các người nước Sunaparanta! Vì rằng họ không lấy dao đánh đập ta". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. - Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy dao đánh đập Ông, thời này Punna, tại đây Ông nghĩ thế nào? - Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy dao đánh đập con; thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: "Thật là hiền thiện, các người nước Sunaparanta! Thật là chí thiện, các người nước Sunaparanta! Vì rằng họ không lấy dao sắc bén đoạt hại mạng ta". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. - Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy dao sắc bén đoạt hại mạng Ông, thời này Punna, tại đây Ông nghĩ thế nào? - Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy dao sắc bén đoạt hại mạng con; thời tại đây con sẽ nghĩ như sau: "Có những đệ tử của Thế Tôn, ưu phiền và nhàm chán thân thể và sinh mạng đi tìm con dao (để tự sát). Nay ta khỏi cần đi tìm đã được con dao ấy". Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây, con sẽ nghĩ như vậy. - Lành thay, lành thay, này Punna! Này Punna, Ông có thể sống trong nước Sunaparanta, khi Ông có được đầy đủ sự nhiếp phục và an tịnh này. Này Punna, Ông nay hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Punna, sau khi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, dọn dẹp sàng tọa, lấy y bát, rồi ra đi, đi đến nước Sunaparanta. Tiếp tục du hành, Tôn giả Punna đi đến nước Sunaparanta. Tại đây, Tôn giả Punna sống trong nước Sunaparanta. Rồi Tôn giả Punna nội trong mùa an cư mùa mưa ấy, nhiếp được khoảng năm trăm nam cư sĩ; cũng trong mùa an cư mùa mưa ấy, nhiếp độ khoảng năm trăm nữ cư sĩ; cũng trong mùa an cư mùa mưa ấy, chứng được Tam minh. Sau một thời gian, Tôn giả Punna mệnh chung".

c) Kiến thức sư phạm, kỹ năng diễn giảng: Vị giảng sư là người giảng dạy Phật học, phải biết học tập, đào luyện để có kiến thức về giáo dục, về sư phạm. Đó là những lý thuyết giáo dục, sư phạm nói chung và được áp dụng vào ngành hoàng pháp. Ví dụ, các lý thuyết về tâm lý giáo dục, về sự học, sự truyền đạt, thọ nhận, sự thích nghi với đời sống, các phương pháp giảng dạy, kỹ năng diễn giảng, việc chuẩn bị bài, đánh giá kết quả v.v.

Kinh Tăng Chi bộ, phẩm Năm pháp có nêu năm nội dung thuyết giảng theo năm trường hợp người nghe: "Nói tín với người không có lòng tin, nói giới với người ác giới, nói đa văn với người không nghe nhiều, nói bố thí với người xan tham, nói trí với người ác tuệ". Đây cũng

là sự minh họa cho phương pháp giảng dạy *Tùy duyên hóa vật* được nói đến trong kinh *Tâm địa Quán*.

Trung Bộ kinh, số 139, kinh *Vô tránh Phân biệt* đề cập đến một số nội dung và phương cách diễn giảng như sau: 1. Không tán thán, không chỉ trích, chỉ thuyết pháp; 2. Không nên nói lời bí mật, hư huyền; 3. Không nên nói lời mất lòng; 4. Nên nói từ từ, không vội vàng; và 5. Không lệ thuộc vào phương ngữ, không đi quá xa ngôn ngữ thường dùng.

Về tán thán, và chỉ trích, Đức Phật dạy: "*Nên biết về tán thán và chỉ trích; Sau khi biết về tán thán và chỉ trích, hãy chớ tán thán hay chỉ trích, chỉ nên thuyết pháp*". Ngài dẫn giải cụ thể từng trường hợp. Ví dụ, Ngài dạy rằng khi giảng về đam mê, không nên phê phán những ai đam mê và không nên tán thán những ai không đam mê, mà chỉ nên nói về sự đam mê và sự không đam mê: "*Đam mê là một pháp có đau khổ, có phiền lao, có ưu não, có nhiệt não, thuộc tà đạo. Không đam mê thì không đau khổ, không phiền lao, không ưu não, không nhiệt não, thuộc Chánh đạo*". Không nói lời bí mật, hư huyền là không nói những điều không thực tế, hư ngụy, xa rời chân lý. Không nói mất lòng là không gây buồn giận cho người nghe. Nên nói từ từ, không vội vàng là để cho người nghe dễ theo dõi, phần mình thì không bị tổn hại thân tâm. Đức Phật dạy: "*Nói nhanh có sáu điều hại: thân mệt mỏi, tâm tổn hại, cổ họng bị đau, lời nói không rõ ràng, người nghe không hiểu*". Không lệ thuộc địa phương ngữ nghĩa là nương theo lối nói của người địa phương để hiểu ý nghĩa của những từ ngữ được người ta dùng. Không đi quá xa ngôn ngữ thường dùng nghĩa là nên dùng các từ ngữ thông thường, theo cách nói thông thường, không dùng quá nhiều thuật ngữ hay từ ngữ mới, ít thông dụng.

d) *Có trình độ văn hóa, kiến thức thế tục*: Trong thời đại mới, với sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, các sinh hoạt trong đời sống trở nên phức tạp, phong phú đa dạng. Rất nhiều vấn đề, rất nhiều thông tin hàng ngày: chiến tranh, bất ổn chính trị, ô nhiễm, cạn kiệt môi trường, suy thoái đạo đức... Vị giảng sư hoàng pháp phải nắm được các thông tin thời sự để lựa chọn đề tài thuyết giảng, để minh họa cho nội dung bài giảng.

Mặt khác, vị giảng sư phải biết dùng một số phương tiện hiện đại phục vụ cho việc giảng pháp của mình: sách vở, báo chí, truyền thanh, truyền hình, băng đĩa, phim ảnh v.v.

Đức Phật là vị Pháp vương tối thượng, giáo lý của Ngài nhằm giải thoát cho chúng sinh khỏi khổ đau. Sau khi thể chứng đại đạo, Ngài đã không nhập Niết-bàn mà dành 45 năm truyền bá thông điệp cứu khổ, thành lập giáo đoàn, giảng dạy đệ tử. Phật giáo ngày nay đã trở thành một tôn giáo lớn, tín đồ mỗi lúc một đông, ảnh hưởng lớn đến mọi lĩnh vực hoạt động của mọi người trên thế giới. Sự nghiệp hoàng pháp quyết định cho sự tồn vong, phát triển của đạo Phật, Tăng Ni Phật tử, đặc biệt là những vị giảng sư hoàng pháp là những nhân tố quan trọng trong việc hoàng dương Chánh pháp. ■



Ảnh: Quảng Tâm

VỀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC CỦA GIA ĐÌNH PHẬT TỬ VIỆT NAM

ĐINH ĐỨC HIỀN

Giao dục là hoạt động xã hội rộng lớn có liên quan trực tiếp đến lợi ích, nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi con người, có tác động mạnh mẽ đến tiến trình phát triển của quốc gia. Trong hệ thống tổ chức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện nay, về mặt phương thức giáo dục, Gia đình Phật tử là một hình thức sinh hoạt có vai trò quan trọng và tạo được nhiều ảnh hưởng trong việc đưa thế hệ trẻ tiếp cận với đạo Phật. Tiếc rằng, trên thực tế, không phải ở đâu và lúc nào, vai trò giáo dục của Gia đình Phật tử cũng được nhìn nhận để có đánh giá và được phát huy, nhất là đối với những điều được xem là lợi thế vốn có của hình thức sinh hoạt này. Vì vậy, việc phân tích, đánh giá mục đích hoạt động ý nghĩa giáo dục của sinh hoạt Gia đình Phật tử trong hơn nửa thế kỷ qua để từ đó nhìn nhận và xây dựng các giải pháp góp phần phát huy những giá trị giáo dục của tổ chức này trong giai đoạn hiện nay là thật sự cần thiết.

1. Gia đình Phật tử Việt Nam và những triết lý giáo dục

Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, phong trào chấn hưng Phật giáo phát triển sôi nổi ở nhiều nước trên thế giới như Ấn Độ, Sri Lanka, Trung Quốc... sau đó lan tỏa đến nước ta mà khởi đầu là phong trào chấn hưng Phật giáo tại miền Nam dẫn đến việc thành lập "Phật Học Viện Thu Xã" tại chùa Linh Sơn - Sài Gòn lấy Tạp chí *Từ Bi Âm* làm cơ quan truyền bá. Năm 1932, ở Trung Kỳ *Hội An Nam Phật học* được thành lập. Vừa mới ra đời Hội này đã chú trọng đến việc giáo dục cho thế hệ thanh thiếu niên, với tôn chỉ: "toàn thể Hội viên phải tùy theo hoàn cảnh của mình mà tham học Phật pháp, quan sát Phật lý, tu tập Phật hạnh, tinh tấn hành Phật sự. Cần phải xây dựng đội ngũ trí thức trẻ để tham gia và kế thừa phát huy tôn chỉ của hội để ra". Sau khi đã quy tụ được một số thanh niên trí thức đồng thời giảng dạy Phật pháp và chuyên môn để họ diu dắt và hướng dẫn các đoàn Đồng

Ấu Phật tử, năm 1938, tại Đại hội đồng Tổng trị sự đầu tiên của Hội An Nam Phật học khai hội ở chùa Từ Đàm (Thừa Thiên- Huế), Cư sĩ Tâm Minh - Lê Đình Thám đã khởi xướng thành lập Đoàn Thanh niên Đức dục. Năm 1941, tổ chức này đổi tên là Gia đình Phật hóa phổ, đến năm 1951 cũng tại chùa Từ Đàm (Thừa thiên - Huế) diễn ra Đại hội đầu tiên lấy tên gọi thống nhất là Gia đình Phật tử Việt Nam.

1.1. Gia đình Phật tử Việt Nam là phong trào giáo dục, đào tạo Thanh, Thiếu, Đồng niên tin Phật.

Trong tác phẩm: “*Đây Gia đình*”, huynh trưởng Võ Đình Cường, một trong những người sáng lập Gia đình Phật tử, đã khẳng định: “*Chúng tôi vì mục đích giáo dục mà chọn Phật giáo làm nền tảng, chứ không phải vì Phật giáo mà lôi kéo thanh niên... Không đâu thuận tiện cho bằng Gia đình Phật tử để đào tạo con em thành những Phật tử chân chính... Đây là miếng đất rất tốt để đào tạo con người về mọi phương diện... Gia đình Phật tử chỉ là một tổ chức giáo dục trong hội Phật học*”². Điều này cho đến nay cũng đã được chính thực tiễn của hơn nửa thế kỷ tồn tại, trưởng thành và phát triển của phong trào Gia đình Phật tử Việt Nam hiện nay minh chứng.

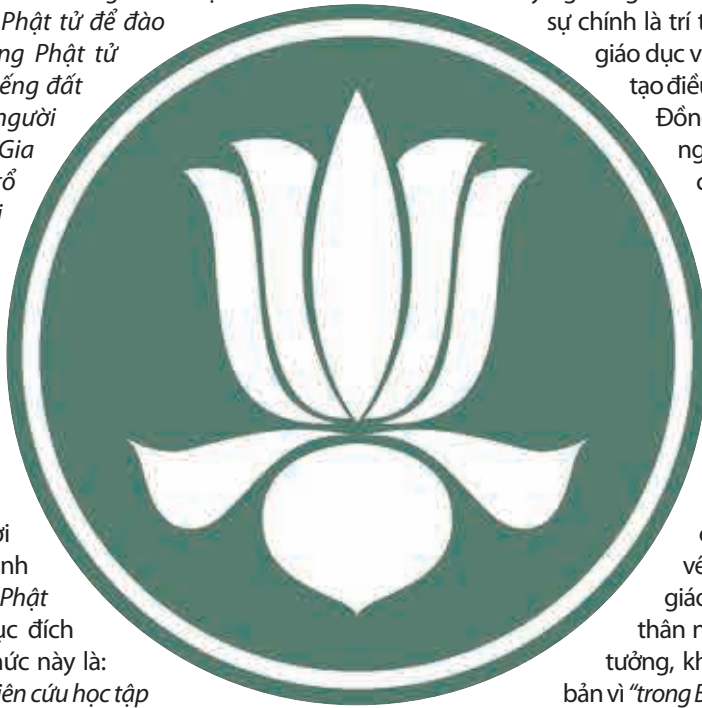
Cụ thể là trong thời kỳ đầu khi còn mang danh xưng “*Đoàn Thanh niên Phật học Đức dục*” (1940) mục đích được xác định của tổ chức này là: “*để người thanh niên nghiên cứu học tập thực hành theo giáo lý đạo Phật, tu sửa mình cho thanh cao, nêu gương tốt và phổ biến đạo đức Phật giáo ra ngoài xã hội.*” Về sau, khi các đoàn viên Phật học Đức dục thành lập các đơn vị Gia đình Phật hóa phổ, mục đích được xác lập là: “*Đào tạo những Phật tử chân chính, xây dựng hạnh phúc gia đình trên nền tảng luân lý Phật giáo.*” Kể đó, đến năm 1951, khi Gia đình Phật hóa phổ cả nước thống nhất đổi danh xưng thành Gia đình Phật tử, mục đích được xác định cụ thể hơn là: “*huấn luyện Thanh, Thiếu, Đồng niên Phật tử về ba phương diện Trí dục, Đức dục và Thể dục trên nền tảng Phật giáo để đào tạo Phật tử chân chính.*” Năm 1964, tại Đại hội Gia đình Phật tử toàn quốc, mục đích này lại được tu chỉnh lần nữa là: “*đào tạo những Thanh, Thiếu và Đồng niên Phật tử thành những Phật tử chân chính để phục vụ Chánh pháp và thành những hội viên chính đáng của Hội.*” Cho đến hiện nay, tại Điều 2, Chương I của Nội quy Gia đình Phật tử Việt Nam, mục đích này một lần nữa được khẳng định là: “*Đào tạo Thanh,*

Thiếu, Đồng niên tin Phật thành Phật tử chân chính, góp phần phục vụ đạo pháp và xây dựng xã hội.... Như vậy, tùy từng thời điểm lịch sử khác nhau, mục đích của Gia đình Phật tử Việt Nam được diễn đạt bằng những mệnh đề khác nhau, song triết lý giáo dục trọng tâm vẫn là: đào tạo những thanh, thiếu, niên có niềm tin vào Phật giáo trở thành những con người Phật tử chân chính để phục vụ cho đạo pháp Phật giáo và dân tộc Việt Nam.

1.2. Gia đình Phật tử Việt Nam lấy giáo dục Phật giáo làm nền tảng căn bản.

Theo quan điểm của Phật giáo: tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đều có khả năng giác ngộ và khả năng thực hiện niềm hạnh phúc chân thực ngay trong hiện tại... Điều này hàm ý nguồn gốc của an lạc và hạnh phúc thật sự chính là trí tuệ. Giáo dục toàn diện là giáo dục vừa cung cấp kiến thức vừa tạo điều kiện cho trí tuệ phát triển.

Đồng thời, Phật giáo lại lấy con người làm đối tượng và cứu cánh cũng ở con người, không chối bỏ con người để tìm kiếm một thần thánh nào khác ngoài con người. Về nhân sinh quan, Phật giáo hoàn thiện con người của ta ở ngay trong hiện tại, còn về phương diện thế giới quan Phật giáo không dạy con người chán đời, yếm thế để cầu về một cõi hư ảo. Do đó, giáo dục Phật giáo trong bản thân nó hàm chứa tính tự do tư tưởng, không lấy tín điều làm căn bản vì “*trong Bát Chánh đạo (The Eightfold Noble Path) tức là con đường với tám phương hướng đúng đắn để diệt khổ, Phật giáo đặt chính kiến (right view) nghĩa là có sự hiểu biết đúng đắn lên hàng đầu,*”³ đồng thời, luôn coi trọng tinh thần thực tiễn “*lấy con người làm đối tượng và cứu cánh cũng ở con người, lấy thế gian làm đối tượng và cứu cánh cũng ở thế gian, tư tưởng nhất thừa trong giáo dục Phật giáo không dạy ta chối bỏ con người thực tại để tìm kiếm một hiền thánh mà dạy chúng ta làm cho con người trở thành hiền thánh, không dạy ta từ bỏ ta bà để đi tìm tịnh độ mà dạy ta chuyển hóa ta bà thành tịnh độ.*”⁴ Gia đình Phật tử Việt Nam là phong trào trực thuộc và được sự bảo trợ trong lòng Giáo hội Phật giáo Việt Nam, đã lấy những giáo lý của đạo Phật làm nền tảng giáo dục. Theo đó, khi xây dựng đường hướng giáo dục, Gia đình Phật tử Việt Nam nhắm đến việc rèn luyện cho thanh, thiếu, và đồng niên ba đức tính chính yếu là Bi (tinh thương); Trí (trí tuệ); Dũng (lòng dũng cảm), không đặt nặng vấn đề tuyên truyền đạo pháp để lôi cuốn tín đồ Phật tử mà cốt là để



hướng dẫn thanh thiếu niên Phật tử sống tốt đời - đẹp đạo thông qua việc giữ gìn giới luật, nâng cao phẩm chất để họ trở thành những Phật tử chân chính. Nhờ vậy mà một trong những thành quả giáo dục đã đạt được bởi Gia đình Phật tử Việt Nam, như lời cổ Hòa thượng Thích Thiện Siêu khẳng định tại buổi nói chuyện với huynh trưởng ở lễ khai mạc trại họp bạn huynh trưởng Lục hòa Gia đình Phật tử Thừa Thiên Huế năm 1999, là: *"Nếu ai đó bị sa ngã trong căn sa, ma túy thì Gia đình Phật tử không có mặt ở đó. Những nơi nào cờ bạc, rượu chè bê bối thì những nơi đó Gia đình Phật tử không có mặt. Những nơi nào có quán xá nhậu nhẹt say sưa, gây lộn đả thương nhau bằng binh khí, miếng lưỡi, giành giật chém giết nhau thì những nơi đó Gia đình Phật tử không có mặt"*. Đây thật sự là một trong những đóng góp có nhiều ý nghĩa quan trọng cho xã hội hiện nay.

1.3. Chương trình giáo dục của Gia đình Phật tử Việt Nam có nhiều ý nghĩa và lợi thế về mặt giáo dục đạo đức cho con người.

Để thực hiện mục đích giáo dục của mình, Gia đình Phật tử đã xây dựng được các hình thức sinh hoạt, các bộ môn tu học Phật pháp tương đối phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi và tổ chức được nhiều hoạt động mang tính giáo dục thông qua các sinh hoạt thanh niên, văn nghệ, xã hội... Về kỹ năng giáo dục, các huynh trưởng đã biết sử dụng các nghiệp vụ sư phạm như: giảng, kể chuyện, ghi chép, sinh hoạt tập thể, kiểm tra, thi kết khóa v.v. Điều nổi bật là trong chương trình giáo dục này, phong trào Gia đình Phật tử Việt Nam đã thật sự chú trọng đến việc phát huy tính cộng đồng, tinh thần tập thể, ý thức trách nhiệm của công dân đối với xã hội, quan tâm tính hướng thiện, phát triển khát vọng vươn lên và vun đắp tính tự nguyện, tính đồng đội, đức hy sinh cho tuổi trẻ. Điều này đã góp phần giáo dục cho Thanh, Thiếu, Đồng niên tin Phật hình thành những đức tính đạo đức căn bản đúng với danh nghĩa người Phật tử chân chính, hướng cho các em có trách nhiệm với hành vi của mình, biết tôn trọng kỷ cương luật lệ, sống thật thà, không dối trá, không làm điều ác... ngoài bốn phạm đối với bản thân, gia đình còn phải làm tròn trách nhiệm đối với quê hương, đất nước.

Như vậy, có thể nói trong hơn 60 năm qua (1951- 2012) dù đã có không ít những sự biến đổi, thăng trầm cùng với dòng chảy lịch sử Phật giáo dân tộc khiến nội quy nói chung, mục đích Gia đình Phật tử nói riêng, dù đã qua không ít lần tu chỉnh, sửa đổi nhưng những đích nhắm cốt lõi của phong trào này từ những ngày đầu mới thành lập cho đến hôm nay vẫn trước sau như một, đó chính là xây dựng một tổ chức giáo dục thanh thiếu đồng niên tin Phật mà tư tưởng chủ đạo của nó là xây dựng những thế hệ trẻ tin Phật thấm nhuần giáo lý nhà Phật, biết phụng sự đạo pháp và xây dựng xã hội tốt đẹp trong ngôi nhà chung của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Trên cơ sở lấy tư tưởng giáo dục chung của Phật giáo làm nền tảng, căn cứ vào những đặc thù riêng về khách thể, về nội dung chương trình giáo dục của mình, Gia đình Phật tử đã góp phần vào việc nâng

cao tinh thần đạo đức và ngăn chặn các tiêu cực, tệ nạn xã hội, giúp cho các huynh trưởng, đoàn sinh nói riêng, thế hệ trẻ hôm nay nói chung có ý thức về nguồn cội tổ tiên, về quốc gia dân tộc, tự giác tu thân nhưng vẫn ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với xã hội, đất nước.

2. Một số giải pháp góp phần phát huy ý nghĩa triết lý giáo dục của phong trào Gia đình Phật tử Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

Với những thành quả đạt được của phong trào Gia đình Phật tử Việt Nam suốt 60 năm qua, việc phát huy ý nghĩa triết lý giáo dục của phong trào này trong giai đoạn hiện nay rõ ràng là việc cần phải nghĩ tới.

2.1. Sự cần thiết của việc phát huy ý nghĩa giáo dục trong phong trào Gia đình Phật tử Việt Nam ở giai đoạn hiện nay.

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp Quốc (UNESCO) đã nêu lên 4 trụ cột của giáo dục đó là: học để biết, học để làm, học cách chung sống và học để khẳng định mình, qua đó nhấn mạnh: *"thời đại mới đòi hỏi con người phải có cách nhìn mới, cách nghĩ mới và những kỹ năng, kiến thức mới của chính thời đại đó."*⁵ Riêng đối với nước ta, trong điều kiện hiện nay với việc xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và mở cửa hội nhập quốc tế, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, có không ít vấn đề mới và phức tạp được đặt ra trong lĩnh vực tư tưởng. Đó là sự du nhập ngày càng nhanh, rộng của lối sống phương Tây, sự tràn ngập của các loại hình văn hóa đồi trụy vào lối sống các thế hệ trẻ, sự lôi kéo, lợi dụng của chủ nghĩa sùng thượng vật chất, của chủ nghĩa tiêu thụ nhắm đến giới trẻ, đã tác động không nhỏ vào giới thanh thiếu đồng niên Phật tử.

Mặt khác, từ nhiều nghiên cứu cũng như thực tế đã cho thấy, cho đến nay về cơ bản *"Mục đích, tôn chỉ, nội dung, phương pháp rèn luyện của Gia đình Phật tử khá hoàn thiện và có nhiều điểm phù hợp với tâm sinh lý thanh thiếu niên... Vì vậy hoạt động của Gia đình Phật tử có tác dụng nhất định đến việc giáo dục thanh thiếu niên về nề nếp, lòng nhân ái, ý thức tổ chức kỷ luật, các hoạt động xã hội"*⁶. Song, chúng ta cũng không thể vì thế mà cho rằng phương thức giáo dục của tổ chức Gia đình Phật tử như vậy là đã hoàn thiện, đã đáp ứng được những đòi hỏi mới của thời đại hiện nay, thời đại của sự bùng nổ công nghệ thông tin, của nền kinh tế trí thức, và của quá trình toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế đang ngày càng trở thành một xu thế khách quan... tác động đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội trong đó có Phật giáo và đồng bào Phật tử. Đó là chưa kể đến bản thân phương thức giáo dục của phong trào Gia đình Phật tử cho đến nay vẫn còn nhiều hạn chế nhất định: ở không ít nơi, sinh hoạt Gia đình Phật tử vẫn còn nặng về hình thức tôn giáo, đọc kinh, lễ bái không phù hợp với đời sống thực tế hiện nay; một bộ phận không nhỏ huynh trưởng, đoàn sinh có sự tha hóa về mặt tư tưởng, bị kích động, lôi kéo ra khỏi quỹ đạo phát triển của xã hội, tham gia vào các hoạt động

ngược với con đường xã hội, dân tộc đang đi vì mục tiêu: *dân giàu nước mạnh, xã hội dân chủ công bằng văn minh.*

Do đó, để xây dựng được sự “*miễn dịch tâm lý*” ngăn chặn được các nọc độc tư tưởng tác động đến một bộ phận đoàn sinh, huynh trưởng của tổ chức Gia đình Phật tử hiện nay, bản thân tổ chức Gia đình Phật tử cũng cần thiết phải có nhiều sự đổi mới phù hợp, nhất là trong việc phát huy được những lợi thế và các giá trị giáo dục đạo đức vốn có của tổ chức mình.

2.2. *Một số giải pháp góp phần phát huy ý nghĩa giáo dục của phong trào Gia đình Phật tử Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.*

Để góp phần giữ gìn và phát huy ý nghĩa giáo dục của tổ chức Gia đình Phật tử trong giai đoạn hiện nay, xin đưa ra một số giải pháp sau:

Trước hết, cần tiếp tục giữ vững và phát triển truyền thống sâu sắc của tổ chức Gia đình Phật tử về giáo dục lòng yêu nước, giáo dục đạo đức hướng thiện cho thanh, thiếu, đồng niên tin Phật, tạo được một lớp huynh trưởng, đoàn sinh mới có ý thức, hệ giá trị và lý tưởng sống vì dân tộc và đạo pháp chân chính, vì đất nước Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”.

Để thực hiện được điều này, bên cạnh những vấn đề thuộc về tính đặc thù, về sứ mệnh truyền thống và những lợi thế về mặt tổ chức, pháp lý và những nội dung chương trình phù hợp đã được khẳng định trong hơn 60 năm qua, trong mô hình và chiến lược giáo dục của Gia đình Phật tử hiện nay tất yếu phải gắn liền và song hành với mục tiêu và các nguyên lý giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, đó là: *“đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Hoạt động giáo dục phải được thực hiện theo nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội”.*⁷

Thứ hai, Gia đình Phật tử Việt Nam cần phát huy được những lợi thế có được về các hình thức giáo dục đa dạng của mình.

*“Giáo dục là quá trình truyền đạt và lĩnh hội kinh nghiệm - lịch sử xã hội của các thế hệ, quá trình này giúp cho mỗi cá nhân tích lũy kiến thức, mở mang trí tuệ, hình thành văn hóa, đạo đức, giúp xã hội bảo tồn và phát triển nền văn hóa của mình”*⁸. Đồng thời, quá trình này được thực hiện bằng nhiều con đường quan trọng khác nhau, như: giáo dục thông qua dạy học; giáo dục thông qua các hoạt động: vui chơi, lao động, hoạt động xã hội; giáo dục thông qua sinh hoạt tập thể, giáo dục bằng con đường tự tu dưỡng (còn gọi là tự giáo dục)... Thực tế cho thấy mô hình giáo dục của tổ chức Gia đình Phật tử đã cơ bản sử dụng và kết hợp được các hình thức giáo dục này, đây có thể xem là

lợi thế trong mô hình giáo dục của Gia đình Phật tử. Tuy nhiên, hiệu quả của việc sử dụng và kết hợp các hình thức này còn nhiều hạn chế, chưa phát huy hết được những chức năng, vai trò và sức nặng của mỗi hình thức cũng như trong cách phối kết hợp giữa chúng. Vì vậy, trong giai đoạn tới nếu Gia đình Phật tử chú ý quan tâm và khai thác được những lợi thế này, chắc chắn hiệu quả giáo dục của tổ chức này sẽ ngày càng nâng cao hơn.

Kết luận:

*“Hạnh phúc lớn của một dân tộc, của những người đi trước là đào tạo được lớp người hậu sinh khả úy, lớp người kế tục trung thành và xứng đáng sự nghiệp vẻ vang, tiếp tục thực hiện lý tưởng cao đẹp.”*⁹ Như Lời nói đầu của Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI, năm 2007 đã khẳng định: *“Trong gần hai ngàn năm hiện diện trên đất nước Việt Nam, hòa mình cùng dân tộc, đạo Phật đã trở thành một tôn giáo của dân tộc. Với truyền thống yêu nước, suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước từ ngàn xưa cho đến ngày nay, Phật giáo Việt Nam bao giờ cũng là thành viên trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc”.* Trên tinh thần đó, với tư cách là một bộ phận trực thuộc Giáo hội Phật giáo Việt Nam, trong hơn nửa thế kỷ tồn tại của mình, thông qua phương thức giáo dục, Gia đình Phật tử đã để lại nhiều ảnh hưởng tốt đẹp đến nếp sống hiền thiện của hàng ngũ thanh, thiếu, đồng niên Phật tử. Vì vậy, việc tiếp tục phát huy những ý nghĩa triết lý giáo dục của tổ chức Gia đình Phật tử, nhất là về phương diện giáo dục đạo đức để góp phần xây dựng lối sống cho thế hệ thanh niên Phật tử trong giai đoạn hiện nay là vấn đề cần thiết quan trọng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Như, Trung Hậu, *Tâm Minh tuyển tập*, 1983, tr.582.
2. Võ Đình Cường, *Đầy Gia đình*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, 2001, tr.122 - 134.
3. Nguyễn Tấn Hùng, Lê Hữu Ái, *Triết học*, Nxb Đà Nẵng, 2010, tr. 34.
4. Lý Kim Hoa Ph.D, *Giáo dục học Phật giáo*, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, 2009.
5. Đình Văn Ân, Hoàng Thu Hoài, *Giáo dục và đào tạo, chìa khóa của sự phát triển*, Nxb Tài Chính, Hà Nội, 2008, tr.16.
6. Võ Thị Xuân Hà, *Gia đình Phật tử*, Nxb Văn Hóa - Thông Tin, Hà Nội, 2010, tr.93.
7. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Lược giáo dục*, Nxb Tư Pháp, Hà Nội, 2010, tr.25, 26.
8. Phạm Viết Vượng, *Giáo dục học*, Nxb Đại Học Quốc Gia, Hà Nội, 2007, tr.10.
9. Nguyễn Phú Trọng, *Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình đổi mới đất nước*, Nxb Chính Trị Quốc Gia, 2002, tr. 646.
10. Thích Quảng Trí, *Tiến trình hình thành và phát triển Gia đình Phật tử Việt Nam*, Luận văn tốt nghiệp khóa II (2001 - 2005), Huế, 2005. ■



Ngẫm nghĩ về gia giáo

HUỲNH KIM BỬU

Có một thời, khái niệm gia giáo rất được quan tâm. Trong xã hội ta, từ gia tộc lớn cho đến gia đình bình dân, ai cũng lo về mặt gia giáo. Cái nên - hư, hay - dở của con cháu, phần nhiều phụ thuộc vào gia giáo. Gia đình có người con nên, trong làng xã, địa phương có dư luận khen: “*Nhờ gia giáo*”; chẳng may bị đứa con hư, người ta xúm nhau chê: “*Do thiếu gia giáo*”.

Gia giáo, theo như ta nhìn thấy ở xung quanh, là giáo dục của gia đình dành cho con cháu, và đó cũng là nền nếp gia đình cần được gìn giữ. Người ta nói: “*Gìn vàng giữ ngọc*”, chắc là nói về giữ gìn gia giáo.

Giáo dục gia đình dành cho trẻ có những nội dung gì? Thường thì đối với trẻ ấu thơ, người ta dạy lễ phép,

vâng lời, đi thưa về trình, tới tuổi thiếu niên bắt đầu dạy luân thường đạo lý; khuyên nhủ những bổn phận đối với bản thân, gia đình và xã hội. Nếu là một dòng tộc danh giá, một gia đình có công nghiệp với đời, thì người ta còn giáo dục trẻ biết sống xứng đáng và biết kế thừa, phát huy những giá trị truyền thống. Việc tiến hành gia giáo không ai làm theo kiểu thầy giảng trò nghe mà thường thì ông bà, cha mẹ dạy con bằng tấm gương đạo đức của chính mình, bằng nền nếp, lễ giáo của gia đình, dòng tộc... Người ta tin rằng, việc giáo dục phải tiến hành sớm, vì “*Măng không uốn, tre khó uốn được*”.

Nội dung gia giáo được thấy trong các sách dạy đạo làm người của thánh hiền, về sau các học giả, các nhà sư phạm biên soạn, giảng giải cho thiết thực và rõ ý nghĩa. Sách



Luân lý giáo khoa thư, cũng như *Quốc văn giáo khoa thư*, được dành cho học sinh trường làng, trường tổng đầu tóc hót ca-rê học những bài học luân lý vỡ lòng, như biết ơn ông bà, cha mẹ, biết ơn thầy, nhường nhịn nhau giữa anh em một nhà... Có cuốn sách được người ta rất tâm đắc là sách *Gia huấn ca* của Nguyễn Trãi, vì sách khuyên nhủ bao nhiêu điều thiết thực, để cao việc học: "*Học cho hy thánh hy hiền - Việc gì thông biết chẳng phiến lụy ai*". Hy thánh, hy hiền có nghĩa là đạt tới bậc thánh, bậc hiền. Trong các gia đình, ông bà, cha mẹ, anh chị tùy theo sở học mà đem những câu trong sách ra dạy bảo con em nhà.

Quan sát cuộc sống, chắc người ta cũng thấy những gia đình coi trọng gia giáo thì thành đạt, hiển vinh, con cháu nên danh phận, làm nên tiếng tốt cho gia đình, dòng tộc, và coi đó như một sự trả ơn sinh thành, dưỡng dục. Và nếu nói cho hết, người ta cũng thấy bên cạnh đó, những gia đình đã vì buông lỏng giáo dục mà bị cái nạn con cái hư, nhỏ không học, lớn lên không nghề, không nuôi nổi bản thân, trở thành gánh nặng cho gia đình, xã hội. Nguyên nhân nào ở đây? Trước hết, phải là sự thiếu trách nhiệm và gương mẫu trong cuộc sống của cha mẹ, cha mẹ thường nghĩ đơn giản làm cho có tiền và phó thác sự giáo dục cho nhà trường và xã hội; sống vì mình và không nghĩ đến con cái "*ở bầu thì tròn, ở ống thì dài*". Đó là chưa dám nói tới những người làm cha mẹ đã không làm ăn lương thiện, thiếu đạo đức, hạng quan tham lại những nhiều tiền của mà không giải thích minh bạch được các nguồn thu nhập của mình... Và nếu tìm hiểu cho hết các nguyên nhân, còn có thể là có những đứa con cá biệt, làm cho cha mẹ phải bó tay, vô phương dạy bảo và đành ngậm đắng nuốt cay vì cảnh "*con dại cái mang*".

Con hư sẽ làm xấu, mang tai tiếng cho gia đình và

gây nỗi đau đớn khôn xiết cho người làm cha mẹ. Con hư đến mức phạm pháp, bị pháp luật trừng trị là nỗi đau tột cùng, nỗi bất hạnh lớn của cha mẹ. Những gia đình nghiêm với giáo dục, trọng gia giáo, quý thanh danh thì sống vì con, nâng niu từng bước đi của con, luôn tìm cách hướng thiện cho con.

Thời xưa, cha ông ta coi trọng gia giáo, cho nên nước mới có nhiều người con trung hiếu, thời nào cũng có nhiều người tài giỏi. Lịch sử ghi một dòng họ lớn với những tên tuổi lớn, sự nghiệp lớn: Trần Quang Khải - Trần Nguyên Đán - Trần Nguyên Hãn - Nguyễn Phi Khanh - Nguyễn Trãi... Cha con ông Đặng Tất - Đặng Dung và nhiều gia đình, gia tộc nữa cùng lưu danh trong lịch sử.

Đến thời gần đây, nhờ gia giáo còn được phát huy mà có không biết bao chiến sĩ, anh hùng được Tổ quốc ghi công, bao người phụ nữ được vinh danh vì đã sinh ra những con trung hiếu.

Lợi ích của gia giáo lớn đến vậy, thế nhưng, không hiểu tại sao tới ngày nay, thời đổi mới đất nước và hội nhập thế giới này, gia giáo kể như bị xao lãng, bỏ quên. Ta hãy nhìn vào một việc của thời nay: Người vị thành niên, thanh niên hư nhiều quá, mắc trọng tội trọng án nhiều quá, nhiều gia đình bị đổ vỡ hạnh phúc vì tội ác của con cái... Rồi tự hỏi xem, việc này với cái gia giáo bị bỏ quên kia có mối quan hệ nhân quả nào không? Nếu có, thì đâu là giải pháp của vấn đề. Và nữa, mấy năm nay, Nhà nước có cuộc vận động xây dựng gia đình văn hóa, vậy thì cuộc vận động này đã làm hay chưa làm được cái việc phát huy vai trò của gia giáo? Thiển nghĩ, khi gia giáo được tích cực phát huy sẽ bảo đảm cho cuộc vận động thành công, trong xã hội sẽ xuất hiện nhiều gia đình văn hóa như chúng ta mong đợi. ■



“Kiến ngũ uẩn giai Không, độ nhất thiết khổ ách”

DIỆU HẰNG

Tâm kinh Bát-nhã có câu nói nổi tiếng đề cập phương pháp giải thoát khổ đau rất truyền thống của đạo Phật Nguyên thủy, được nhấn mạnh trong các bản kinh *Nikàya*: “*Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba-la-mật-đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách*”. Nghĩa là: “*Bồ-tát Quán Tự Tại (tên gọi khác của Bồ-tát Quán Thế Âm) trong lúc hành sâu về trí tuệ ba-la-mật, quán thấy năm uẩn là trống không, vượt qua mọi gánh nặng khổ đau*”.

Mặc dù tiêu biểu cho một giai đoạn phát triển về sau của tư tưởng thực nghiệm Phật giáo, câu kinh là một cách nói khác về pháp môn Niệm xứ (*Satipatthana*) trong Kinh tạng Pàli, được mệnh danh là con đường duy nhất “*ekàyano maggo*” đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn. Cụ thể, đó chính là phương pháp quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn. Trong *Kinh Niệm xứ*, Trung Bộ, pháp môn tu tập này được diễn tả như sau:

"Này các Tỷ-kheo, thế nào là Tỷ-kheo sống quán pháp trên các pháp đối với năm thủ uẩn? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo quán sát: "Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt. Đây là tưởng, đây là tưởng tập, đây là tưởng diệt. Đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt. Đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt". Như vậy, vị ấy sống quán pháp trên các nội pháp; hay sống quán pháp trên các ngoại pháp; hay sống quán pháp trên các nội pháp, ngoại pháp. Hay vị ấy sống quán tánh sanh khởi trên các pháp; hay sống quán tánh diệt tận trên các pháp; hay sống quán tánh sanh diệt trên các pháp. "Có những pháp ở đây", vị ấy sống an trú chánh niệm như vậy, với hy vọng hướng đến chánh trí, chánh niệm. Và vị ấy sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời".

"Hành thâm bát-nhã ba-la-mật-đa" tức thực tập sâu sắc trí tuệ giác ngộ hay trí tuệ đưa đến bờ kia, đưa đến giải thoát, cũng đồng nghĩa với việc thực hành sâu sắc pháp môn thiên quán hay tuệ quán (*vipassanà*) được nói đến trong Kinh tạng Pàli nhằm đạt đến mục tiêu cứu cánh giải thoát gọi là tuệ giải thoát (*paññavimutti*), tức thành tựu sự giải thoát hay đoạn tận khổ đau nhờ phát triển trí tuệ.

Sao gọi là "kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách?". Đó là nhờ thực tập pháp môn quán ngũ uẩn hay như lý giác sát (*patisankhà yoniso*) năm uẩn nhiều lần và sâu sắc (hành thâm), thấy rõ với trí tuệ hay như thật tuệ tri (*yathàbhūtam pajānāti*) sự sanh khởi và đoạn diệt do nhân duyên, tính chất trống không, rỗng không, không tự tính, không thực thể, vô ngã của năm uẩn, nên tâm thức vị hành giả thoát khỏi mọi ái luyến, chấp thủ đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, thoát khỏi mọi ảo tưởng về "tôi" hay "của tôi", thực chứng tâm vô ngã, giải thoát. Kinh Niệm xứ gọi đó là "sống không nương tựa, không chấp trước một vật gì trên đời". Không nương tựa, không luyến ái, không chấp trước thì tâm được giải thoát, trở nên an nhiên tự tại, thoát khỏi mọi hệ lụy khổ đau; chuyện gì xảy đến đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không bận lòng, không sầu, bi, khổ, ưu, não. Năm uẩn là khổ đau, là gánh nặng của muôn vàn khổ não; do đó, nếu mê lầm mà rơi vào tham ái đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, thích thú ôm ấp, nhận làm của mình, tức là mời gọi khổ đau, quấy gánh nặng lên vai. Trái lại, thấy rõ năm uẩn là khổ, vô thường, vô ngã, giả hợp, không thực thể thì hết mê lầm, hết tham ái đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng đồng nghĩa là già biệt khổ đau, đặt gánh nặng xuống². Trong Kinh tạng Pàli, Đức Phật nêu rõ kinh nghiệm giải thoát của Ngài nhờ tu tập pháp môn quán sát năm uẩn:

"Này Vaccha, đây là điều Như Lai đã thấy: "Đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt; đây là thọ, đây là thọ tập, đây là thọ diệt; đây là tưởng, đây là tưởng tập, đây là tưởng diệt; đây là hành, đây là hành tập, đây là hành diệt; đây là thức, đây là thức tập, đây là thức diệt". Do vậy ta nói rằng, với sự

đoạn trừ, ly tham, đoạn diệt, xả bỏ, vứt bỏ tất cả ảo tưởng, tất cả hôn mê của tất cả ngã kiến, ngã sở kiến, mạn tùy miên, mà Như Lai được giải thoát, không còn chấp thủ"³.

Thấy rõ năm uẩn là duyên sinh, là không, là vô ngã thì thoát khỏi mọi ảo tưởng về "tôi", mọi ám ảnh về "tự ngã", thoát khỏi tâm tham ái, chấp thủ đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không còn lý do cho mọi vọng tưởng sinh khởi quấy rầy và che mờ tâm thức. Đây chính là kết quả của công phu thiền quán sâu sắc đối với năm uẩn mà Tâm kinh Bát-nhã gọi là "hành thâm bát-nhã ba-la-mật-đa", tức quán sát và thấy rõ năm uẩn là không, là vô ngã nhằm cắt đứt tham ái, chấp thủ, vô minh (vọng tưởng), giải thoát hoàn toàn mọi hệ lụy khổ đau. Sự thấy rõ bản chất sanh diệt, vô tự tính, vô ngã tính, trống không, không thực thể của năm uẩn, sự dứt bật mọi ý niệm phân biệt đối đãi, buông bỏ tâm tham ái, chấp thủ đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức tức là thực chứng bát-nhã ba-la-mật, vượt khỏi mọi gánh nặng khổ đau (độ nhất thiết khổ ách), đạt đến bờ kia (đáo bỉ ngạn), thành tựu tuệ giải thoát (*paññavimutti*) hay chứng đắc Niết-bàn. Sau đây là bài kinh⁴ nêu rõ phương pháp quán sát năm uẩn là trống không, rỗng không, không thực thể, vô ngã, do Đức Phật chỉ dạy cho các Tỷ-kheo nhằm giúp cho họ thực tập và nuôi lớn tuệ giác giải thoát, thành tựu mục đích đoạn tận khổ đau, đắc quả A-la-hán, thực chứng Niết-bàn:

"Một thời Thế Tôn ở Ayujjāya, trên bờ sông Hằng. Ở đấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo...

Ví như, này các Tỷ-kheo, sông Hằng này chảy mang theo đồng bọt nước lớn. Có người có mắt nhìn đồng bọt nước ấy, chuyên chú, như lý quán sát. Do nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, đồng bọt nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong đồng bọt nước được?

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có sắc gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; vị Tỷ-kheo thấy sắc, chuyên chú, như lý quán sát sắc ấy. Do vị Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, sắc ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong sắc được?

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong mùa thu, khi trời mưa những giọt mưa lớn, trên mặt nước, các bong bóng nước hiện ra rồi tan biến. Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, bong bóng nước ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong bong bóng nước được?

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có thọ gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát thọ ấy. Do Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, thọ ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ



ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong thọ được?

Ví như, này các Tỷ-kheo, trong tháng cuối mùa hạ, vào đúng giữa trưa đứng bóng, một ráng mặt trời rung động hiện lên. Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó. Do người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát, nên ráng mặt trời ấy hiện rõ ra là trống không, rỗng không, không có lõi cứng... Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong ráng mặt trời được?

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm có tướng gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát tướng ấy. Do Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, tướng ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong tướng được?

Ví như, này các Tỷ-kheo, một người cần có lõi cây, tìm cầu lõi cây, đi tìm lõi cây, cầm cái búa sắc bén đi vào ngôi rừng. Ở đây, người ấy thấy một cụm cây chuối lớn, mọc thẳng, mới lớn, cao vút. Người ấy chặt rễ cây ấy. Sau khi chặt rễ, người ấy chặt ngọn. Sau khi chặt ngọn, người ấy lột vỏ chuối ngoài. Khi lột vỏ chuối ngoài, giác cây còn tìm không được, tìm đâu cho có được lõi cây? Một người có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát cụm cây chuối ấy. Khi người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, cụm cây chuối ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong cụm cây chuối được?

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm các hành gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát hành ấy. Khi người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát, hành ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong các hành được?

Ví như, này các Tỷ-kheo, một ảo thuật sư hay đệ tử một ảo thuật sư, tại ngã tư đường bày trò ảo thuật. Một người

có mắt nhìn chuyên chú, như lý quán sát trò ảo thuật ấy. Do người ấy nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, trò ảo thuật ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong trò ảo thuật được?

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, phàm thức gì thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc nội hay ngoại, hoặc thô hay tế, hoặc liệt hay thắng, hoặc xa hay gần; Tỷ-kheo nhìn chuyên chú, như lý quán sát nó, thức ấy hiện rõ ra là trống không, hiện rõ ra là rỗng không, hiện rõ ra là không có lõi cứng. Làm sao, này các Tỷ-kheo, lại có lõi cứng trong thức được?

Thấy vậy, này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử nhằm chán đối với sắc, nhằm chán đối với thọ, nhằm chán đối với tưởng, nhằm chán đối với các hành, nhằm chán đối với thức. Do nhằm chán, vị ấy ly tham. Do ly tham, vị ấy giải thoát. Trong sự giải thoát, trí khởi lên: "Ta đã giải thoát: Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm xong, không còn trở lui trạng thái này nữa". Vị ấy biết rõ như vậy".

Quán năm uẩn là trống không, rỗng không, không thực thể nhằm buông bỏ tâm tham ái, chấp thủ, buông bỏ mọi gánh nặng khổ đau, không còn sanh tử luân hồi; cũng giống như quán năm uẩn là vô thường, là khổ đau, là vô ngã, là gánh nặng, là bệnh tật, là cục bướu, là mũi tên, là bất hạnh... đều là những pháp môn thực nghiệm tự nội, có khả năng giúp cho con người trực tiếp nhận diện sự thật khổ đau, vô thường, vô ngã của mọi sự kiện hiện hữu để thực hiện tâm giải thoát, bình đẳng, buông bỏ tâm tham ái, cố chấp, loại bỏ mọi ngã tưởng hão huyền, thực nghiệm một cuộc sống tự do thanh thản an lạc ngay trong cuộc đời còn nhiều mê chấp khổ đau.

Chú thích:

1. Kinh Niệm xứ, Trung Bộ.
2. Kinh Gánh nặng, Tương Ưng Bộ.
3. Kinh Aggicacchagotta, Trung Bộ.
4. Kinh Bớt nước, Tương Ưng Bộ. ■



Sự công bằng

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Không biết trong đầu óc chúng ta có một trung tâm thần kinh của sự công bằng hay không, nhưng mọi người bình thường đều yêu thích, đam mê sự công bằng. Ai trong chúng ta cũng thấy lịch sử nhân loại là một vận động đi tìm và tiến đến sự công bằng. Những cuộc cải cách, những cuộc cách mạng, thậm chí những cuộc chiến tranh cho đến những thiết chế chính trị, kinh tế, xã hội đều để tiến bộ về phía công bằng. Pháp luật, kinh tế, xã hội, chính trị được xem là tiến bộ hơn khi chúng tạo được nhiều công bằng hơn. Ngày nay, người

ta thấy cần phải phát triển bền vững, phát triển trong sự cân bằng sinh thái, nghĩa là phát triển trong một thái độ công bằng với thiên nhiên.

Công bằng là sự tiến bộ, tiến hóa. Công bằng là giá trị. Mọi con người phát triển cao dù ở bất cứ lĩnh vực nào của xã hội đều có đức tính công bằng. Chúng ta đã nghe bao giờ có một nhà Nobel khoa học mà phân biệt chủng tộc? Một người tốt, đúng, và cao đẹp phải là một người công bằng.

Điều này cũng được phản ánh trong ngôn ngữ, tiếng Anh và tiếng Pháp. The justice (la justice) có nghĩa là sự

công bằng, công lý, luật pháp, chính nghĩa. Tính từ just (juste) có nghĩa là đúng đắn, công chính, chính đáng, trung thực.

Ngay từ nhỏ chúng ta đã được cha mẹ dạy cho sự công bằng. Mua về mỗi đứa một gói kẹo, đứa nào cũng có phần, anh không thể giành hết của em hay ngược lại. Ở lớp, trò nào thuộc bài, làm bài được thì có điểm cao, trò nào không thuộc bài, không làm bài được thì có điểm thấp. Không thể ngược lại, vì ngược lại là bất công. Lớn lên chúng ta biết xếp hàng, ai đến trước đứng trước, ai đến sau đứng sau. Ra đường, đèn đỏ không được chạy qua, phải đứng lại như mọi người. Mọi trật tự xã hội đều do công bằng mà có.

Cho đến khi trưởng thành, chúng ta đều có ý thức về công bằng. Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, nghĩa là pháp luật thì công bằng đối với mọi công dân. Những quyền căn bản của con người đều công bằng với tất cả mọi người, nghĩa là mọi người đều bình đẳng có được những quyền căn bản. Chúng ta đều có mỗi người một xấp lá phiếu để bầu cử, không ai có thể có hai xấp, không ai không có xấp nào, trừ trường hợp mất quyền công dân vì vi phạm pháp luật.

Càng trưởng thành chúng ta càng có ý thức công bằng nơi chính mình: tôi phải công bằng với những người khác, tôi không thể mua bằng khi không học hay không đủ sức học; tôi không thể tìm cách bòn rút của công; tôi không thể làm lợi cho tôi bằng cách làm hại cho người khác... Làm như thế là tôi không công bằng với chính mình. Tôi đặt tôi lên trên mọi người khác một cách vô căn cứ. Tôi ăn gian, tôi chơi gian. Ý thức về sự công bằng giữa chính mình và người khác khiến chúng ta càng tiến bộ đến con người hoàn thiện.

Làm người, là làm sự công bằng. Nói thế nghĩa là chúng ta phải luôn luôn trau dồi đức tính công bằng nếu chúng ta muốn càng ngày càng nhiều tính người hơn, càng là người đúng đắn, tốt đẹp hơn. Công bằng là không thể thiếu trong sự tự hoàn thiện mình.

Tây phương hay dùng chữ công bằng. Đạo Phật thường dùng chữ bình đẳng. Bình đẳng, trong ý nghĩa Đông phương, thì sâu xa hơn công bằng, vì bình đẳng không chỉ nhằm đến thế giới hiện tượng, thế giới hình tướng, mà còn nhằm đến thế giới bản thể, bản tánh.

Đạo Phật nói: Chúng ta bình đẳng với tất cả các bậc giác ngộ, vì chúng ta đồng một bản tánh Phật, đồng một bản tánh Giác, với tất cả các bậc giác ngộ, dù chúng ta có thể không biết rõ bản tánh đó. Ở đây chúng ta thấy chúng ta không chỉ có sự bình đẳng tương đối (về xã hội, kinh tế, chính trị...) mà còn có sự bình đẳng tuyệt đối. Đạo Phật không chỉ giải phóng chúng ta ở bình diện thế giới hiện tượng, mà còn giải phóng chúng ta vào thế giới của bản tánh bình đẳng và tự do tuyệt đối.

Ai trong chúng ta cũng đều có thể đi từ sự bình đẳng tương đối hàng ngày để đến bản tánh bình đẳng tuyệt

đối, là cốt lõi của đạo Phật. Sự bình đẳng tương đối của con người xã hội của chúng ta là cơ sở để chúng ta phóng mình vào sự bình đẳng tuyệt đối vốn là con người đích thật của chúng ta.

Những kẻ thù trực tiếp của công bằng và bình đẳng, và nói chung, của chân lý khách quan, là tham, sân, si, kiêu mạn, đố kỵ, nghi ngờ... Đó là những trói buộc, che đậy (triền cái) chúng ta đối với sự tự do bình đẳng rõ ràng của chúng ta, đối với sự thật khách quan của đời sống trước mắt. Đạo Phật cho chúng ta thấy rõ những đối địch ấy, đồng thời có đầy đủ những phương pháp để phá tan những ràng buộc và che đậy ấy. Tóm lại, đạo Phật rất hữu hiệu để cho chúng ta thực chứng được, sống được sự tự do bình đẳng tuyệt đối vốn có sẵn trong tâm thức mỗi người.

Trên con đường đi đến sự thể nghiệm sự tự do và bình đẳng tuyệt đối, chúng ta đều có thể thể nghiệm sự bình đẳng mỗi ngày nơi thân tâm chúng ta. Ý thức về công bằng, bình đẳng, dù ở mức độ thấp của một con người bình thường, ít nhất, cũng làm cho chúng ta bình an. Sự công bằng bình đẳng được khám phá mỗi ngày đem lại cho chúng ta bình an, không phiền não, không gây thêm phiền não cho mình và cho người. Trái lại, sự bất công, bất bình đẳng chắc chắn đem lại khổ đau cho chính chúng ta và người khác. Sự công bằng, bình đẳng càng có nhiều nơi chúng ta, cuộc đời của chúng ta càng an vui, hạnh phúc. Dần dần, chúng ta sẽ khám phá ra và sống trong một chân lý của đạo Phật: tâm bình thì thế giới bình. ■



Kỷ niệm về Cố Hòa thượng Huyền Vi

Bài và ảnh: CHÂN AN - LÝ LIÊN LẮC



HT. Thanh Từ và Cố HT. Huyền Vi thời trẻ

T huở ấy ở Hà Tiên còn chân quê lắm. Chợ chầm hóm nhóm ngay giữa lộ, từ 4 giờ sáng đến 10, 11 giờ trưa là tan. Ban đêm, ông nhà đèn cho sáng từ 6 giờ chiều đến 9 giờ tối. Sáng hôm sau chỉ lóe lên một hai tiếng rồi tắt. Trường học chỉ mở đến lớp đệ lục (tương đương lớp bảy ngày nay), được gọi là “Lớp Trung học Hà Tiên”. Trường trung học chưa được cất. Ngoài giờ học, bọn trẻ tha hồ đi rong chơi. Khi lên núi Lãng, khi lên Thạch Động, lúc ra biển Mũi Nai. Mấy đứa con trai rắn mắt, thích cảm giác mạnh thì rủ nhau hái trộm xoài, đặt bẫy, bắn chim hoặc xuống mé biển dưới chân hòn Kim Dự, chờ nước rút, bắt nghêu sò. Con gái hiền lành hơn, thường theo cô di hay ông bà vô chùa Tam Bảo. Ở đây có sân rộng, bảy tám đứa mặc sức chơi rượt bắt, nhảy dây, lò cò, có khi cùng nhau hát nghêu ngao. Chơi mệt, chúng vào nhà khói “nhõng nhèo” để được người lớn đưa hết mấy mâm quả đã cúng xong.

Tôi nhớ rất rõ, lúc ấy là năm 1957, tôi mới 15 tuổi, học lớp đệ lục là lớp học lớn nhất của Hà Tiên lúc bấy giờ. Lớp tôi có 10 nữ sinh. Ngoài giờ học, nhóm chúng tôi không đứa nào phải bận tâm làm việc nhà giúp cha mẹ, có lẽ cha mẹ ưu tiên dành thời gian cho con gái ăn học, vì thế chúng tôi cứ rủ nhau vô chùa chơi nhởi. Tôi cũng nhớ lúc này có nhiều cô chú và các thầy giáo dạy chúng tôi vô chùa làm Phật sự.

Một hôm, tự nhiên chúng tôi thấy không khí trong chùa khác hẳn mọi ngày, ai nấy vô ra có vẻ nghiêm trọng, lại còn bàn tán xôn xao... Chuyện của người lớn, bọn trẻ nào dám nghĩ suy.

Thế rồi hôm sau, có hai ông sư nào lạ hoắc đang ở trong chùa làm chúng tôi cứ đứng thập thò nơi bậu cửa. Một bà Phật tử bước ra, nói: “Mấy đứa vô chào thầy đi con”. Tôi đang còn rụt cổ thì một sư đến xoa đầu từng đứa, hỏi: “Mấy con có thường vô chùa không? Ngày mai vô chùa nữa không?... Vô nữa hả, vậy tốt quá ha...”. Trước khi chúng tôi chào sư ra về, sư còn nói thêm: “Mấy con có thích múa hát không? Vô chùa hát, vui lắm nhen”. Chúng tôi nói với nhau: “Ngày mai tự mình vô sớm sớm, coi chừng ổng cho tụi mình hát”.

Từ đó chúng tôi biết tên hai vị sư này là thầy Thích Thanh Từ và thầy Thích Huyền Vi. Thầy Huyền Vi nói chuyện cởi mở, vui vẻ, không lộ vẻ nghiêm trang như thầy Thanh Từ. Và cũng từ đó, chúng tôi “nhí nhảnh” hơn, biết múa hát nhiều bài của Phật giáo như bài *Dòng A-nô-ma*, bài *Sen trắng*, bài *Trâm hương đốt*. Đặc biệt khi múa bài *Mừng Thầy đến*, thầy cho chúng tôi cầm bông.

Thầy Huyền Vi dạy hát mà không có đàn. Thầy hát câu đầu, chúng tôi hát theo, chừng thấy đúng nhịp điệu, Thầy hát câu tiếp, cứ thế cho đến hết bài. Còn múa thì cũng vậy, chúng tôi là con nít nhà quê, cả đời không biết múa ca những bài hát Phật mà bây giờ... thích quá nên múa đại, múa theo thầy. Thầy đứng chính giữa, hình dạng mập tròn, chúng tôi cầm tay nhau đứng xung quanh thầy như cái bánh có cục nhun. Tôi nghĩ vậy mà cười. Và khi tập, cố làm theo thầy. Thầy đưa tay lên, mình đưa. Thầy chuyển mình đưa tay xuống hoặc đưa chân đá một cái, mình

đá... Bảy tám đứa đều làm y chang như vậy cho đến hết bài và thuộc bài. Có nhiều đứa mình mấy cứng khừ, thầy sửa hoài không được nhưng thầy không chê mà cứ khen giỏi. Và cũng có đứa cà nanh. Khi nào cũng vậy hễ múa xong là thầy phát kẹo, phát bánh... Vui ơi là vui. Lại có lần thầy đưa chúng tôi đi tham quan quanh chợ Hà Tiên, khi đến chỗ cây dừa ba ngọn*, vừa lúc mặt trời xế bóng, chúng tôi không nhìn cây lạ mà vội túm lấy áo thầy, chỉ trở cái nhà xác trong khu bệnh viện gần đó, thầy cười, nói: "Có thầy ở đây, làm sao có ma được".

Lúc đó thầy Huyền Vi dạy múa hát; còn thầy Thanh Từ dạy giáo lý là kể chuyện sự tích Đức Phật và những mẩu chuyện về đạo Phật, hai thầy thay nhau dạy dỗ chúng tôi từng li từng tí. Vào ngày rằm, mồng một, có khi ban tối, thầy giảng Pháp cho người lớn. Hai thầy lưu lại Hà Tiên có đến ba tháng. Bữa hai thầy từ giã chúng tôi, đứa nào cũng khóc. Vô chùa không thấy thầy cũng khóc rồi biên thơ thăm thầy, gửi "Nhà dây thép". Thầy trả lời cho từng đứa, đều đặn, động viên chúng tôi đi chùa, chăm ngoan và tinh tấn. Thầy hứa sẽ trở lại, chúng tôi mừng quá, đếm từng ngày một. Càng chờ càng thấy lâu và để bớt nhớ thầy, chúng tôi cứ đến chùa múa hát những bài thầy đã dạy, nhún nhuyển lúc nào không hay. Khi trở lại, thầy xem mà ngạc nhiên và rất vui, liền cho chúng tôi một đêm trình diễn văn nghệ trong dịp lễ Phật đản, phục vụ bà con cô bác Phật tử Hà Tiên. Chúng tôi được người lớn hoan nghênh nhiệt liệt.

Lần này hai thầy chỉ lưu lại Hà Tiên một tháng nhưng số Phật tử nhóc con đến chùa đông gấp bội, có cả các em học lớp năm và lớp đệ thất (tương đương lớp 6 bây giờ). Lúc hai thầy chưa sửa soạn ra về mà chúng tôi đã buồn rồi. Đứa nào đứa nấy tranh nhau đưa *lưu bút ngày xanh* cho hai thầy viết mà không biết điều đó là vô phép. Vì rằng thầy là sư, là người xuất gia, là bậc cao minh, mình là con nít, sao dám đưa thầy viết chung một quyển có bài của mấy nhóc tí cóc cần!! Nhưng cảm động quá chừng, hai thầy vẫn thản nhiên, vui vẻ viết vào. Ngày nay quyển lưu bút này và nhiều hình ảnh khác của hai thầy đã không còn mặc dù tôi quý nó lắm, đã cất riêng trong tủ. Chẳng qua vì bị giặc Pôn Pốt, tôi cũng như bao người dân Hà Tiên phải chạy sơ tán. Ôi, tiếc làm sao!

Nhiều người nói thầy Thanh Từ có trí nhớ tuyệt vời, gặp lại ai sau mấy mươi năm dờ dãi xa cách, thầy vẫn nhớ, hỏi thăm chuyện cũ, chuyện xưa như chuyện mới hôm qua. Thầy Huyền Vi cũng có trí nhớ siêu đẳng và nắm bắt tình hình nhanh nhạy. Lần đầu tiên gặp thầy chỉ một lần, thầy hỏi tên từng đứa chúng tôi vậy mà nhiều năm sau khi gặp lại, thầy nhìn mặt gọi tên không sai còn nhớ cả hoàn cảnh của ai ra sao hoặc ai là con cháu của ai trong chùa, sợ nhất, khi tập múa, dẫu thầy không đưa mắt nhìn, thầy cũng biết có đứa đang "sơ sẩy", gọi đúng tên đứa đó. Bởi vậy, để không "bị què", chúng tôi phải hết sức cố gắng.

Tuổi 15 – 16 là tuổi đẹp nhất của đời người, cái tuổi bản lề giữa trẻ con - người lớn, chúng tôi được duyên lành tiếp xúc hai vị thầy đức độ Thanh Từ và Huyền Vi, tuy



Cố Hòa thượng
Thích Huyền Vi

chỉ ba bốn tháng nhưng đã gây ảnh hưởng rất lớn đến tâm hồn, tâm linh và đời sống của chúng tôi. Nhìn lại đến nay, hầu hết đứa nào cũng sống tốt, gia đình ổn định, con cháu hiếu thảo chăm ngoan. Trong nhóm có bạn Đường Minh Phương nay là Đại đức Thích Kiến Nguyệt, một vị sư rất có uy tín trong việc xây dựng các thiền viện ở nước ta, đó là Trúc Lâm Đà Lạt, Trúc Lâm Yên Tử ở Quảng Ninh, Trúc Lâm Tây Thiên ở Vĩnh Phúc, Thiền viện Hàm Rồng ở Thanh Hóa...

Ngày nay thầy Huyền Vi đã liễu đạo nơi chốn trời Tây. Nhớ về Hòa thượng quá cố, chúng tôi không thể không nhớ người thầy "biên đạo múa" của "Đội ca múa trẻ" dưới mái gia đình Phật tử Tam Bảo Hà Tiên, một ấn tượng sâu sắc để sau này mỗi lần nghe lại những bài hát Phật, tôi xúc động như ngày còn nhỏ. Hình ảnh những đứa học trò chân què vô chùa đón thầy trở lại, vui đến rơi nước mắt, đó là kỷ niệm suốt đời tôi không thể nào quên. Tôi xin gửi vào đây bức ảnh chân dung hai thầy thời đó cùng di bút của thầy Huyền Vi để tri ân và chia sẻ với quý Phật tử gần xa niềm vinh dự của Hà Tiên thuở ban đầu xây dựng GDPT, có hai thầy chăm lo, vun quén vườn ươm.

* Ở Hà Tiên từ trước đến nay có cây dừa 3 ngọn, 7 ngọn, 4 ngọn. Hiện giờ (2012) cây dừa 4 ngọn còn xanh tốt. Thường ngày có ít nhiều du khách đến xem. ■

Niềm riêng với quê nhà...

MỘC CHÂU

Trong ký ức của tôi về quê nhà, ngày ấy làng tôi có một cây đa to chỗ bến đò đầu làng, bên này một nhánh sông Thu Bồn. Bên kia sông là vùng đất cát thoai thoải chạy dọc mé nước với những bãi dâu xanh ngắt. Cách một nhánh sông, bên này là làng Văn Thánh quê tôi suốt ngày thoi đưa rộn rã như câu ca *"Duy Xuyên tơ lụa mi miếu - sớm mai mắc cửi buổi chiều tơ giăng"*, còn ngàn dâu mướt xanh bên ấy là những làng trồng dâu nuôi tằm nổi tiếng của đất Giao Thủy một thời hưng thịnh. Thuở nhỏ, lũ trẻ con chúng tôi thường được nghe ông bà kể lại những câu chuyện "liên quan" đến cây đa ấy, để biết rằng gốc đa xưa từng chứng kiến sự hình thành của ngôi làng, đã có mặt từ lúc mảnh đất này còn hoang sơ, ngay từ lúc các ngư ông dạn dày kinh nghiệm ngày đêm lênh đênh trên sông nước đến khai phá.

Cùng với việc dựng nhà lập xóm, các cụ đã nghĩ ngay đến công đức của những người đi trước để luôn quan tâm đến việc lập miếu thờ các bậc tiền hiền và những vị thần trong làng. Tôi nghe ông nội tôi kể lại rằng, với lòng kính ngưỡng tiền nhân, khi mới chỉ có

chừng vài chục nóc nhà, dân làng Văn Thánh đã dựng được ngôi miếu trang nghiêm ngay đầu làng và trồng cây đa tại khoảng đất miếu.

Tôi lớn lên trong lời ru của bà của mẹ, trong tiếng thoi đưa của làng dệt thanh bình. Mẹ tôi là người cẩn trọng, thường hay nhắc nhở mấy chị em tôi rằng đi qua miếu phải ngả mũ chào và đặc biệt không được có những hành động thất kính gần chốn linh thiêng. Vì vậy, thuở nhỏ đi học trường làng, bọn trẻ chúng tôi tíu tít đủ thứ chuyện trên trời dưới đất nhưng đến khi đi ngang qua miếu, đứa nào cũng ngả mũ nón và thành kính bước đi trong im lặng.

Từ xưa, "lệ" của làng tôi đã được các bậc trưởng thượng trong làng nối đời thừa kế. Có lẽ điều quan trọng nhất trong các "lệ" đó là việc hương khói và tổ chức cúng tế hàng năm, mà người chủ lễ luôn luôn là một vị cao niên có uy tín được cả làng suy cử, dựa vào những tiêu chí nghiêm ngặt về đức độ không chỉ của riêng vị ấy mà còn về cung cách lễ giáo của cả gia đình. Làng cũng sắm đủ bộ tế khí như chiêng trống, võng lọng... để sử dụng khi hành lễ. Hàng năm

làng tôi tổ chức hai kỳ cúng miếu linh đình, thường là vào dịp đầu năm và giữa năm; còn vào các ngày rằm hoặc mồng một đầu tháng thì luôn có khói hương nghi ngút. Chi phí dùng vào việc khói hương và cúng tế do các gia đình tự nguyện đóng góp và mỗi người một tay. Vào kỳ cúng miếu, các bà các chị lo đi chợ nấu cỗ cúng còn các ông, các bác thì dựng rạp, quét tước, sửa soạn cỗ bàn. Công việc hoàn tất, vị chủ bái mặc áo dài, khăn đóng chỉnh tề bước đến trước bàn thờ trong lúc tiếng chiêng tiếng trống đổ hồi. Khi tiếng chiêng tiếng trống vừa dứt, vị chủ bái bắt đầu đọc “văn” cúng. Nội dung của văn cúng luôn là cầu cho mưa thuận gió hòa và những điều an lành cho dân làng... Trong tâm trí trẻ thơ chúng tôi ngày ấy, giây phút đó thật thiêng liêng, thế giới vô hình và hữu hình đang giao hòa làm một... Khi cúng bái xong, chờ cho hương khói tàn rồi thì chỉ trừ đám trẻ con, ai ai cũng xắn tay vào vào dọn cỗ, phần nào để lại thờ cúng hoặc để chia cho các bà lão thì để riêng, còn lại tất cả được dọn xuống bày ra mâm cho cả làng cùng “liên hoan”. Gọi là vậy nhưng buổi “tiệc làng” còn là dịp để mọi người ngồi ngay trên những chiếc chiếu trải ra trước miếu nói chuyện làm ăn trong làng, hỏi thăm sức khỏe của nhau, rồi đến việc dạy bảo con cháu... Các cụ cao niên ngồi chiếu trong, trai tráng trẻ trung ngồi phía ngoài. Bọn nhóc chúng tôi ngày ấy cũng được xếp ngồi riêng. Đến dự bữa tiệc làng hầu như có đầy đủ mọi thành viên của mỗi nhà, không phải chỉ có đại diện chủ hộ như cách tổ chức ngày nay, do vậy không khí rất thoải mái, chan hòa, tình làng nghĩa xóm thêm gắn chặt.

Từ những hình ảnh sinh hoạt trang trọng của làng xóm cho đến những âm thanh chiêng trống vang lừng

ngày ấy vẫn còn ghi đậm trong ký ức tuổi thơ của tôi. Tôi vẫn nhớ, sau những lần họp mặt linh đình ấy, xóm giềng dường như thân thiện hơn, quan tâm đến nhau hơn mặc dù vẫn tất bật lao động vì kế sinh nhai. Họ cùng nhau cầu xin sự bình yên cho mọi nhà, cùng vui cái vui chung và lo toan những công việc không chỉ của riêng cho gia đình mình... Không khí làng xóm đã để lại trong tôi nhiều ấn tượng khó quên...

Rồi ai cũng có những ngã đường riêng trên hành trình cuộc đời. Tôi là kẻ sống và làm việc ở phố thị nhưng trong tâm tưởng vẫn thấm thía hai câu thơ của ai đó tình cờ đọc được “*Xưa tôi sống ở làng - Giờ làng sống trong tôi...*”. Lớn lên, xa quê và thỉnh thoảng về quê, tôi lại đi ngang qua miếu làng... Bấy nhiêu thôi nhưng đã sống dậy trong tôi thời tuổi thơ trong veo. Bây giờ, trải qua thời gian năm tháng, miếu làng vẫn còn đó với bóng dáng cây đa cổ thụ sừng sững một góc làng. Và đi qua đây, tôi vẫn thường cúi đầu tưởng niệm, nhớ đình ninh lời mẹ dặn năm nào. Với riêng tôi, cây đa và ngôi miếu của làng đã gắn với những kỷ niệm thời ấu thơ. Nơi ấy cha mẹ tôi cùng những vị cao niên trong làng thuở trước luôn kính cẩn, nghiêng mình với lòng biết ơn sâu sắc. Miếu làng, mãi trong tâm thức của tôi là sự tôn kính, là nơi che chở cho dân làng Văn Thánh quê tôi an lành đi qua biết bao năm tháng với nhiều thế hệ nối tiếp nhau... Nơi ấy gói gắm mãi trong tâm tưởng tôi một niềm riêng với quê nhà... ■





Nhắc chuyện xưa ngẫm chuyện nay

Tam quốc diễn nghĩa kể lại chuyện về nhân vật Từ Thứ, là một người có tài, nghe tiếng Lưu Bị hiền đức xứng mặt một đấng minh quân, nên tự nguyện về giúp sức. Tào Tháo nghe tin lo sợ, muốn Từ Thứ bỏ Lưu Bị, bèn cho người bắt giữ mẹ của Từ Thứ và yêu cầu bà viết thư gọi Từ Thứ về. Nhưng Từ mẫu là một người đàn bà đầy khí tiết, đã thẳng thắn mắng Tào Tháo là đồ gian tặc. Tào Tháo muốn giết bà, nhưng nghe lời mưu sĩ giữ bà một nơi, ngày ngày cho một người giả danh là bạn của Từ Thứ đến chăm sóc bà rất chu đáo. Mẹ của Từ Thứ rất cảm kích, nhưng vì không được ra khỏi chỗ ở, đành viết thiệp cảm ơn người đó. Tào Tháo liền cho người bắt chước tuồng chữ của bà, viết một bức thư gọi Từ Thứ về. Từ Thứ đọc thư, khóc mà xin từ giả Lưu Bị, khiến Lưu Bị đành lòng gạt nước mắt đưa tiễn Từ Thứ về Tào. Bịn rịn và tiếc người đến nỗi Lưu Bị đã thốt nên lời muốn chặt cả khu rừng trước mắt để khỏi thấy khuất bóng Từ Thứ.

Tư Mã Huy đến tìm Lưu Bị để hỏi thăm Từ Thứ, vốn

là người bạn chí thân. Nghe Từ Thứ được thư mẹ và đã từ giả Lưu Bị để hỏi Tào, Tư Mã Huy than là Từ Thứ đã thiếu sáng suốt, đã bị Tào Tháo lừa và ông nói, nếu Từ Thứ không về với Tào thì may ra mẹ của Từ Thứ còn sống, chứ nay Từ Thứ được thư đã lo về ngay thì thế nào cũng bị mẹ trách mắng và bà sẽ tuẫn tiết. Quả thật khi về gặp mẹ, Từ Thứ bị bà mắng một trận, chê trách con không sáng suốt, và vì uất ức, bà đã tự tử để khỏi bị nhục.

Xem thế mới biết, Từ Thứ là một người có tài nhưng vẫn là người thấp trí. Tài đây là tài của một mưu sĩ, là “Tri bỉ tri kỷ, bách chiến bách thắng”. Ở với mẹ bao nhiêu lâu mà chẳng biết tâm ý bà là người thế nào đến nỗi mắc mưu Tào Tháo. Biết người ta mà lại không biết mẹ mình. Tuy nói là vì chữ hiếu đã làm cho ông thiếu sáng suốt, vì hiếu đạo mà hành sự thiếu suy nghĩ, nhưng rồi ông ta sẽ ân hận suốt đời. Tư Mã Huy chỉ là bạn, nhưng ông này lại hiểu rõ mẹ của bạn hơn chính con của bà. Cũng có thể nói Tư Mã Huy sáng suốt thấy rõ vấn đề vì ông ở vị trí khách quan.



HOÀNG TÁ THÍCH

Như vậy mới biết hiểu được người khác một cách tường tận không phải đơn giản.

Lại cũng chuyện Tam quốc nói về Khổng Minh và Quan Vân Trường. Khổng Minh lược trận Xích Bích, biết chắc sau khi thua trận, thế nào Tào Tháo cũng chạy về đất Ngụy và phải đi qua ngã Hoa Dung, là lối thoát cuối cùng sau khi bị truy sát khắp nơi. Biết số Tào Tháo chưa tận, và biết rõ Quan Công là con người có chung có thủy, là vị tướng duy nhất có thể bất chấp quân lệnh để mở cho Tào Tháo một con đường sống, nên Khổng Minh đã sắp đặt để Quan Công giữ trạm Hoa Dung quan. Trước là không muốn giết Tào Tháo, sau là để thu phục Quan Công. Cuối cùng, Quan Vân Trường đã ra lệnh lui quân, tha chết cho Tào Tháo và về chịu tội với Khổng Minh. Biết rõ người khác như thế, chắc trên đời chỉ có Khổng Minh mà thôi.

Lúc từ giã Lưu Bị, Từ Thứ có tiến cử Khổng Minh với Lưu Bị. Bị hỏi Khổng Minh là người thế nào, Từ Thứ trả lời: "Tôi mà so với người đó, chẳng khác nào ngựa hèn so với kỳ lân, quạ đen so với phượng hoàng. Người

đó có tài ngang trời dọc đất, thiên hạ chắc chỉ có một không hai".

Nghe ra như vậy thì cũng không nên trách Từ Thứ. Nghe ra như vậy thì cũng không bao giờ nên trách cứ những người không hiểu mình, ngay cả những người bạn thân đến độ tâm giao, bởi vì trong cuộc đời này, tìm lỗi con mắt, kiếm đầu ra được một người có thể sáng suốt được như Khổng Minh.

Tuy nhiên, phải làm sao để lúc nào cũng có thể đặt mình ở vị trí khách quan, nghĩa là không đứng về một phía nào cả để phán xét xử lý một tình huống thì có thể công bằng sáng suốt hơn. Dĩ nhiên là phải có trí tuệ, kiến thức để hiểu rõ chi tiết vấn đề. Nghe hai người hiểu lầm nhau, nếu chỉ là chuyện tình cảm thì

dễ nhận định. Nếu vấn đề hiểu lầm có liên quan đến luật pháp, thì mình cũng phải hiểu rõ luật pháp. Muốn trọng tài một vấn đề chuyên môn giữa hai người thì phải biết rõ những quy tắc về chuyên môn, không thể nhận xét một cách hồ đồ vội vã.

Thời buổi bây giờ, xã hội càng ngày càng phức tạp. Ngoài những chuyện gièm pha nhau để tranh chấp quyền lợi, ngay cả trong bạn bè giao tế trà dư tửu hậu, nói chuyện người khác là một điều rất phổ thông. Chuyện người khác thì có chuyện hay chuyện dở, chuyện đúng chuyện sai, đôi khi nói mà không cần căn cứ xác thực, vì vậy rất dễ xảy ra những ngộ nhận, hiểu lầm nhau. Nhưng vì đã gọi là trà dư tửu hậu, thì những chuyện tam sao thất bổn nói trên, thực ra chẳng có gì phải để tâm. Cái phải để tâm làm cho mình có chút ít tổn thương là những chuyện hiểu lầm với những người bạn mình kết giao, đã từng chia sẻ ngọt bùi, mà khi xảy ra chuyện, vì một lý do nào đó, họ vội vã nói về mình một cách hồ đồ như một lời phán xét sai lầm mới là tệ hại.

Nếu theo như Từ Thứ, Khổng Minh tài năng xuất chúng khó có người so sánh thì muốn kiếm ra một người tri kỷ có thể hiểu mình đến như thế thì bất khả thi, không nói đến làm gì. Nhưng Từ Thứ cũng được xem như là một nhân tài hiếm có, mà cũng có thể hồ đồ, thua trí Tào Tháo, thì nghe có người thân thiết hiểu lầm mình cũng chẳng có gì phải buồn phiền cho lắm. Thôi kệ là hay nhất. Minh đúng thì trước sau rồi cũng đúng, bạn mình sai trước sau gì họ cũng sai, miễn không thẹn với lòng mình là được. ■



Đời người như gió qua...

PHẠM THANH CHƯƠNG

Cuối cùng thì những dự định, hi vọng, ước mơ, hoài bão cũng chỉ là khói bụi tan đi như những đám mây trên bầu trời mênh mông, vô tận kia. Đến một ngày rồi ai ai cũng đều phải trả lại cho đất trời những gì đã vay mượn để trở về. Sự chấm dứt của kiếp người là điều tất yếu, phải như vậy, không thể khác, không thể có điều ngoại lệ.

Đó là sự bình đẳng, công bằng và cũng là niềm an ủi cho tất cả mọi sinh linh có mặt trong cuộc sống ở thế gian này.

Sự sống là một điều kỳ diệu. Có lẽ mọi vật hữu tình từ đơn bào cho đến sinh vật thượng đẳng là con người đều có một mong ước giống nhau là kéo dài sự sống, nhưng “tuổi thọ” của muôn loài đã được quyết định bởi những yếu tố mang tính chất định luật mà mọi sinh linh có sự sống không dễ gì vượt qua.

Hiện nay, cho dù có nền y học tiên tiến vượt bậc mà loài người đã đạt được thì tuổi thọ của con người cũng không sánh kịp với tuổi thọ của loài rùa. Thực vật cũng là một dạng sống, có những loài cây có tuổi thọ từ vài trăm năm đến cả ngàn năm. Như loài thông có tên Bristlecone ở Bắc Mỹ có tuổi thọ đến 4.500 tuổi.

Gần đây, có một số phát hiện khoa học cho rằng có sinh vật “lách” khỏi qui luật sinh tử khắc nghiệt của tạo hóa để trường tồn mà không hề biết “thời gian, tuổi thọ” là gì. Các nhà nghiên cứu thuộc Pennsylvania State University cho biết loài sứa *Turritopsis Nutricula* là sinh vật thủy tức có thể quay ngược vòng đời của chúng từ thời kỳ trưởng thành trở lại thời kỳ sinh vật đơn bào và từ đó tiếp tục phát triển; nhờ vậy chúng trở nên bất tử. Loài sứa này vốn được phát hiện ở vùng biển Địa Trung Hải từ năm 1883 nhưng khả năng độc đáo của chúng thì chỉ mới được quan tâm từ hồi thập niên 1990. Người ta tìm thấy ở chúng một quá trình chuyển dịch tế bào, từ một dạng tế bào này có thể chuyển đổi thành một dạng tế bào khác và có khả năng liên tục tái tạo toàn bộ cơ thể của chúng. Khả năng này hiện vẫn là điều bí mật của tự nhiên và đang được các nhà khoa học tập trung giải mã với hy vọng có thể từ đó

tim ra những phương thức chống lại bệnh ung thư ở loài người. Tuy nhiên, trong các cuộc thảo luận về khoa học, không ít người tuyên bố rằng không có bằng cứ về sự bất tử của loài sứa này; vì lẽ người ta không thể theo dõi cùng một con sứa trong vài chục năm, cả trăm năm, hay nhiều thế kỷ; hơn nữa, chúng vẫn không thể thoát khỏi tình trạng bị ăn thịt, gặp tai nạn, hoặc nhiều hoàn cảnh vô thường khác. Và chẳng, khi chúng tái tạo toàn bộ cơ thể từ giai đoạn ban đầu của một sinh vật đơn bào dạng ống thì chúng đã là một sinh vật khác, không còn là sinh vật cũ để bảo rằng chúng bất tử!

Nói khác đi, định luật sinh lão bệnh tử vẫn là một định luật khắc nghiệt áp dụng cho mọi hình thái sinh vật, áp dụng cho mọi chúng sinh!

Sống và được sống là điều mà tất cả mọi sinh linh đều tha thiết và mong ước, nhưng sống để làm gì? Sống có ích gì cho đồng loại? Đó là điều thiết yếu và quan trọng.

Phù dung là một loại hoa mỏng manh, quý phái nhưng lại có một đời sống ngắn ngủi “sớm nở tối tàn”. Tuy nhiên, trong khoảnh khắc vô cùng ngắn ngủi đó, phù dung đã tô điểm, mang lại cho đời vẻ đẹp thanh tao, cũng là điều đáng quý.

Thời đất thì bao la, thời gian thì vô tận, kiếp người cũng như loài hoa phù dung, thấy đó rồi mất đó, sắc sắc không không, như cơn gió thoảng qua, như một vạt nắng hắt hiu còn sót lại của một buổi chiều.

Nếu chúng ta tỉnh thức và quán tưởng về cuộc đời, chúng ta sẽ thoát khỏi ảo tưởng thân này là tự ngã. Khi thực hành được điều này, nỗi sợ hãi âu lo về sinh tử sẽ nhẹ nhàng hơn, như trút bỏ lớp áo nặng nề mà bấy lâu nay cứ đeo bám bên người.

Không ai biết điều gì sẽ xảy ra ở ngày mai, có thể đó là điều tốt lành nhất hay điều tối tệ nhất sẽ đến với chúng ta, nhưng chắc chắn một điều là ngày mai sẽ đến và có một lúc chúng ta sẽ không còn có mặt trong cuộc sống này. Cái chết làm chúng ta sợ hãi nhưng xét cho cùng sự chấm dứt đó là một món quà, như một niềm an ủi mà tạo hóa dành tặng riêng cho mỗi sinh linh. ■



Sắc đẹp và hạnh phúc

CAO HUY HÓA

Sắc đẹp là thứ rất quý trong đời, là niềm mơ ước của phụ nữ khắp nơi. Trong thời đại ngày nay, sắc đẹp càng được phô bày nhiều hơn, càng gợi cảm hơn, nhất là khi yếu tố này được khai thác trong công nghệ nghe nhìn giải trí, thị trường âm nhạc, tiếp thị, quảng cáo, làm ăn... Chẳng những thế, “nhan sắc” đàn ông cũng

đã trở thành một thứ hấp dẫn trong các lĩnh vực như thời trang, quảng cáo, những điều mà trước đây là độc quyền của phái nữ.

Cái đẹp thì vô cùng phong phú, trong đó có cái đẹp hình thể là thứ đập vào thị giác, tâm hồn và cảm thụ của mọi người, nhất là người khác phái. Ai có nhan sắc thì tự hào lắm chứ! Địa phương nào có nhiều người đẹp thì

đáng ca ngợi lắm chứ! Nữ sinh Đồng Khánh với áo dài, nón bài thơ một thời đã làm vinh danh Huế, “chè Bắc Thái, gái Tuyên Quang” ca ngợi chè ngon và con gái đẹp của vùng núi phía Bắc; đó cũng là nét đặc sắc Việt Nam.

Người phụ nữ nào sở hữu và giữ gìn được sắc đẹp thì hưởng được niềm vui, còn ai không có được của báu trời cho đó thì cũng làm sao tô điểm, phục trang để cho mình trông khá hơn, và hầu như ai ai cũng đạt được ít nhiều hiệu quả.

Sắc đẹp có mang lại hạnh phúc không? Chủ đề này không phải là xa lạ, nhiều sách báo và diễn đàn đã đề cập, tuy nhiên vấn đề trở thành phức tạp khi đặt ra câu hỏi: Thế nào là hạnh phúc? Hạnh phúc có phải tùy mỗi người, tùy lứa tuổi, tùy theo thời đại? Hạnh phúc có phải là thỏa lòng mong ước của con người vào một lúc nào đó? Hạnh phúc có phải là bình an nội tại? vv.

Sắc đẹp trước hết là lành lặn và mạnh khỏe. Khi đứa bé sắp sửa chào đời, ông bà cha mẹ âm thầm cầu nguyện Trời Phật phù hộ mẹ tròn con vuông, bà mẹ cho bé được lành lặn; và khi bé được ra đời như thế, thì cả nhà vỡ òa hạnh phúc. Ngược lại, khi con người không được lành lặn, không được bình thường thì khó khăn lắm mới vượt được nỗi đau. Đó là trường hợp mà báo *Tuổi Trẻ* ngày 2/10/2011 đã đưa tin: “*Gái đẹp biến thành bà già*” viết về một người đàn bà 26 tuổi, tươi trẻ, bỗng dưng trở thành bà già bảy mươi, mặt nhăn nheo, mắt sụp xuống, nụ cười héo hon... Đọc tin đó, ai ai cũng thương cảm nạn nhân Nguyễn Thị Phượng. Với khuôn mặt tàn tạ bất ngờ như vậy, làm sao người phụ nữ này sống trong hạnh phúc? May mắn thay, rất nhiều tấm lòng chia sẻ nỗi bất hạnh, và một số vị mạnh thường quân đã giúp nạn nhân được chữa trị với phương tiện tốt nhất tại Bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM. Theo sự chẩn đoán của các chuyên gia tại Bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM, với sự kiểm chứng của các trung tâm y khoa ở Mỹ thì chị Phượng bị bệnh nhão da kết hợp bệnh tế bào vón. Kết quả điều trị tuy không trả lại nét tươi trẻ của một thời, nhưng theo BS Phó Giám đốc Bệnh viện Đại học Y Dược TP.HCM, gương mặt chị Phượng trẻ lại hơn 30% so với lúc chưa điều trị. Chị rất vui, được xuất viện, về quê, và tiếp tục uống thuốc theo chỉ dẫn của bác sĩ¹.

Cùng chịu sự bất hạnh về ngoại hình, còn có biết bao nhiêu người, cả nữ lẫn nam, đã bị những dị tật bẩm sinh như sứt môi, hở hàm ếch hoặc bị những tai nạn thương tâm làm biến dạng hình thể (tai nạn giao thông, chất độc da cam, bị hung thủ dùng vũ khí tấn công, bị tai nạn nghề nghiệp, bị phỏng,...). Ngày nay, với tiến bộ của y khoa, hầu hết các nạn nhân đều có thể được phục hồi tình trạng bình thường hoặc đã được cải thiện ngoại hình đáng kể. Những tiến bộ của khoa học, kỹ thuật đã đem lại hạnh phúc cho con người, thật là kỳ diệu. Một cô gái tươi trẻ vốn bị sứt môi bẩm sinh đã được phẫu thuật từ nhỏ, nếu được hỏi, cô có cảm thấy hạnh phúc vì đôi môi không, chắc chắn cô gái gạt đầu.

Nếu cái đẹp là mơ ước tự nhiên của con người, nhất là phái nữ, thì mọi phương cách cải thiện nhan sắc, phải chăng đều là chánh đáng? Làm đẹp có phải mang lại hạnh phúc cho mình và tô điểm cho xã hội? Đúng là như vậy, và xưa nay biết bao nhiêu mỹ phẩm, đồ trang sức, thuốc men, phục trang... đã làm tôn lên vẻ đẹp con người; nhưng kể từ khi phẫu thuật can thiệp vào chuyện sửa sắc đẹp, thay mặt tạo hóa, sửa luôn ngoại hình, thì đặt ra nhiều vấn đề, liên quan đến an toàn thân thể, bảo hiểm, chuyện thực giả, giá trị của cái giả... kể cả chuyện dao kéo can thiệp trên thân thể phụ nữ có đem lại hạnh phúc cho bản thân và cho gia đình hay không. Bàn cãi thì cứ bàn cãi, nhưng *đường ta ta cứ đi*, thẩm mỹ viện với máy móc ngày càng tân tiến cứ mọc lên ở các đô thị, các chuyên gia dao kéo hái ra tiền, và xem ra việc dao kéo đó trở thành bình thường ở các nước phát triển. Ở Mỹ có đến 11 triệu phụ nữ đã qua phẫu thuật thẩm mỹ. Ở Hàn Quốc, chuyện phẫu thuật cải tạo mắt một mí thành hai mí là quá bình thường (75% phái nữ Hàn Quốc vốn sinh ra mắt một mí), và nay thì phẫu thuật Hàn Quốc lại “chơi luôn” chỉnh hàm răng, gọt và chỉnh xương hàm, gọt xương gò má, gọt xương cằm. Chuyện “đại tu” nhan sắc đã thành trào lưu ở Hàn Quốc, vì phái nữ tin tưởng có làm đẹp ngoại hình, dầu là bằng dao kéo, thì mới dễ kiếm chồng và kiếm việc làm. Trào lưu này lan đến nữ sinh trung học khiến Bộ Giáo dục Hàn Quốc phải cảnh báo, và dẫn chứng: Hồi tháng 11/2010, một phụ nữ Seoul đã treo cổ tự tử vì ca phẫu thuật gọt xương hàm thất bại².

Khi khoa học, kỹ thuật đã thay trời can thiệp vào sắc đẹp con người sâu sắc như thế (sâu hơn làn da!), thì ở các nước phát triển, khoa học xã hội phải đi theo để phân tích, đánh giá về các tác động trên con người và xã hội một cách toàn diện. Trên tạp chí mạng nổi tiếng *The Huffington Post*, một bài báo lên mạng ngày 11/9/2011 của TS. Vivian Diller, nhà tâm lý học, chuyên về các vấn đề sắc đẹp và lão hóa, nhan đề: *Does beauty bring happiness?* (Sắc đẹp có mang lại hạnh phúc?), không đề cập sắc đẹp một cách tự nhiên hay chung chung, mà nói đến chuyện sửa sắc đẹp nhờ giải phẫu thẩm mỹ – phẫu thuật plastic (plastic surgery). Cho nên câu hỏi chỉ giới hạn: Liệu việc “tút” ngoại hình nhờ dao kéo có đem lại hạnh phúc? Nhà tâm lý học này đi hỏi chuyện một chuyên gia giải phẫu thẩm mỹ nổi tiếng, cùng bàn luận về chuyện sửa sắc đẹp và hạnh phúc. Xin dẫn một số ý của bài báo đó.

Giải phẫu thẩm mỹ đã ngày càng phát triển, tuy nhiên không phải ai ai cũng “nộp mạng” cho các thẩm mỹ viện. Cô đào nổi tiếng Kirstie Alley, tới tuổi lục tuần thì phát triển chiều rộng, thân hình đồ sộ, đã cố gắng làm nhẹ bớt 100 pounds (khoảng 45kg) bằng rèn luyện thân thể, đã cho biết cô không dùng phẫu thuật plastic vì lý do: “*Tôi nghĩ nó không làm cho tôi trẻ hơn mà lại làm cho tôi bất bình thường hơn*”. Vậy nhà phẫu thuật nghĩ gì về công việc của mình? – “*Khi nói đến lão hóa, giải*

phẫu thẩm mỹ ít để ý đến sắc đẹp mà để ý nhiều hơn về việc làm sao cho bệnh nhân cảm thấy tốt hơn về họ”.

Trong nền văn hóa Mỹ, việc giữ một ngoại hình tươi trẻ luôn luôn là một ám ảnh thường xuyên, vậy thì giải phẫu thẩm mỹ phải chăng là một giải pháp tốt nhất cho vấn đề này? Và nếu như thế, khi nào nên bắt đầu? Thời tuổi teen, hai mươi hay ba mươi? Tác giả bài báo nêu sự gia tăng rất đáng lo ngại về tuổi teen dùng botox (một loại dược phẩm chích để làm tươi mát làn da) và những giải pháp tương tự. Và đâu là điểm cuối của phía kia (tức là phía già)? Tác giả cũng cho biết con số đang tăng của những người già trên 80 yêu cầu căng da mặt và nâng ngực lên. Vậy thì quá trẻ hay quá già đều “chơi luôn” phẫu thuật plastic?

Những câu hỏi này không dễ trả lời, và lời giải đáp phần lớn phụ thuộc từng cá nhân, nhưng trước hết nhà tâm lý học và nhà phẫu thuật giới hạn vấn đề bằng cách phân định rõ ràng thủ tục nào được coi là phẫu thuật thẩm mỹ. Chẳng hạn, có sự khác nhau hiển nhiên giữa những phẫu thuật sửa chữa những biến dạng di truyền (ví dụ hở hàm ếch, sứt môi) hay công việc tái tạo (ví dụ hậu quả của phỏng, ung thư vú) với những phẫu thuật cho mục đích cải thiện ngoại hình. Mà ngay trong cải thiện ngoại hình, cũng có sự khác biệt giữa những phẫu thuật tự chọn, chẳng hạn giữa một đứa bé trai 14 tuổi chịu đựng phẫu thuật để làm nhỏ vú sau nhiều năm mặc cảm ngực to như con gái, so với một thiếu nữ 17 tuổi yêu cầu nâng ngực với tin tưởng rằng cô ta sẽ dễ có bồ khi lên đại học. Hai chuyên gia thu hẹp bàn luận để chỉ nói đến những giải pháp phẫu thuật tự chọn, cải thiện sắc đẹp mà thôi, và phẫu thuật thường thường là phẫu thuật plastic.

Vấn đề tiên quyết của phẫu thuật plastic là an toàn, không để lại di chứng, không để người làm đẹp trở thành nạn nhân, tiền mất tật mang. Hai chuyên gia đồng ý rằng giải pháp phẫu thuật thẩm mỹ dùng vừa phải và an toàn đòi hỏi nghiên cứu cẩn thận bởi những chuyên gia nhà nghề cho mọi lứa tuổi, nhưng thường thường thích hợp nhất cho những người ở độ tuổi từ 25 đến 75. Các vị bà lão bên ta, ngạc nhiên chưa, khi biết rằng các vị 75 tuổi vẫn hào hứng sửa sắc đẹp?

Theo tác giả bài báo, sắc đẹp, đặc biệt là trẻ đẹp, được xem như một thứ tiền tệ của phụ nữ trong văn hóa hiện đại. Phẫu thuật plastic được phụ nữ tin có thể cải thiện hình ảnh của mình, gia tăng giá trị, khắc phục sự thiếu tự tin vì sự không tương xứng hình dạng, từ tuổi teen cho đến tuổi già. Có như thế mới hiểu được vì sao nhiều phụ nữ liều lĩnh chấp nhận dao kéo biến đổi hình dạng của họ trong những trường hợp khó khăn, và cũng liều lĩnh khi chi ra một số tiền lớn so với khả năng tài chính của họ.

Còn tác dụng chống lão hóa của phẫu thuật plastic thì sao? Ngay cả nhà phẫu thuật cũng nói rằng cụm từ “chống lão hóa” không có ý nghĩa gì cả. Không có cách nào thực sự làm ngừng thời gian hay quay ngược

lại thời gian. Nhưng cả hai chuyên gia đồng ý có rất nhiều việc *con người có thể cải thiện hình ảnh của mình*, nhất là ngày nay con người sống lâu hơn trước đây. Có một vài phẫu thuật giúp người ta cảm thấy đẹp hơn và trông đẹp hơn nếu được làm một cách kỹ càng và cẩn thận. Đối một vài người kết quả thường ngắn hạn, gặp trắc trở và có thể dẫn tới nhiều lần phẫu thuật tiếp theo. Nhưng với một số người khác, phẫu thuật có giá trị lâu dài, giúp họ thêm tự tin và được xem như là một kinh nghiệm rất tích cực. Tuy nhiên, đối với phần đông, nó là giải pháp tạm thời cho sự thách thức phải đối mặt suốt tuổi già. Phẫu thuật không phải hợp với mọi người. *Chăm sóc sức khỏe tốt, luyện tập và giữ gìn sự linh hoạt là một cách làm đẹp yên ổn, lâu dài, và đem lại cảm giác vui sống. Mọi người ở mọi lứa tuổi nên làm thế nào kéo dài sức khỏe của khuôn mặt và thân thể là tốt nhất.*

o o o

Trên đây tôi đã dẫn bài báo trên mạng của Mỹ, tuy bàn về sắc đẹp và hạnh phúc, nhưng sắc đẹp chỉ khoanh lại ở chuyện sửa sắc đẹp nhờ phẫu thuật, còn hạnh phúc chỉ là một hệ quả của sửa sắc đẹp: nếu phẫu thuật thành công, người phụ nữ cảm thấy đẹp hơn, tự tin hơn, và do đó vui hơn. Tuy thế, tác giả vẫn cho rằng hệ quả đó không lâu dài, và lấy ví dụ rất cụ thể: ngay cả những người mẫu thời trang, những thần tượng đẹp lại có cuộc sống không hạnh phúc. Phải chăng “hồng nhan bạc phận” là một thực tế ở mọi nơi, dầu thời nay người đẹp giàu sang hơn, danh vọng hơn thời trước?

Nếu người phụ nữ cảm thấy đẹp hơn, tự tin hơn về ngoại hình sau một cuộc phẫu thuật plastic an toàn, thì họ cảm thấy hạnh phúc theo nghĩa hạnh phúc là niềm vui. Tuy nhiên, niềm vui rồi cũng chóng qua, hạnh phúc chỉ là ngắn hạn. Đó là chưa kể trường hợp người phụ nữ đó về sau lại chưa bằng lòng với việc sửa sang, lại nhìn sang cô bạn mới chỉnh hình, sao mà tươi trẻ thế, vậy là nổi khổ lại đến. Hơn nữa, cái giả tạo không thể lâu dài cho bằng cái duyên, và lại không đồng bộ với thân thể khi về già, cho nên người đẹp cũng sớm hết đẹp; hạnh phúc đã đi đâu rồi. Đẹp thì vẫn vui, rất vui, nhưng cái đẹp cũng như đời người, như vạn pháp, là vô thường. Đời người không thể neo mãi tại một bến xuân xanh, cái gì đến thì đến, cái gì đi thì đi. Và chẳng, ngoại hình không đẹp thì có trở ngại gì cho sống đẹp? Sống hết mình với từng giây phút hiện tại, xả bỏ những vướng bận được chừng nào hay chừng ấy, sống biết đủ, chú trọng niềm vui tinh thần hơn là khoái cảm vật chất, sống chan hòa với mọi người và thiên nhiên, thì phải chăng hạnh phúc đi theo với mình suốt cuộc đời?

Chú thích:

1. Theo báo *Tuổi Trẻ*, ngày 16/12/2011: “Cô gái thành bà lão xuất viện”.

2. Theo Sơn Hà: Cuồng phẫu thuật thẩm mỹ ở Hàn Quốc, dẫn từ báo *Hàn Quốc*; *Tuổi Trẻ* 6/11/2011. ■



Nghiep văn tự

VŨ THẾ NGỌC

Viết sách làm báo khá lâu nhưng cho đến khoảng 1969 khi chuẩn bị xuất bản nhật báo *Sóng Thần* ở Sài Gòn tôi mới biết đến nhóm người rất quan trọng trong nghề sách báo là những người thợ sắp chữ. Thừa đó công đoạn sắp chữ là một công việc thủ công nghệ vô cùng tỉ mỉ. Mỗi chữ được ráp lại bằng từng hoạt tự (chữ rời a b c và là chữ ngược) cũng lại phải sắp ngược, thí dụ chữ 'Tối' thì phải sắp ngược ba hoạt tự /i/ô/T/ (và thêm dấu huyền, tức là dấu sắc ngược) để khi in ra mới thành 'Tối'. Từng chữ từng chữ được ráp lại rồi bó chung theo hàng, tập hợp thành cột, thành trang (sách) hay mảng lớn (trang báo).

Mỗi nhà in hay nhà báo đều phải có một nhóm thợ sắp chữ riêng. Lúc đó cũng là thời gian ở miền Nam thanh niên phải đi quân dịch, nên đại đa số nhân viên sắp chữ là các em thiếu niên, có em mới chỉ có 12, 13 tuổi. Nhìn các em lấm lốc trong mực đen, chui rúc dưới mái tôn nóng bỏng thường ở tận tầng thượng cao nhất hay trong phòng tối tăm nhất tại tòa soạn hay nhà in, người ta có thể thấy ngay trước mắt hoạt cảnh khai thác nhân công trẻ thơ trong văn chương của Charles Dickens thời cách mạng kỹ nghệ Tây phương. Các em thợ sắp chữ đi lại chen chúc trong không khí nóng nực trước hàng trăm hộp đựng chữ để chọn từng mẫu tự. Có rất nhiều hộp, vì là hoạt tự nên các chữ được phân

loại thành khổ chữ (size) và loại (font). Các em nhỏ thường chỉ sắp được vài ba câu ngắn, rồi lại đưa cho một em lớn hơn và cũng 'có tay nghề cao hơn' đọc sơ lại rồi dồn thành từng cột, ghép lại thành trang... Đương nhiên không có máy móc nào trợ giúp ở đây, sắp chữ hoàn toàn là việc thủ công sắp tay, không những thế, chỉ cần bỏ một chữ hay thêm một chữ, là lập tức có ảnh hưởng dây chuyền đến toàn cột, toàn trang...

Sau khi được sắp thành trang hay một phần trang, sắp typo, tức trưởng nhóm sắp chữ, làm thử "bản vớ" chuyển cho "thầy cò" để đọc lại sửa lỗi. Bản in thử này gọi là 'bản vớ' vì chỉ là tờ giấy bản vớ nhẹ trên một đoạn hay một trang vừa được sắp chữ, có in chữ lơ mờ đóng chìm vào mặt giấy bản. Sau khi thầy cò đọc và sửa lỗi, toàn bộ trang báo (hay nhiều trang sách của một mặt in) mới được sắp thành một bản như một trang báo hoàn toàn bằng thép sắt (gồm các chữ ghép bằng hoạt tự đã được chèn chặt với nhau, những khoảng cách giữa hai chữ là các miếng sắt giống như các hoạt tự nhưng ngắn hơn, nghĩa là không có chữ). Khi sẵn sàng cho in, người ta mới đổ bản chì, là nguyên cả một bản đúc chì cho máy in typo (sau này là bản phim cho máy in offset). Bản đúc chì thì được ráp vào máy in (mực lăn trên mặt chữ và in vào mặt giấy in). Còn các chữ nguyên thủy được tháo rời trở lại, các thợ sắp chữ lại phải trả lại từng mẫu tự (hoạt tự), bỏ trở lại các hộp đựng chữ như cũ, để tiếp tục dùng lại...

...

Không ngờ duyên nghiệp con chữ lại theo đuổi tôi qua cả một không gian, thời gian và cả hoàn cảnh khác hẳn. Vào cuối thập niên 1970's. Đang thông dong làm kỹ sư ở Silicon Valley 'thung lũng hoa vàng', có nhiều "ma dẫn lối quỷ đưa đường" khiến tôi lại phải tự ý làm thêm việc viết sách làm báo, một "nghề chơi" vừa tốn tiền vừa tốn sức khủng khiếp.

Bấy giờ không có các em thợ sắp chữ như ngày xưa; phải thay công việc của khâu này tôi càng nhớ và thấm thía nghiệp dĩ của mấy em nhỏ thời ấy. May còn có anh Nguyễn Kim Bảng, một 'thiên tài đánh máy' trợ giúp phần đánh chữ với giá cả 'văn nghệ' vì anh "lãnh lương" nhà nước ở nhà coi bốn con đi học và người vợ ốm đau. (Bảng về sau trở thành một "danh nhân" với một đám tang lớn nhất của người Việt ở hải ngoại, đám tang còn lớn hơn đám tang của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn ở trong nước vì có tới bốn năm ngàn người *đeo tang* trắng hẳn hoi – đã có người khai thác chuyện đời anh trong vài bút ký). Mỗi ngày cơm nước xong, con cái tôi (và của Bảng) đã đi ngủ tôi mới chạy lại anh, hai anh em làm việc chung đến nửa khuya về sáng, đều đặn hai ba đêm mỗi tuần (hai ba đêm khác là dạy điện tử giúp cho người Việt mới qua). Nơi đó chúng tôi "tranh tài", tôi không có tài đánh máy như anh nhưng viết nhanh (và viết đối) vô địch. Vừa viết loạn cào cào kinh tế văn học, vừa dịch tin báo tây, báo tàu ... mệt thì giải trí

bằng cách dịch vài bài thơ cổ... Nhưng vẫn thua xa Bảng. Anh vừa đánh máy hăm bà lằng mọi thứ tạp lục của tôi với tốc độ 'siêu tốc' vẫn còn thừa cái miệng để nói chuyện (và sau này là vừa đánh bài vừa nói chuyện điện thoại xin quảng cáo khi anh làm nhật báo). Nhưng thiên tài của anh mà tôi phục nhất là đọc được cái chữ "siêu tốc" của tôi. Gọi là siêu tốc vì bài viết của tôi ngay tại lúc sáng tác thì tôi còn đọc ra, nhưng "nguội" đến ngày sau là chính tôi cũng chịu thua, nhưng Nguyễn Kim Bảng nhà ta vẫn đọc ra được.

Nhưng làm báo làm sách thời đó vẫn có những cái khó. Mặc dù không phải sắp chữ như ở Việt Nam trước đó vì chữ đã được in ra bằng máy typesetting, nhưng chữ không có dấu tiếng Việt. Máy in chỉ in ra trên giấy loại giấy láng chụp hình, nên phải dùng loại bút riêng chấm mực đen để đánh dấu. Đây là công đoạn gian nan khác. Việc đánh dấu tiếng Việt này vừa bản tay vừa phải khéo tay, nhưng không cần "kiến thức" hay "chuyên nghiệp" nào. Hầu như "ai cũng làm được". Nhưng chính đây mới là việc cười ra nước mắt của những người làm sách làm báo thời đó ở ngoại quốc. Vì đánh dấu là việc ai cũng làm được, nên thông thường chẳng ai dò chừng theo bản thảo viết tay. (Riêng bản thảo viết tay của tôi thì có cũng như không). Các chuyện có thật mà không còn làm ai cười, trừ đương sự – nhân vật và tác giả - như "người đàn bà đảm đang" biến thành "người đàn bà dâm dăng" chỉ vì người đánh dấu chẳng ai buồn dò theo bản thảo.

Khoảng đầu thập niên 1980's Nguyễn Kim Bảng xoay xở có được mẫu in typesetting đầu tiên có dấu tiếng Việt. Anh có thời gian ngắn kiếm khá tiền là vào thời này chỉ một mình anh có máy typesetting đánh được dấu (và giấu rất kỹ 'bí kíp nghề nghiệp' này trong một thời gian). Gian nan vẫn chưa hết, vì giấy phim in ra đã có dấu tiếng Việt nhưng trên màn ảnh chúng ta vẫn chưa thấy tiếng Việt (wysiwyg)*. Thí dụ dù in ra phim có đủ dấu "*tôi là người Việt*" nhưng trên màn hình vẫn chỉ thấy đại khái như "*towi laz nguwowzi viewzt*". Vì thế sách báo vẫn tiếp tục có nhiều lỗi. Sách của tôi có lẽ là có nhiều lỗi hơn vì sách in sớm mà cá nhân tôi quá bận (và lười). Kỷ niệm ở đây là hai việc. Việc thứ nhất là học giả Đỗ Thông Minh ở Nhật, anh công phu viết cho tôi một danh sách dài liệt kê hơn 40 lỗi của quyển *Nghiên cứu chữ Hán và tiếng Hán Việt*, một bài báo khác là của một bạn chửi rửa thậm tệ về các lỗi của quyển *Bổ Đẻ Đạt Ma*. Cả hai người tôi đều có chỗ cảm ơn riêng.

Sách báo của tôi xuất bản ở Hoa Kỳ nhờ có NKB nên thường là sách tiếng Việt đầu tiên có dấu. Trước đó có thể có người có in sách trông như dùng bộ chữ có dấu, nhưng nhìn kỹ là người in tự đánh dấu quá khéo. Có người tưởng vì tôi là kỹ sư nên nghĩ tôi đã giúp gì cho NKB để anh ta có bộ dấu tiếng Việt, vì NKB cũng không biết cả tiếng Anh để đi giao tiếp bên ngoài. Đây chính là "thiên tài ngoại giao" của anh. Nên nhớ NKB là người



ra NHẬT BÁO tiếng Việt đầu tiên ở ngoại quốc. Anh làm một lúc hai tờ nhật báo ở San Jose và D.C. Riêng tôi, cho đến nay (2012) vẫn rất lơ mơ về việc đánh chữ Việt hay nhập chữ Hán chữ Phạn. Nhưng rất may là ngày nay computer đã quá tiến bộ.

...

Nhân ngày đầu năm, tôi cùng ông bạn tay hòm chìa khóa của Tạp chí VHPG đến thăm một ngôi chùa nhỏ ở An Phú Đông, mà vị trụ trì cũng là dân Vạn Hạnh cũ. Anh Trần Tuấn Mẫn còn nhắc đến thời làm Tổng Thư ký Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM, vào đến cuối thập niên 1990 mà mỗi lần cần in có vài chữ Hán cũng còn phải đến tận báo SGGP để nhờ đánh giùm vài chữ mang về. Thấy ngài trụ trì ngạc nhiên, tôi mới nhớ lại hai quyển *Đường thi* (tập 1 và tập 2) dịch in trước đó ở Hà Nội của toàn các bậc thầy trong nghề dịch thuật mà cũng không có chữ Hán. Ba quyển *Thơ văn Lý Trần* của nhà nước sau đó được chuẩn bị rất công phu (gồm các chuyên viên rất giỏi Hán văn tuy nhiên không có ai hiểu về Thiên học cả). Cả ba quyển rất bề thế nhưng phần chữ Hán cũng chỉ là viết tay vừa xấu xí vừa lem nhem khó đọc. Chẳng bù với sách báo ngày nay, như một báo tư rất đẹp (*Sưởi Nguồn*) của tu viện Huệ Quang tôi mới được đọc trong ngày Tết vừa qua.

Tam tạng kinh điển Hán văn và Pali ngày nay nằm gọn trong chiếc máy điện toán con con. Tạng Sanskrit, Tây Tạng và các ngôn ngữ khác kể cả tiếng Việt thì vẫn còn phải dùng internet nhưng rất tiện lợi mà chính tôi

vẫn dùng thường xuyên dù thường ở trên vùng núi không người. Mỗi lần gỡ một trang kinh cũ, dù trên giấy trắng hay trên màn hình, tôi không khỏi mơ hồ nghĩ đến thời các vị cổ đức xa xưa trong những cuộc hành trình thỉnh kinh cam khổ chết người. Ngày nay chúng ta chẳng cần lặn trốn trên Tàng kinh các để đọc kinh như truyện của Kim Dung, toàn bộ Tam tạng thánh thư thâm viễn hiện ra chỉ trong vài nút gỗ... nhưng dường như con người càng ngày lại càng xa lạ với chúng hơn bao giờ.

...

Tự về hưu thật sớm, hơn mười năm trước tôi tự nghĩ mình khôn ngoan khác người vì còn sức khỏe du lịch rong ruổi. Và thật sự có tự hào hơn người vì trong quãng đường còn lại mình còn thú vui với văn tự sách vở... Nhưng gần đây mới thấy gần mười ngàn quyển sách trong ngôi nhà nhỏ ở thung lũng hoa vàng lại chính là sợi xích vô hình nhưng có thật vẫn tiếp tục cột chân mình... Tôi chợt nhớ cụ XXX, người tự treo cổ sau khi đã đổ đấm kinh điển ông kê làm thang dưới chân...

Vì vậy đoạn văn này tôi gọi là *Nghiệp ư* với nghĩa đen của nó.

Chú thích

* wysiwyg là viết tắt của *what you see is what you get*, nguyên là tên của một chương trình ứng dụng trên computer, ở đây đại ý nói, điều nhìn thấy đã là kết quả cuối cùng rồi. ■



Đến Vũng Tàu thăm Bạch Dinh

Bài & ảnh: PHÓ ĐẠO

Ở vị trí cao gần 30m so với mặt biển, trên triền Núi Lớn, nay ở sát đường Trần Phú, phường 1, thành phố Vũng Tàu, có một tòa nhà màu trắng, ngói đỏ đứng uy nghi giữa màu xanh cây lá đã từ trăm năm qua. Đó là Bạch dinh (Villa Blanche), được người dân sở tại gọi là Dinh Ông Thượng, một điểm nhấn cảnh quan và là một trong những khu di tích hấp dẫn nhất đối với du khách khi đến thành phố biển này.

Sau khi mua vé tham quan với giá chỉ 5.000 đồng/người, du khách có thể lên dinh bằng hai con đường. Một đường lớn thoải mái trải nhựa dành cho xe ô tô. Đường thứ hai gần hơn nhưng dốc với 150 bậc cấp dưới tán cây rợp mát thơm ngát mùi lá hoa. Cả hai đường lên đến Bạch Dinh đều lượn bên dưới tán rừng

giá ty (*tectona grandis*), bằng lăng, sứ... phủ đầy lá khô như cảnh thu tàn trong thơ cổ.

Vừa lên sân, ngoái sang trái, du khách đã nhìn thấy một phần thành phố và con đường tuyệt đẹp chạy ven biển Bãi Trước sóng đang vỗ bờ trắng xóa phía dưới. Bên phải sân, nằm cạnh những cây sứ cổ thụ trổ hoa vàng, tím, đỏ... là một dãy súng thần công xanh màu rỉ đồng oai phong hướng ra biển, khiến du khách thích thú nhưng không khỏi chạnh lòng giây lát nghĩ về lịch sử bể dâu của dân tộc. Bởi đây chính là nền của pháo đài đồn Phước Thắng xưa kia. Tại đây, ngày 10/2/1859 (năm Tự Đức thứ 20), quân ta đã nã những trái pháo đầu tiên chống trả hạm đội hùng mạnh của đế quốc Pháp khi chúng tấn công các đồn ven biển Vũng Tàu hòng dọn đường vào đánh thành Gia Định trong chiến dịch thôn tính Nam Kỳ.

Rời sân sau, ra đến mặt tiền, du khách sẽ đến một sân rộng có bao lơn được xây bằng đá tảng thô chắc với hàng chấn song hình con trện bằng gổm men lục bảo trông dịu mắt. Từ bao lơn, du khách thỏa sức phóng tầm mắt ra trùng khơi mênh mông xanh thẳm phía dưới, tận hưởng những làn gió biển trong mát lồng lộng thổi về mà quên mọi mệt nhọc ưu phiền. Ở hai bên sân trước, bên cạnh những cây sứ cổ thụ trở hoa thơm thoang thoảng có hai cỗ đại pháo đường bệ hướng nòng ra phía biển như hai vệ sĩ canh giữ cho tòa nhà.

Sau khi ngắm biển, hóng gió, chụp ảnh lưu niệm cạnh các khẩu đại pháo, du khách quay lại chiêm ngưỡng tòa nhà. Theo nội dung tờ bướm phát cho du khách, tòa nhà dài 25m, rộng 8m, cao 19m có một tầng lầu, một trệt và một tầng hầm, trông kiên cố như một pháo đài nhưng vẫn có dáng vẻ kiêu diễm của một tòa lâu đài. Theo giới chuyên môn, tòa nhà có dáng dấp của lối kiến trúc La Mã cận đại - thường thấy ở những dinh thự hay công trình xây dựng công cộng, có đặc điểm là đồ sộ để tạo ấn tượng về sức mạnh và quyền uy đối với người quan chiêm.

Tầng hầm có nhiều cửa sổ chấn song trang trí hoa văn cầu kỳ rèn bằng sắt đặc để thông gió trở ra từ bức tường xây bằng đá khối. Phía trên tiếp giáp với tầng một được xây bằng gạch mộc màu đỏ vừa đẹp mắt vừa cho ta cảm giác “nền tảng”, nâng đỡ các kết cấu bên trên một cách vững chắc.

Giải pháp thông gió, ánh sáng cho một công trình xây dựng ở vùng nhiệt đới nóng ẩm là những ưu tiên hàng đầu trong đồ án thiết kế và thi công của các kỹ sư thời bấy giờ. Chẳng thế mà các cửa chính và các cửa sổ của tòa dinh thự đều có khẩu độ bằng nhau và lớn đến nỗi chiếm gần hết diện tích của các bức tường nhằm tận dụng ánh sáng tự nhiên và nguồn gió trong mát vô tận từ biển thổi vào. Các cửa đều có hai lớp: bên trong là cánh cửa gắn kính; bên ngoài là cánh cửa chớp (lá sách) bằng gỗ dày chắc chắn, dù đóng, gió vẫn có thể thổi vào. Mỗi bên cửa chính lại có hai cánh phụ để tiện điều tiết lượng gió, ánh sáng theo mùa hoặc thời tiết khác nhau. Loại cửa này được dùng phổ biến cho các tòa nhà do người Pháp xây ở Đông Dương thời thuộc địa, đến nay nhiều nơi vẫn còn ứng dụng.

Tất cả các vòm cuốn cửa sổ đều chèn gạch mộc đỏ tươi như môi thiếu nữ. Khóa đỉnh (keystone) gắn trên mỗi vòm cuốn là một khối gổm trang trí các đường cong hình lá ô rô tráng men lục bảo phối màu nâu nhạt rất trang nhã, mềm mại. Ở mỗi chân vòm (impost) lại được chặn bằng một khối gổm trang trí hình trái tim cách điệu ôm lá ô rô bên trong tạo cảm giác rắn chắc, cân đối. Chưa hết, phía dưới mỗi vòm cửa sổ được ốp bằng những phiến gạch men màu trang trí hình hoa cúc, hoa hướng dương rất vui mắt.

Có lẽ, do các bức tường ngoài từ xưa luôn chỉ được sơn quét một màu trắng nên tòa nhà được người Việt ta gọi là “Bạch Dinh”. Nhưng các nhà nghiên cứu cho

rằng “Blanche” là tên vợ của toàn quyền Đông Dương Paul Doumer (1857-1932), người ra lệnh xây tòa công thự lúc bấy giờ, đã được chính viên quan thuộc địa này dùng đặt tên tòa nhà, lại cũng có nghĩa là màu trắng.

Nhìn lên tầng lầu đều có các cửa vòm cuốn nhưng không được chèn gạch đỏ, không gắn khóa đỉnh vòm nên có vẻ hơi đơn điệu. Bù lại, người ta đã gắn nhiều chấn song hình bình rượu bằng gổm men lục bảo phối màu nâu nhạt đặt trong hốc tường dưới các cửa sổ. Đặc biệt, các chân vòm cửa ở tầng này đều được trang trí phù điêu sứ men nâu hình lá rất cầu kỳ. Bên trên các đỉnh vòm, gắn sát máng xối, người ta ốp các bức chân dung phụ nữ châu Âu xinh đẹp giữa những họa tiết lá, hoa, chim công xò đuôi bằng men màu thật đẹp mắt. Đặc biệt, phía bên dưới các bức vẽ là những thanh phù điêu đúc hình lá ô rô phủ men màu huyết dụ nối các vòm cửa với nhau. Đặc biệt, ở khoảng giữa mỗi thanh phù điêu lại có một bức tượng gổm bán thân các nhân vật cổ đại Hy Lạp - La Mã đặt trên thanh đỡ (corbel) hình hoa cách điệu được một gờ hình tròn bao quanh khiến du khách cứ băng khuâng ngơ ngẩn ngẫm nhìn không muốn rời chân.

Từ mặt tiền, bước qua cửa chính ở tầng trệt, du khách đã vào phòng khánh tiết hoành tráng, thoảng mát trưng bày những di sản giá trị như cặp ngà voi châu Phi rất lớn dài tới 1,7m, cặp “Song bình bách điều châu phụng”, bộ tràng kỷ nội cung ghi niên đại Khải Định 1921, bộ “Tam đa ngũ thái Phúc - Lộc - Thọ”... Tất cả để phục vụ khách tham quan thưởng lãm. Những trang bị nội thất như quạt trần hai cánh kiểu cổ gắn trên trần còn nguyên hộp số quạt nhãn hiệu “Marrelli” sản xuất tại Italy vào nửa đầu thế kỷ 20 (hiện chỉ còn gắn trong nội thất Kho bạc Nhà nước TP. HCM đường Nguyễn Huệ, quận 1), chốt cửa chính, chốt cửa sổ bằng đồng, ổ khóa từ đầu thế kỷ 20... tất cả không chỉ còn nguyên vẹn mà còn đang được sử dụng bình thường.

Rời phòng khánh tiết sang các phòng bên, du khách được chiêm ngưỡng một bộ sưu tập hàng trăm hiện vật gổm sứ, đá, kim loại Trung Hoa đời Khang Hy, các đời vua khác của nhà Thanh thế kỷ XVII-XVIII có giá trị được trục vớt năm 1990-1992 từ một tàu buôn cổ bị bị đắm ở đảo Hòn Cau - Côn Đảo.

Từ các phòng trưng bày di sản gổm sứ Hòn Cau, du khách bước ra hành lang sẽ thấy hai cầu thang ở hai đầu. Một đầu cầu thang nhỏ bằng lan can sắt, thô chắc, dẫn xuống tầng hầm, nơi xưa vừa là nhà bếp, vừa là nhà kho và là nơi trữ rượu.

Khác hẳn với cầu thang tầng hầm, cầu thang lên tầng hai thật bề thế được chấn lan can rèn bằng sắt đặc hoa văn cách điệu hình mặt biển nổi sóng và các hình hoa thị cầu kỳ ở góc mỗi ô. Một du khách bám vào tay vịn bọc đồng thau chạm nổi lay thật mạnh rồi trầm trở thán phục: “Lan can đẹp lại dày dặn vững chãi thế này chắc phải tồn tại hàng trăm năm nữa!”. Đã vậy, độ nghiêng của rầm, diện tích mặt bậc (tread), chiều cao bậc (rise) cầu thang được xây đúng kích thước chuẩn nên người ta



không phải bám vào tay vịn lan can khi lên xuống, cảm thấy an toàn thoải mái không khác ở trên mặt bằng.

Cũng như dưới tầng một, tầng hai có các hành lang trong ngăn giữa hai lớp tường ngoài với tường trong (các phòng ngủ, phòng khách, phòng làm việc v.v.) không bị ánh nắng nhiệt đới trực tiếp chiếu vào để không khí bên trong các phòng luôn mát mẻ, vì vậy mà đỡ tốn điện chạy quạt, máy lạnh. Đây chính là một ưu điểm quan trọng của kiến trúc thuộc địa¹, thường kết hợp hài hòa với thiên nhiên về công năng và văn hóa bản địa về thẩm mỹ để công trình không trở nên xa lạ, trơ trọi mà hài hòa với không gian kiến trúc xung quanh. Trong các phòng tầng hai, tuy không còn đầy đủ những đồ nội thất của chủ nhân đầu tiên như giường, tủ, sa lông, bàn phấn... nhưng những vật dụng bày biện ở đây đều được chế tác tinh xảo bằng các loại "tứ thiết" quý hiếm, đắt tiền với kiểu dáng sang trọng quý phái cho đến nay vẫn không hề lỗi mốt. Tuổi của chúng ít nhất cũng trên nửa thế kỷ.

Qua các cửa chính và cửa sổ rất rộng ở đây, người ta có thể nhìn ra tận khơi xa cũng như chiêm ngưỡng mặt trời lặn xuống đại dương vào mỗi buổi chiều tà.

Ra hành lang phía sau, du khách có thể ngắm khu rừng bát ngát màu xanh cây lá nổi lên mái ngói đỏ của lầu mát xinh xắn và con đường đi dạo xây bằng đá tảng lên đến bìa rừng của chân núi lớn. Theo một con đường đi dạo xây bằng đá khối từ phía trái sân sau, du khách bước theo các bậc đá dẫn lên một lầu mát mái lục giác nơi có thể nhìn phía sau tòa nhà và biển thấp thoáng

ngoài xa. Cũng từ đây, con đường bằng đá sẽ đưa du khách đi sâu vào trong rừng giá tỵ, sứ, bằng lăng... vắng vẻ, yên tĩnh đến nỗi chỉ nghe thấy tiếng lá khô xào xạc rơi và tiếng chim hót đón chào.

Đi xa mãi không còn nhìn thấy tòa nhà chính, con đường sẽ dẫn đến một ngôi lầu bát giác trên một gò đất cao giữa rừng. Từ đó lại có một con đường khác bằng đá khối rất đẹp dưới tán cây vắng vẻ dẫn ra hướng cổng chính. Được biết ngôi lầu này mới xây dựng từ khi Bạch Dinh được chuyển thành một địa điểm du lịch. Bên trong ngôi lầu có đặt một tấm bia lớn khắc một bài thơ của hoàng đế Thành Thái, một ông vua yêu nước, chống Pháp, bị chính quyền thuộc địa Đông Dương phớt lờ, đưa từ Huế vào giam lỏng ở Bạch Dinh này từ tháng 9/1907. Đến năm 1916 thì ông bị chúng bí mật đưa đi đày biệt xứ tận đảo Réunion² xa xôi - một thuộc địa Pháp ở châu Phi. Cùng bị đi đày trên chuyến tàu năm ấy có cả hoàng đế Duy Tân, con trai và là người kế vị cũng có tinh thần yêu nước chống Pháp như ông. Năm 1947, chủ nghĩa thực dân Pháp ở Đông Dương đang lâm vào thế thảm bại trước cuộc kháng chiến anh dũng của nhân dân ta, họ buộc phải đưa ông trở lại cố hương. Về thăm lại Bạch Dinh chốn cũ sau 31 năm biệt lưu đày, cựu hoàng Thành Thái đã cảm tác bài thơ thất ngôn bát cú nhan đề *Sầu tây bể cấp*, được hậu thế khắc trên bia như sau:

*Sống thừa nào biết đến hôm nay
Nhìn thấy non sông đất nước này
Sừng ngựa chưa quên câu chuyện cũ
Ruột tửm chín khúc mối sầu tây
Thành xuân muôn dặm mây mù mịt
Bể cấp tư bề sóng bủa vây
Tiếng súng ngày đêm như khúc nhạc
Dấu cho sắt đá cũng chau mày.*

Nhiều du khách, nhất là các bạn trẻ, khi đi dạo trong rừng cũng ghé lầu bia để đọc bài thơ nặng tình với non nước của ông, được biết thêm những sự kiện lịch sử đau thương và hào hùng của dân tộc.

Từ lầu bia, du khách đi theo con đường bằng đá tảng tuyệt đẹp để xuống dưới cổng chính, kết thúc một chuyến tham quan đầy sáng khoái và hữu ích.

Sau khi tham quan đã mệt, du khách có thể ghé vào ngôi nghỉ trong các quán nước dưới bóng mát của rừng giá tỵ trong khuôn viên dinh vừa nhâm nhi ly cà phê vừa ngắm cảnh biển phía ngay bên kia đường thì còn gì thú vị bằng.

Chú thích:

1. Kiến trúc thuộc địa. Loại kiến trúc phương Tây được người Pháp du nhập vào Việt Nam cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20, thiên về kỹ thuật thông gió, chiếu sáng phù hợp với khí hậu nhiệt đới nóng, ẩm và kết hợp với văn hóa bản địa về hình thức.

2. Trên bia đá khắc là "LaRéunion", chữ "La" đã dính liền với "Renion" và thiếu chữ "u". ■



Ảnh: Quảng Tâm

Lãng đãng mùa sen

NGUYỄN VĂN UÔNG

Mùa hạ, mùa sen.

Sen kín mặt các hồ Tịnh Tâm, hồ hào thành quanh Đại Nội, hồ hào thành quanh Thành Nội. Vào một chiều nóng nực ngọn gió Lào, ai có chút thư giãn trên nẻo đường qua các nơi ấy, hãy thả mắt nhìn màu lá xanh bông trắng thanh khiết rạp rình vũ điệu, đừng đưa dáng nòn nà như vẫy chào ánh mắt đắm đuối nhìn theo. Rất nhiều tầng lá xanh tròn, có chiếc lá cao hẳn so với mặt nước như chiếc lọng che bóng những chiếc lá đàn em nhỏ nhắn ép sát mặt nước. Hoa sen vút cao khỏi tầng lá, những búp non mới nhú như hình bút tháp, lớn hơn thành búp sen và khi bung nở thành cả đóa sen bông trắng nhụy vàng. Chiếc xuống tre nho nhỏ len lỏi giữa hồ sen, nhấp nhô chiếc nón trắng lung linh trên mặt hồ lá sen xanh trông như một búp sen khổng lồ.

Chiếc xuống tre và cô hái sen chỉ xuất hiện mỗi tháng vài lần vào các ngày trước rằm, mỏng một hàng tháng hái hoa đem bán các chợ phục vụ nhu cầu tâm linh người dân thần kinh mộ đạo Phật. Ngoài thời gian ấy,

sen cứ nở, cứ tàn để các đài sen lớn lên thành gương sen, kết hạt, một đặc sản của Huế xưa.

Thế giới của sen chỉ bừng về mùa hạ. Mùa xuân tháng Giêng Hai khi cái rét dài, rét lộc còn theo mưa phùn vờn vũ đám lá xanh non, mai đào rụng cánh, tàn hoa, ngoài vườn cây trái ngào ngạt hương hoa cau, hoa khế, hoa cam, quýt, bưởi, chanh, cùng thực dược, vạn thọ, cúc vàng... trong bồn khoe sắc thắm, thì sen còn ngái ngủ dưới lớp bùn sâu. Cuối xuân vài tấm lá mỏng như chiếc bánh đa ngần ngại xuất hiện, ôm sát mặt nước hồ. Thế rồi ngày càng ấm hơi nắng hạ thì sen cũng nhanh nhẩu chiếm lĩnh mặt hồ. Vài chiếc lá vút cao như lọng tán, rồi hoa, rồi cả một hồ sen bông trắng lá xanh rạp rờn. Sang thu hồ sen chuyển từ xanh non sang màu ủ dột, hoa ít dần, vài chiếc lá già nua không đủ sức che kín mặt hồ để sang đông, sau đợt dọn hồ của người chủ hồ thì mất hẳn bóng sen. Hồ sen lúc này dềnh nước theo từng con lũ đổ về, ít bè rau muống như vẽ hoa điểm xanh mặt hồ vài đóm. Con chim bói cá trên cọc tre cắm bè rau muống

chứa cái mở dài như chiếc đĩnh nhọn và con mắt cú vọ xuống mặt hồ chờ mấy chú cá con động tĩnh.

Sen là một biểu trưng của Huế mùa hạ.

Ngày còn bé, tôi có người bạn cùng lớp tiểu học ở cạnh hồ Tịnh Tâm. Tôi thường băng con đường xuyên giữa hồ nổi đường Đinh Bộ Lĩnh và khu Thú Y để đến nhà bạn tôi. Con đường chia hồ làm hai phần, mỗi bên có một đảo cây xanh. Khi ấy phần đảo bên hồ lớn được trồng tu, một cây cầu bắc ra đảo, một ngôi nhà lục giác giữa đảo. Thầy dạy hát Ngô Ganh thỉnh thoảng dẫn chúng tôi ra đảo này tập hát, xem hồ. Nhà thầy ở góc đường Hòa Bình, gần hồ. Chúng tôi học hát thì ít mà chơi đùa thì nhiều. Thầy đã già, lữ nhóc chúng tôi như đám tiểu đồng giữa một tiền ông. Đảo bên kia, gần phía chợ Cầu Kho, um tùm cây trái. Chúng tôi nhìn sang cây xoài lủng lẳng vài quả đu đưa tòn ten nhưng không thằng nào có gan cóc tía dám vượt qua hồ tiếp cận. Cây sanh án ngữ trên con đường giữa khoảng cách hai đảo âm u cùng cái am lớn dưới gốc với nhiều câu chuyện truyền miệng ly kỳ, rùng rợn khiến chúng tôi không dám lại gần. Mỗi lần lên cầu đi qua đảo, chúng tôi cúi đầu, bước nhanh. Vài sợi rễ phụ xoắn xuống đường vương vào người, chúng tôi lách mình đi qua, không dám đụng đến.

Hồ Tịnh Tâm ngày ấy chỉ có sen trắng. Tôi nhớ sen Tịnh Tâm từ hình ảnh mặt hồ dập đĩnh những đài sen trắng rung rinh trên tấm thảm lá xanh, mùi hương thoang thoang mỗi khi cơn gió lướt qua mang theo làn hơi mát rượi giữa trưa hè. Ngày ấy đã hơn năm mươi năm qua rồi.

Sen Huế không chỉ ở Tịnh Tâm. Có thể nói ở Huế nơi nào có hồ là có sen. Đi qua các cầu đá để vào các cửa Thành Nội ngày ấy, nơi nào cũng thấy nhiều sen dưới hồ. Một dãy các cửa thành tôi đã từng ra vào từ An Hòa, Chánh Tây, cửa Hữu đến cửa Nhà Đổ, cửa Ngăn, Thượng Tứ, Đông Ba..., mùa hè nhìn xuống hồ chỉ sen và sen.

Trên con sông Ngự Hà xuyên Thành Nội chia nước từ sông Bạch Yến phía tây, qua cổng Thủy Quan đổ ra cống Thanh Long phía đông để hợp lưu sông đào Đông Ba, nhiều đoạn vẫn có sen. Hào thành quanh Đại Nội, nhất là phía trước cửa Ngọ Môn, cửa Hiển Nhơn cũng nhiều sen. Những hồ nhỏ trong Thành Nội như hồ Mân, hồ Tàng Thơ, hồ Xả Tắc, và nhiều hồ không tên khác... đều có sen nở mùa hạ.

Sen trở nên quen thuộc trong nếp sống người Huế. Dâng hương cúng Phật có hoa sen, chén chè hạt sen. Ngày vui, giỗ Tết... mời nhau chén trà sen Liên Tử Tâm. Mùa sen tàn, trẻ con được ăn củ sen có nếp và đậu xanh nhét vào ruột nấu chín thơm ngát mùi xôi. Tết có mứt củ sen từng lát tròn

xiên xiên vừa ngọt vừa bùi vừa thơm béo ngậy. Sen quen thuộc với người Huế trong cả việc đặt tên cho những đứa con yêu. Nhà sang trọng, trí thức thì có các tên Bích Liên, Hồng Liên, Bạch Liên, Kim Liên, Ngọc Liên, Hương Liên... Nhà bình dân, nghèo khổ vắn vắn chỉ gọi một tên Sen. Dù Liên hay Sen thì cũng dành riêng cho con gái. Ít thằng con trai Huế nào được cha mẹ đặt tên từ một loài hoa.

Hoa sen hầu như chỉ được dâng cúng nhiều trong các lễ nhà Phật. Những nơi đình chùa, lăng miếu, chùa tự trang nghiêm, chủ nhân thường thiết kế hồ sen như một bình phong che chắn trước hướng trục đạo. Bình hoa sen khi cắm còn búp và được thay khi sen nở bung cánh. Sen cắm trang trí phòng khách thường có thêm vài lá sen mới nhú khỏi mặt hồ, còn cuốn tròn chưa trải mặt lá. Người uống trà điệu nghệ mang hương vị sen vào chén trà bằng nhiều cách công phu. Có người dùng nhị sen ướp với trà, có người buổi chiều đem trà ủ vào đóa sen mới nở, sáng sớm mai ra hồ sen bốc trà vào ấm, có người chỉ dùng Liên Tử Tâm là loại trà chế biến từ tim mầm hạt sen có công dụng bổ tâm, tráng khí. Bằng cách nào thì người kỳ công cũng cố lấy cho bằng được những giọt sương đêm đọng trên lá sen giữa hồ làm nước pha trà mới là dân sành điệu. Sen là biểu tượng nét đẹp tâm hồn thanh khiết của người quân tử khi vị ngộ gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Sen nâng bước đi đầu đời cho đấng

Giác Ngộ ngày Đản sinh qua bảy tòa sen trong truyền thuyết nhà Phật. Đoàn thanh thiếu niên Gia đình Phật tử đã mượn hình ảnh đóa sen vàng năm cánh cách điệu làm biểu tượng cho đoàn thể mình. Là một Phật tử, tôi yêu hoa sen. Xa Huế, tôi vẫn nhớ mãi những đóa sen trắng với hương thơm dịu dịu đã gắn chặt với tôi suốt một thời thơ ấu.

Những năm gần đây, mỗi lần nghỉ hè có dịp ra Huế, tôi thường hóng gió hồ sen. Nhà tôi trong Thành Nội nên tiếp cận các hồ sen cũng thuận tiện. Sen Huế nay có

nhiều sen hồng mọc cao hơn sen trắng. Hồ sen bị lấp cạn dần, nhiều hồ bị ô nhiễm vì cư dân sống quanh hồ. Ngày xưa, trong hồ sen đã có bè rau muống cạnh tranh đất sống với sen nhưng còn ít, sen vẫn chiếm ưu thế trong sông, hồ thành phố. Ngày nay, các hồ sen giảm dần đi, dần lấn hồ làm nhà, bè rau muống lấn nơi sinh trưởng của sen. Nước các hồ cạn đến lớp bùn. Người ta trồng rau muống vì bán có giá hơn sen. Nếu đem tính toán theo một con tính của nhà kinh tế ngày nay thì giá trị sen không bằng giá trị rau muống. Mía mai thay!

Bên tai tôi văng vẳng câu hát "*vẻ đẹp Huế chẳng nơi nào có được*". Tôi lại nhìn hồ sen và những bè rau muống... ■





Đôi điều về

“trường sinh bất lão”

NGUYỄN HỮU ĐỨC

“**S**ống khỏe, trường thọ, trẻ mãi không già” là ước mơ bao đời nay và mãi mãi của con người. Nhưng những ai thấm nhuần giáo lý nhà Phật đều quen với “Sinh lão bệnh tử” và chấp nhận quy luật “có sinh là có chết, có trẻ là có già, có khỏe và có lúc bệnh” với sự an nhiên tự tại. Và an nhiên tự tại ở đây không có nghĩa là con người buông xuôi mà tìm cách tác động trở lại quy luật một cách hợp quy luật để “sinh bệnh lão tử xảy ra trong điều kiện tốt nhất”. Nghĩa là con người sống với cuộc đời dù dài dù ngắn vẫn luôn luôn “thân tâm an lạc”.

Cách đây không lâu, ở các nước phương Tây, đặc biệt ở Mỹ, nhiều người vào siêu thị hỏi mua cho được các chế phẩm được cho là có tác dụng “làm lùi tuổi già, phục hồi tuổi trẻ” hay nói gọn hơn là làm cho người ta “trường sinh bất lão”. Các chế phẩm này là thuốc nhưng có loại không được xem là thuốc mà chỉ là chế phẩm “*hỗ trợ dinh dưỡng*” hay còn gọi “*thực phẩm chức năng*” được bán tự do trong các siêu thị. Chế phẩm được bày bán trước tiên là hormone *melatonin*, sau đó là hormone *tăng trưởng của người* (human growth hormone, viết tắt là *hGH* hay *GH*). Mới đây có thêm hormone testosterone được bày bán dưới dạng thuốc mỡ

được phò trương là thuốc bôi ngoài da “cải lão hoàn đồng” làm cho đàn ông ở tuổi “xế chiều hay “quá đất” lấy lại sinh lực của thời trai trẻ. Thực hư thế nào?

Trước hết, ta cần biết hormon là chất sinh học được tuyến nội tiết bài tiết và được máu chuyên chở đến các cơ quan để điều hòa hoạt động sinh lý của cơ thể. Melatonin là hormon tiết ra từ tuyến tùng (pineal gland) ở trên não đảm nhận việc điều hòa thức ngủ của con người. GH là hormon được tiết ra từ tuyến yên (pituitary gland) nằm trong não. Đó là một protein bao gồm 191 loại acid amin, có nhiệm vụ kích thích sự tổng hợp chất đạm tạo nên hình hài, giúp sự tăng trưởng của cơ thể (súc vật còn non nếu bị cắt bỏ tuyến yên sẽ không lớn lên được). Hiện nay, nhờ công nghệ sinh học và kỹ thuật tái tổ hợp DNA, người ta có thể sản xuất số lượng lớn GH và melatonin, rẻ tiền và không sợ lây nhiễm bệnh Creutzfeldt-Jacob (bệnh truyền do sản phẩm được bào chế từ não, vì trước đây GH dùng làm thuốc được trích ra từ não người chết có thể làm nhiễm bệnh giống như bệnh bò điên). Còn testosterone là hormon sinh dục nam được tiết ra phần lớn từ tinh hoàn, đảm nhận việc phát triển cơ quan sinh dục nam khi dậy thì, tạo các dấu hiệu đặc trưng của phái nam (như tiếng nói có giọng trầm...) và nhiều tác động khác. Hiện nay, nhờ công nghệ sinh học và kỹ thuật tái tổ hợp DNA như đã nêu, người ta có thể sản xuất nhiều loại hormon dùng làm thuốc, thậm chí sản xuất số lượng lớn là chế phẩm “thực phẩm chức năng”. Riêng testosterone được dùng là loại tổng hợp có dạng tiêm chích, dạng uống và dạng rất tiện dụng là thuốc mỡ bôi ngoài da (mặc dù bôi ngoài da nhưng hormon xuyên thấm qua da vào máu để cho tác dụng). Từ lâu, các nhà khoa học có ghi nhận vai trò một số hormon đối với quá trình lão hóa của con người. Nhiều công trình nghiên cứu cho thấy, ở người tuổi càng cao, lượng một số hormon tiết ra càng giảm đi. Từ đó nảy sinh quan điểm “*bào chế các hormon suy giảm theo tuổi già dùng làm thuốc bổ sung nhằm chống lão hóa, cải lão hoàn đồng*”. Trước đây, người ta đã đổ xô mua thuốc melatonin vì có nghiên cứu thấy hormon này giảm rõ rệt khi người ta già đi. Sau đó, người ta hăm hở tìm đến GH do có dấu hiệu quá trình lão hóa được ghi nhận ở người cao tuổi là teo cơ và tăng mỡ và một số công trình nghiên cứu cho thấy GH khi bổ sung có làm cho khối lượng cơ bắp tăng và khối lượng mỡ giảm. Tuy việc nghiên cứu lúc ấy còn đang tiếp tục, chưa khẳng định tác dụng của GH đối với quá trình lão hóa thì chế phẩm là GH được sản xuất ở dạng uống đã được bán đầy. Ngay một số vận động viên cử tạ và diễn kinh cũng lạm dụng chế phẩm không phải để trẻ hóa mà vì mục đích “doping” làm tăng cơ bắp và sức dẻo dai. Một số người khác, thay vì mua chế phẩm GH, nghe theo lời quảng cáo tìm mua các chế phẩm có chứa *arginin, ornithin* và *lysine* cũng nhằm mục đích “trẻ hóa”. Thật ra, arginin, ornithin, lysine cũng chỉ là các acid amin có trong chất đạm chúng ta ăn hằng ngày (thịt, cá, đậu, trứng, sữa) nhưng gần đây các acid amin này được cho là các “*chất giúp tiết GH*” (GH secretagogues). Chỉ mới có một vài công trình nghiên cứu cho thấy các acid

amin vừa kể khi sử dụng có làm tăng hàm lượng GH trong máu chứ chưa khẳng định “*chất giúp tiết GH*” có thật sự giúp phục hồi tuổi trẻ hay không nhưng chế phẩm các chất này đã ra đời khá nhiều và được quảng cáo bán rầm rộ.

Còn testosterone rõ ràng là có giảm khi người nam bước vào tuổi “xế chiều” và trong thời gian gần đây đã có “chiến dịch quy mô rộng lớn” quảng bá việc dùng testosterone này nhằm “cải lão hoàn đồng” cho nam giới từ 50 tuổi trở lên. Hiện nay vẫn chưa có khẳng định chính thức từ các nhà khoa học về tác dụng thực sự của các hormon vừa kể đối với quá trình lão hóa của con người. Riêng testosterone trong một nghiên cứu thực hiện tại Đại học Pennsylvania (Mỹ) suốt thời gian 3 năm không phát hiện tác động tích cực nào của testosterone trên sức khỏe của đàn ông trên 55 tuổi so với người không dùng hormon này. Trong thực tiễn lâm sàng, người ta có dùng testosterone khi có hiện tượng thiếu năng sinh dục nam ở nam giới, tức có tình trạng suy sinh dục nam do thiếu hormon như: dậy thì muộn, vô sinh hay “*yếu sinh lý*” do thiếu testosterone (cần phân biệt rối loạn cương do thiếu hormon thì phải dùng thuốc testosterone chứ chỉ dùng Viagra không thôi thì chưa đúng). Và dùng testosterone hay hormon nói chung, phải có sự thăm khám và chỉ định thuốc của bác sĩ. Điều đáng quan tâm là dùng testosterone chẳng khác nào dùng con dao hai lưỡi và lưỡi gây hại thì cực kỳ sắc bén. Mặc dù dùng thuốc bôi ngoài da nhưng testosterone vẫn hấp thu qua da gây các phản ứng có hại. Nữ giới dùng thuốc bôi “cải lão hoàn đồng” này bôi trong thời gian dài sẽ bị nam hóa như mọc râu, nổi mụn, giọng nói trầm, thay đổi kinh nguyệt như vô kinh... Còn nam giới dùng bừa bãi testosterone sẽ bị chứng vú to (tức ngực phát triển giống đàn bà, cơ chế chưa được biết rõ vì là hormon nam nhưng lại có tác dụng như hormon nữ), vô sinh (vì tinh hoàn không sinh tinh trùng), nếu phì đại tuyến tiền liệt sẽ phát triển thành ung thư, gây viêm gan vàng da ứ mật và dùng dài lâu sẽ bị suy gan...

Cho tới nay, vẫn chưa có thuốc nào có tác dụng thần kỳ là làm cho “*trường sinh bất lão*”. Nhưng dựa vào những thành tựu trong lĩnh vực nghiên cứu sức khỏe, ta có thể tác động tích cực vào quá trình lão hóa, tức là tìm cách bảo vệ duy trì sức khỏe, kéo dài tuổi thọ. Hãy thực hiện các biện pháp như: bảo vệ chống ô nhiễm môi trường, vệ sinh cá nhân đúng phép, dinh dưỡng hợp lý tức là ăn uống đầy đủ chất, tránh quá thừa hoặc quá thiếu năng lượng (chú ý sử dụng nhiều các nguồn cung cấp *chất chống oxy hóa* là rau cải, trái cây tươi), tránh nghiện rượu, thuốc lá, phòng các bệnh viêm nhiễm, có cuộc sống lành mạnh để sao luôn thư thái, lạc quan, yêu đời, không bị stress và đạt điều mà nhà Thiền giảng dạy là “*an nhiên tự tại*”. Đừng nghe lời đồn đại mà tìm cách mua chế phẩm như thuốc bôi “cải lão hoàn đồng” sẽ bị “*tiền mất tật mang*” do tác dụng rất có hại của loại thuốc bôi này. Hãy tác động trở lại quy luật “*sinh bệnh lão tử*” một cách hợp quy luật để “*sinh bệnh lão tử xảy ra trong điều kiện tốt nhất*”. Nghĩa con người sống với cuộc đời dù dài dù ngắn vẫn luôn luôn “*thân tâm an lạc*”. ■

Ngày về

HẢI TRÌNH

... Hiu hắt trên cánh đồng, mấy giọt nắng mai ẩn mình trong làn sương đục như khát vọng của người trở về bị xóa nhòa bởi niềm khắc khoải của kẻ sắp ra đi...

Xa quê hơn nửa cuộc đời mà tôi vẫn bấm đốt ngón tay lần đếm - Thế là đã ba mươi hai mùa xuân gửi lại quê nhà. Một hạnh ngộ hiếm hoi, tôi trở lại cố hương trong cảnh xuân muộn. Còn đó con sông xưa dải dẫu mưa nắng một thời thơ dại. Vẫn còn đây con đường làng dong ruổi những đêm trăng sáng, thuở vừa biết thổi sáo, ngâm thơ. Đã về đến nơi mà lòng còn thấy xa cách. Những chuyện đổi thay thường khiến người ta lạc nẻo đường về. Áo mới, quà xuân đã đi qua; chỉ có cành mai trước ngõ như còn nán lại chút hương thừa, lụa thưa mấy chùm hoa nở muộn.

Cuộc sống quá thiên về vật chất, nghĩ mà buồn - Con trai năm sáu đứa, đích tôn cũng đến tuổi trưởng thành; thế mà ngôi nhà thừa tự suýt trở nên hoang phế, nếu không có đứa cháu gái lỡ làng duyên phận trông coi. Trở về ngôi nhà cũ, đêm đêm được đốt nhang cắm vào bát hương trên bàn thờ song thân, niềm ân hận cũng vơi đi ít nhiều. Lại được nằm trên bộ ván ngựa kê sát gian thờ, nơi mà cha tôi đã mài lưng suốt cuộc đời sau những ngày ruộng đồng vất vả. Nơi đây tôi đã tìm lại hương vị ngày xuân thời thơ ấu. Sau lễ cúng giao thừa, người ngọt ngào nói nhỏ: "Xích vào để cha ôm cho ấm, ngủ đi, sáng mai dậy sớm, mẹ cho mặc áo mới mừng xuân". Cơ hồ như cảm nhận vị mặn của mồ hôi và mùi khen khét da thịt của đấng sinh thành, tôi đưa nhẹ bàn tay vân vê lên mặt ván như cố tìm lại hơi ấm của người vào cái đêm xuân lạnh giá ngày nào. Kỷ niệm những ngày thơ ấu lần lượt đi qua trong giấc ngủ lơ mơ, mà còn nghe rõ ngoài trời tiếng mưa rả rích.

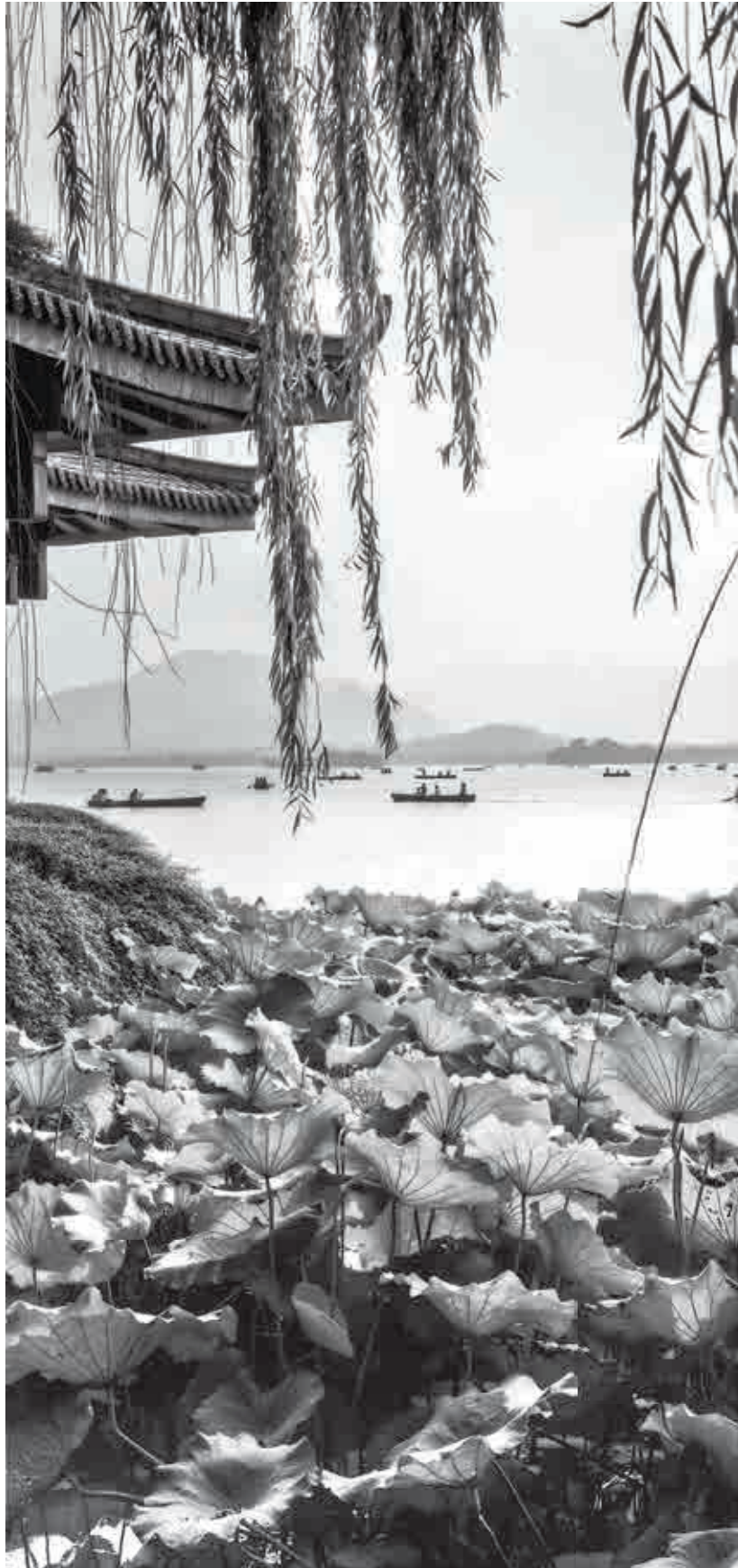
Đã bước sang tháng Hai mà trời còn rét đậm. Thức dậy muộn, tôi lấy xe chở người bạn thân, mới từ Đà Nẵng về thăm chiều qua, chạy một vòng quanh các nẻo đường xóm thôn vùng lân cận mà ngắm cảnh trời xuân. Ra khỏi lũy tre làng, bỗng tôi thấy choáng ngợp trước vẻ diệu kì của sương xuân. Vô vàn hạt nước li ti

chập chờn bay lượn giữa không trung, tạo thành một màn trắng đục, vây bủa cánh đồng lúa tơ xanh biếc; chỉ còn nghe mấy tiếng chim chiền chiện hót dứt quãng đầu đây. Tôi chợt ngộ ra đôi điều về hai câu thơ "bí hiểm" của Trung niên thi sĩ Bùi Giáng: *Ngày mai cá sống phiêu bồng/ Ngàn trăng ngậm bóng sương đồng ra đi*.

Đến một nơi phong cảnh hữu tình. Tôi dừng lại, ghé thăm ngôi chùa cũ, nơi mang nhiều kỉ niệm của tuổi thơ. Tôi không khỏi ngạc nhiên trước vẻ nguy nga, tráng lệ của ngôi chùa mới xây. Đang lom khom bên mấy khóm hoa, vị trụ trì ra tận cửa đón chúng tôi. Có lẽ người cũng sắp bước sang tuổi đại lão, nhưng dáng còn quắc thước, nhanh nhẹn. Thật không thể ngờ được, ở một vùng quê hẻo lánh mà có một ngôi chùa bề thế cỡ này. Chùa có một lầu, choán khoảng đất rộng chừng mấy trăm thước vuông. Hai con rồng to tướng vươn mình trong thế lưỡng long chầu nguyệt, uy nghi chễm chệ trên mái ngói cong cong còn tươi màu huyết dụ. Cảnh vật ngày xưa hầu như bị xóa sạch. Chỉ còn sót lại cây đa trước cổng, nay cũng đã thành cổ thụ và biến dạng so với ngày nào. Thấy chúng đang tôi để mắt quan sát ngôi chánh điện nguy nga, thầy liền dẫn chúng tôi vào một ngôi nhà cổ, một gian hai chái, chừng như đã xuống cấp, nằm lẻ loi phía sau ngôi chánh điện. Bằng giọng có vẻ tự hào nhưng chất phác, thầy nói: "Các anh xem đây, làm chùa mới nhưng chúng tôi không bỏ ngôi chùa cũ, có xưa mới có nay phải không nào?". Chúng tôi lễ phép trả lời: "Thưa phải". Rồi thầy vừa nói vừa đưa tay lên chỉ: "Vẫn còn nguyên mấy pho tượng và cả đồ tự khí, ngay cả vị trí chúng tôi vẫn giữ như xưa. Xem đơn giản thế, nhưng là bảo vật của nhà chùa đó. Không khéo giữ gìn là có nguy cơ mất trộm như chơi". Như hiểu được ý thầy, chúng tôi xin phép được đốt nhang và đánh lễ ngay tại ngôi cổ tự này. Luôn tiện tôi cũng tự giới thiệu với thầy, tôi đã từng là đệ tử của chùa ngay từ thời còn sinh hoạt trong Gia đình Phật tử. Thấy vui mừng nắm chặt tay tôi rồi ôn tồn: "A Di Đà Phật, ầu cũng là một thiện duyên. Ngôi

chùa cũ còn nguyên vẹn đó, anh đã hài lòng chưa?”. Tôi chấp tay xá thầy và cung kính đáp: “Thưa thầy, thật sự con vô cùng vui mừng khi được nhìn lại ngôi chùa xưa vẫn còn nguyên vẹn”. Vừa nói chuyện, tôi vừa đảo mắt nhìn quanh. Xúc động xiết bao, khi được nhìn lại ánh mắt từ bi trên khuôn mặt vô ưu của pho tượng Đức Bốn sư ngày nào; những ngày mà chúng tôi còn mặc đồng phục màu lam. Bộ tam sự cổ kính, bóng lộn mà chúng tôi đã từng hân hạnh được phân công lau chùi vào các dịp đại lễ vẫn còn an vị giữa ngôi chánh điện, cả đôi phướn đã bạc màu theo vết bụi thời gian, bức hoành phi và đôi liễn đen bóng vẫn còn nổi lên mấy hàng chữ mạ vàng rục rờ. Tôi có cảm giác như ngày xưa chưa đi qua trong gian nhà nhỏ này. Đánh lễ xong, chúng tôi theo thầy sang phòng khách ở dãy Tăng phòng kế bên chánh điện. Ngoài trời sương vẫn còn dày đặc. Ngôi trong căn phòng nhỏ, tôi có được cảm giác ấm cúng hơn nhiều. Tết đã qua, nhưng hương xuân còn phảng phất. Dĩa mút gừng vàng ối, cay nồng đượm tinh đồng đạo; hương trà thanh khiết tận cõi lòng. Nhìn ra sân. Những cành mai non lá đã ngả sang màu xanh biếc, còn sót lại mấy cành hoa nở muộm vàng ươm, e ấp bên ngọn gió xuân se lạnh đang vung vẩy những tràng mưa bụi trước sân chùa. Thấy chúng tôi mãi miết ngắm nghía hàng mai, thầy ôn tồn: “Năm nay trời rét cả ba tháng liền; cả vùng này không nhà nào có mai nở kịp Tết. Các anh thấy đấy, giờ này mà còn rét vậy, người ta còn không chịu nổi hưởng gì cây cối”. Vừa nói thầy vừa đưa tay sửa lại chiếc khăn quàng cổ. Thấy thân mật hỏi thăm sức khỏe và công việc làm ăn của chúng tôi. Chúng tôi theo chân thầy đi một vòng ngắm cảnh chùa. Thấy hân hoan báo cho chúng tôi dự kiến của nhà chùa trong những ngày sắp tới. Được sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, nhà chùa đang xúc tiến việc khai thác ngành du lịch sinh thái và tâm linh. Thế nên trước mắt còn nhiều công việc phải làm. Thấy vui vẻ chỉ cho chúng tôi những công trình đang thực hiện dở dang. Chúng tôi cũng mạnh dạn đóng góp một vài ý kiến nhỏ, thầy vô cùng hoan hỉ tiếp thu và hứa sẽ bàn lại với ban quản lý dự án. Trở lại phòng khách, uống cạn chén trà. Chúng tôi xin già từ. Vị trụ trì khẩn khoản mời chúng tôi ở lại dùng cơm trưa với thầy. Chúng tôi cảm ơn và xin được từ chối vì trưa nay bạn tôi phải trở lại Đà Nẵng. Thấy vui vẻ tiễn chúng tôi ra tận cổng.

Trên đường về, ghé vào một quán nước nhỏ bên đường, ngồi nhâm nhi tách cà phê còn bốc khói. Chúng tôi say sưa trước vẻ đẹp thiên nhiên, hương đồng gió nội trong tiết trời se lạnh. Mùi hương và hơi gió mà tôi cứ ngỡ đã quên đi trong hơn nửa đời người làm kẻ tha phương cầu thực. Hiu hắt trên cánh đồng mấy giọt nắng mai ẩn mình trong làn sương đục; như khát vọng của người trở về bị xóa nhòa bởi niềm khắc khoải của kẻ sắp ra đi. ■





Mưa nửa đêm

HUYỀN TRẦN

*Mưa ngày xưa khác gì mưa ngày nay
Nhìn lũ trẻ nô đùa
Nhìn mưa rơi tí tách
Mắt buồn
Nhìn về nơi sâu thẳm
Mưa có rơi, rơi phía cuối chân trời
Mắt buồn
Mưa trắng xóa phủ kín cả góc trời...!*

Ngày xưa, nói là ngày xưa nhưng chỉ mới hai mươi mấy năm thôi, mỗi khi mưa về, tôi lại cùng mấy đứa bạn trong xóm chạy dưới mưa thỏa sức nô đùa, nghịch nước. Thuở nhỏ thật thích, hồn nhiên, ngây thơ mặc cho người lớn la mắng; không phải suy nghĩ chuyện gì. Tôi thích nhìn mưa rơi, nhìn bong bóng phập phồng dưới vũng nước rồi vỡ tan, điều đó làm tôi thấy hay hay và thích lắm. Phải chăng con người rồi cũng vỡ tan như những

bong bóng kia khi bị rơi xuống đất vì không còn liên kết được với nhau? Tôi đặt câu hỏi mà không quan tâm đến câu trả lời. Mặc kệ; tôi thích ngắm những giọt mưa rơi từ trên mái nhà xuống và giơ tay ra hứng như hứng những hạt pha lê, mắt tinh nghịch đầy ánh cười.

Ngày nay, tôi ghét mưa, ghét những trò nghịch nước thuở ấu thơ, tôi ghét cả thói quen đưa tay ra hứng những hạt pha lê mà tôi đã từng lấy làm thú vị; lòng chợt buồn mỗi khi mưa về, mưa tràn cả trong lòng tôi. Tôi quá ích kỉ, để có thể ngắm nhìn những hạt mưa rơi tí tách. Mọi vật đều trở nên tốt hơn, xanh hơn sau cơn mưa. Mưa như gột sạch mọi thứ bụi bặm của một ngày nhưng lại để trong lòng tôi nỗi buồn sâu lắng. Bạn bè bảo tôi: Con nhỏ này không biết lãng mạn là gì! Trời mưa, làm con người vì lạnh mà gần nhau hơn. Mà nhìn từng đôi đi dưới mưa kia, lãng mạn quá trời. Tôi vô cảm trước lời nhỏ bạn, không một tiếng đáp trả, như kẻ vô hồn, đôi mắt mãi nhìn nơi xa...

Tôi đang mãi nhìn, nhìn cuối chân trời, nhìn về quê mình xem có mưa không. Nhưng tạo hóa đã không cho tôi một cặp mắt có thể nhìn về nơi xa đó. Tôi chỉ có thể lưu giữ lại những hạt mưa rơi trong ánh mắt ẩn chứa nỗi buồn sâu thẳm, dường như có mưa trong ánh mắt ấy. Những hạt mưa long lanh; cũng trong vắt, cũng tròn tròn nhưng khác so với những hạt mưa đang rơi ngoài trời, hạt mưa này có vị chất và mặn.

Mưa! Mưa lại về! Tôi giật mình trở dậy; mọi người vẫn đang ngủ say, đứa cuốn chăn, đứa cuộn người... tôi quay tìm cái mền trong góc phòng trọ nhỏ mà chẳng thấy đâu. Tôi rất nhạy cảm với mưa, chỉ cần nghe tiếng tí tách nhỏ trên mái tôn, tôi cũng thức giấc và rồi không ngủ được. Tôi có cảm giác hai má mình nóng nóng; tôi biết mình đang khóc. Khóc theo những cơn mưa, tôi cũng chẳng biết từ khi nào tôi lại như thế. Phải chăng tôi đã lớn!

Tôi nhớ ánh mắt mẹ buồn, buồn nhiều lắm khi mỗi lần trời đổ mưa. Tuy mẹ không nói nhưng qua ánh mắt tôi cảm nhận được mẹ đang buồn; buồn vì không biết ngày nay buôn bán ra sao. Buồn vì, trời mưa không biết có ai mua sữa cho mình. Nhìn dáng mẹ ngồi chà đậu rồi bỏ lửa nấu một nồi sữa to, to ơi là to mà sức tôi không thể nào nhắc nổi; ấy vậy mà mẹ một mình ngày nào cũng khom lưng nhắc lên rồi nhắc xuống; đứng một góc trong nhà nhìn ra, tôi thấy chạnh lòng. Sau đó, mẹ lại tỉ mỉ ngồi đong từng bịch sữa, mỗi bịch chỉ một ngàn đồng nhưng hằng tháng mẹ đều đặn gửi vào cho tôi một triệu năm trăm ngàn đồng, thương mẹ mà tôi chẳng biết làm sao; cầm tiền của mẹ tôi cảm nhận được nỗi nhọc nhằn, vất vả của mẹ; tôi thầm hứa sẽ tiết kiệm và gắng học để mẹ đỡ lo. Mấy chục năm, mẹ chẳng lo gì cho bản thân, vì mãi lo cho gia đình, nuôi chị em tôi đi học. Tôi còn nhớ mãi lời mẹ: Vào thành phố lo học nha con, nhà mình nghèo đừng mãi chơi theo bạn bè. Tiền

mẹ chắt chiu, thu được từ việc bán từng bịch sữa đậu nành, mỗi tháng đều gửi vào cho tôi. Nhìn gia đình người ta, tôi thấy thương mẹ; chỉ mấy bộ đồ bộ đơn giản, bên chiếc xe đạp cũ, mẹ tảo tần nuôi mấy chị em tôi mà không một lời than vãn, không hề biết đến những bộ đầm kiêu, những bộ vest hợp thời; những chiếc xe đắt tiền. Trời mưa, trời nắng, những lúc bệnh mẹ cũng không nghỉ, vì nghỉ một ngày lấy tiền đâu đắp vào các khoản chi tiêu.

Có hôm mưa tầm tã, mẹ lo lắng không bán sữa được, thằng em tôi cũng lo theo, cả nhà chỉ trông vào mấy giỏ sữa đậu nành của mẹ. Đắt xe ra lòng buồn hiu, mẹ chắt sữa đầy hai bên chiếc xe đạp cũ kĩ, mặc chiếc áo mưa mẹ đạp xe khắp xóm bán. Nhìn mẹ mà tôi xót cả ruột, tôi thấy mình vô dụng và rồi tôi ghét mưa từ ngày ấy. Mặc cho mưa giăng khắp lối, mẹ vẫn vững trên yên xe, đạp đi trong mưa vì đàn con. Mùi sữa đậu nành bay theo những cơn gió, tỏa khắp con đường còn mang cả hơi nóng; như chống lại cái lạnh của mưa. Dáng mẹ khuất xa dần, xa dần rồi chìm đi trong mưa, tôi không thể nhìn thấy mẹ nữa. Mưa trắng xóa che cả dáng mẹ hay vì mẹ đã đi quá xa để có thể bán hết những giỏ đầy sữa. Nhà nhà đang quây quần ấm cúng bên nhau, ngoài đường người đi thưa dần; không biết mẹ tôi đã đi đến những đâu. Mưa này chắc mẹ lạnh lắm, đạp xe nổi không? Trời vẫn rơi những hạt mưa nặng trĩu, tôi không còn thấy thú vị khi ngắm những hạt mưa rơi từ trên mái nhà xuống cũng như thích thú khi nhìn những bong bóng mưa vỡ tan dưới vũng nước. Tất cả đều vô nghĩa.

Bóng đêm dần xuống, nhưng mưa vẫn cố tình dai dẳng và mẹ tôi vẫn chưa về. Tôi thấy lo, lo cho mẹ, điều mà trước giờ tôi chưa nghĩ tới. Sao mẹ chưa về, đã hơn 7 giờ tối rồi; trời mưa liệu mẹ đi có bị gì không. Tôi bắt đầu lo sợ mẹ bị ngã xe vì đường trơn, hay chưa bán hết sữa nên mẹ không thể về...! Bao nhiêu suy nghĩ dồn dập trong đầu. Tôi hình dung ra dáng mẹ chạy khắp xóm bán từng bịch sữa; gửi tiền học vào thành phố cho tôi mà lòng quặn đau.

Lộp độp... lộp... độp...! Mưa mỗi lúc dần nặng hạt hơn. Giờ này ở quê, có mưa không, nước có tràn vào nhà không; và nếu không giờ chắc mẹ đang ngồi chà đậu sau nhà. Tôi cảm nhận được âm thanh của những hạt đậu chà vào rổ vụng lại từ xa. Trong lúc tôi đang ngon giấc, thì ở quê nhà mẹ đang cặm cụi dậy nấu sữa, để kịp sáng sớm đi... Mưa này, chắc mẹ buồn lắm, và mưa vẫn không ngừng nóng trên đôi má tôi. Lạ quá...! Đồng hồ chỉ 3 giờ. Thao thức mãi, tôi vẫn không sao chợp mắt được, văng vẳng bên tai tiếng mưa rơi, tiếng đậu cạ vào nhau; dáng mẹ ngồi giữa đêm khuya cứ hiện lên trước mắt tôi; và tôi không muốn nhắm lại vì nhắm lại hình ảnh mẹ sẽ biến mất; tôi muốn ngắm nhìn dáng mẹ ở nơi xa, xa lắm và thì thầm: "Mẹ ạ! Con yêu mẹ nhiều lắm". ■



Mèo con về đâu?

THÀNH NAM

Bận làm ăn, vài hôm tôi mới về nhà một lần. Căn nhà nằm trong khu vườn cây tạp um tùm, còn mang dáng vẻ hoang sơ, và chỉ có một mình tôi ở – theo kiểu vài ngày về một lần mà không ở lại đêm – nên rất quạnh hiu. Đêm đêm căn nhà vắng người nên có tin đồn nhà tôi có “ma”. Nửa đêm trên mái tôn lạnh lũng nhà tôi, người chung quanh thường nghe có tiếng động âm âm nhưng khi đến khám phá thì lại không thấy gì. Trẻ con hầu như không đứa nào dám vào vườn tôi.

Hồi nhỏ tôi cũng rất sợ “ma” vì nghe người lớn hù dọa đủ loại: “ma đước”, “ma lai rút ruột”, “ma cà rồng”, “ma trời” và sợ nhất là “quỉ vương”. Tin loan truyền “quỉ vương” giết người xẻ thịt nhét vào va-ly rồi ôm nhảy xuống đĩa cá “độn thổ, độn thủy” và biến mất luôn!

Thuở ấy vào những ngày cận Tết, đa số đàn ông trai tráng xứ tôi đi cắt lúa mướn nơi xa kiếm tiền về mua đồ cúng ông bà, để lại phụ nữ trẻ con và người già ở nhà nên đêm đêm xóm làng hay hoảng hốt, hè nhau đánh mõ la làng xua đuổi “quỉ vương”!. Thế nhưng, tôi sống

gần trọn đời ở miệt quê này, thật sự chưa một lần gặp mặt mũi ma qui ra sao?

Khi cha mẹ tôi qua đời, lòng thương nhớ song thân vô bờ đã xóa nhòa ý niệm về “ma” trong tôi. Lắm khi tôi thầm ước được gặp cha mẹ “hiện hình” về thăm mình trong trạng thái hư ảo ấy nhưng thỉnh thoảng tôi chỉ thoáng thấy được hình ảnh cha mẹ trong những giấc chiêm bao bình thường! Mỗi lần về nhà, tôi hay ngồi thẩn thờ tưởng nhớ thời xa xưa. Nhớ bao nhiêu thứ trên đời chông chất cả thời thơ ấu tới thuở hoa niên và những ngày gian nan thay trâu kéo mẩy cây chuối làm phẳng mặt ruộng sạ lúa thần nông, cái thời ai cũng đói đến mức bao tử thắt tha thắt thèo mà vẫn mơ mộng chuyện tình duyên đôi lứa ngọt ngào. Nhớ những ngày hè hoa phượng nở đầy mẹ ngồi chờ con bãi trường về quê, mẹ hôn lên tóc con ba tháng bù đắp chín tháng nhớ thương. Nhớ những con đò tắc ráng chạy tạt sóng đôi bờ chở cô dâu chú rể về làm lễ kết hôn. Nhớ những đêm trăng bơi xuồng chạy trốn máy bay trên trời, nó không phân biệt thường dân bắn loạn xạ, thương quá những tiếng cười hồn nhiên của các em gái thơ ngây khi bom đạn tạm ngừng...

Nhớ mỗi độ xuân về, mẹ nướng bánh phồng, bánh tráng cho cha ăn uống nước trà. Nhớ ra Giêng lúa mùa chín vàng mẹ dùng lưới hái cắt, cha làm bồ “căng tăng” đập. Cha kẹp lúa vào hai cây nẹp cột chặt với nhau bằng cọng dây dừa.

* * *

Cuối năm kia, về quét dọn nhà chuẩn bị ăn Tết, tôi phát hiện trên xiên ngang có một con mèo đen ngồi im lìm như khúc gỗ, giống một loài thú trú đông, mắt sáng quắc hướng về tôi. Mèo không chạy mà “ở thế thủ”: nếu tôi có hành động, nó nhanh chân phóng cái vù, mất...

Con mèo ở đâu đến không rõ, tôi không nuôi nó từ nhỏ, như thế bà con vùng tôi gọi là “mèo hoang”. Khi phát hiện “mèo hoang”, người ta bao vây dùng cây “chia ba” đâm cho lòi ruột, bắt ăn thịt. Vì thế theo bản năng “mèo hoang” rất sợ người, hễ gặp là chạy trốn chết. Riêng con mèo này lại không chạy, chỉ biểu hiện nét “ưu tư”. Tôi không tỏ thái độ thiện thân thiện với con mèo, cứ xem nó như vật nuôi, tránh cho nó lo sợ căng thẳng. Tôi tiếp tục công việc bình thường. Tôi mang một chiếc bánh ngọt đặt lên cách chỗ nó ngồi một khoảng, nó nhồm chân lên, thấy không gì nguy hiểm, lại ngồi xuống.

Dọn dẹp một hồi, tôi phát hiện thêm bốn chú mèo con đủ màu nằm ôm nhau ngủ trong đồng vật dụng linh tinh đặt trên nắp bồn nước. Đám mèo con nhao lên khi tôi động đến, chúng tức tốc phóng chạy tán loạn mỗi con một nơi vào các hốc kẹt, đã như được mẹ chúng huấn luyện “kỹ năng” từ trong bụng. Thì ra con mèo kia là mèo mẹ. Giờ nó mới tỏ thái độ: sùng lộng,

vênh râu, miệng “khè khè” dọa tôi. Nó có thể hiểu hù ngược là chuyện “châu chấu đá xe”. Nếu có dã tâm, tôi sẽ cho mẹ con chúng vào chung trong một hũ rượu “tiểu hổ” dễ dàng. Tất nhiên tôi không làm vậy. Tạm ngưng công việc, tôi bỏ ra ngoài đóng cửa lại để cho mẹ con mèo bình yên; ít ra cũng đủ hưởng một chút tiết xuân hạnh phúc như người.

Tôi ra ngoài dọn vườn cho tới chạng vạng tối trở vô, phát hiện ra một điều hết sức đau lòng: mèo mẹ ngoạm cổ con mèo con sau cùng tha chạy vụt vào bóng đêm! Mèo mẹ biết khi bị người phát hiện, cuộc sống mẹ con nó bị đe dọa, sẽ không còn bình yên với cõi đời nữa mà trở nên hẩm hiu số phận!

Hai hôm sau trở về nhà, tôi mong gặp lại mẹ con mèo. Đã hoàn toàn mất chúng. Tôi tìm kiếm quanh vườn không biết mèo mẹ ở đâu chỉ gặp bốn chú mèo con đi lang thang quanh chân hai ngôi mộ là nơi an nghỉ của song thân tôi. Tôi gom chúng trở vào nhà, hy vọng đến tối mèo mẹ sẽ về cho bú cứu lấy đàn con... Hôm sau nữa trở về, tôi không tìm thấy một chú mèo nào. Lòng lại quặn đau. Không biết mèo mẹ còn hay đã bị ai bắt ăn thịt trong lúc bỏ “tổ ấm” ra đi? Và lũ “con thơ” mèo, biết có được lớn lên không hay côi cút mất định hướng?

* * *

Cuối năm rồi, tôi lại về dọn dẹp căn nhà trong khu vườn cây tạp để đón năm rồng thiêng. Nghe trong lòng vẫn còn nặng mang một nỗi niềm đau đáu khi nhớ đến lũ “mèo hoang”. Chúng đã về đâu, có lớn lên được tới nay hay không để cùng nhân gian đón chào năm mới? ■



Hấn

CHƠN HIỀN

Hấn trạc bốn mươi tuổi, gia cảnh cũng tương đối khá giả nhưng nghe đầu... giang hồ lắm, vào tù ra khám mấy lần. Hàng xóm ai cũng ngại gặp hấn, có lẽ vì nghe chuyện tù tội và gương mặt lầm lì, vô cảm của hấn. Rồi hấn cũng lấy vợ, có con, vợ chồng cũng lam lũ với công việc sinh nhai, hấn đi làm thợ xây dựng ở công trường, vợ buôn bán lầy lắt tạm ổn. Những tưởng cuộc đời sau ngày hoàn lương sẽ dần ổn định, hấn có vẻ an phận lắm, nhưng... Trời không thương, một tai nạn bất ngờ trong lúc đang leo trên giàn giáo, hấn mất đôi chân. Về nhà, sau một thời gian dài khổ sở vì việc đi lại quá khó khăn, hấn trở thành một người lầm lì, suốt ngày im lặng, ra vào như một cái bóng trên chiếc xe lăn mà phường mới hỗ trợ cho người khuyết tật khó khăn... Vợ hấn còn trẻ, bây giờ vừa buôn bán lo cho ba miệng ăn, vừa chăm chồng, chăm con, nhìn như cái xác ve. Hấn thương vợ, nhưng càng thương càng xa cách; hấn bất mãn, tức tối cho số phận cay nghiệt của mình. Tâm bất an, nét mặt hấn tối tăm, u uất. Vợ con hấn cũng trở nên lặng lẽ bên hấn vì hấn dường như câm. Hấn không muốn tiếp xúc, chuyện trò với ai cả. Mẹ hấn âu sầu, đau khổ,

thương con, thương dâu vất vả, cháu nội chắt chịu nhưng già quá rồi làm được gì đây? Phường khóm đến thăm, hấn miễn cưỡng tiếp đón, trên môi hấn tắt hẩn nụ cười. Hàng xóm láng giềng nhìn hấn ái ngại nhưng chẳng dám hỏi thăm, vì sợ không khéo chạm vào nỗi đau đang rỉ máu trong tâm hấn. Nhà tôi sát vách phía sau với nhà hấn, mấy lần vô tình gặp nhau, tôi chào hỏi, hấn lặng thinh, không thèm đối đáp, tôi thôi, chạm mặt hấn, vờ như không thấy...

Bỗng một hôm, tôi thấy hấn trên đường, ngồi trên xe lăn với xấp vé số cầm tay. Tôi nghĩ thầm: "Ừ, cũng nên như thế để giúp đỡ vợ con chứ!". Mỗi khi gặp hấn, tôi đều cố ý dừng lại mua ủng hộ dăm tờ vé số để nói chuyện, han hỏi đôi câu. Mặt hấn không còn hung dữ nữa mà có vẻ như cam chịu, lặng lẽ, tôi cứ thấy tội tội. Con người ta ai cũng có một "số phận" do mình tạo ra nhưng không hề biết nên chỉ đổ tội cho trời, mọi việc lành, dữ đều có thể xảy ra chỉ trong một cái chớp mắt. Đó là nhân và quả của chính ta tạo ra và nhận lấy, không có gì là tự nhiên cả. Cái gì cũng có nguyên nhân, gốc rễ của nó. Chỉ khi nào hiểu được lý này ta mới chấp nhận, hòa mình và hoán chuyển cùng nó thì may ra mới bớt đau khổ và vượt qua số phận. Tôi may mắn có dịp đến chùa, nghe Pháp, xem nhiều kinh sách, được các vị tôn túc giảng giải, nên cũng hiểu ra nhiều điều hay, lý giải "số phận" con người. Tôi muốn chia sẻ với hấn nhưng không dám nói, chắc gì hấn muốn nghe những điều... trái tai này, đạo pháp ư? Nếu không có chủng duyên lành, người ta càng dễ sân hận thêm với những lý giải buộc mình phải có trách nhiệm với việc làm... mơ hồ nào đó của mình từ trong tiền kiếp. Bất chợt có lần hấn hỏi tôi: "Chị hay đi chùa quá hả?".

Tôi cười và đáp: "Đi hoài bây giờ thành ghiền, mất một buổi đến chùa là chị buồn lắm". Hấn nhìn tôi: "Ờ chùa có gì vui mà chị thích dữ vậy?". Tôi đáp:



"Có chứ, nội cái không khí tĩnh lặng của chùa là chị đã thấy bình an rồi, trên đây thấy chị hay cho kinh sách, về xem thấy thấm thía lắm". Hấn hỏi: "Kinh hả?". Tôi lắc đầu: "Không hẳn là kinh, mà có nhiều cuốn sách thấy chị viết rất đơn giản về những điều chung quanh ta, về những gì mình gặp phải trong cuộc đời, vui, buồn, may, rủi... chị xem và hiểu ra nhiều điều, nhờ vậy chị bớt khổ thấy vui". Hấn nhìn tôi trầm ngâm một lúc rồi nói: "Hôm nào chị cho em mượn một cuốn". Tôi như mở cờ trong bụng, chiều đấy mang sang nhà tặng hẳn hai cuốn *Tu là chuyển nghiệp* và *Đâu là chân hạnh phúc* của thầy tôi HT. Thích Thanh Từ. Chẳng biết hẳn có xem không, gặp hẳn mỗi ngày trên đường, tôi thấy nét mặt hẳn vẫn thế, vẫn dăm chiêu, cam chịu, tôi thấy thương thương nhưng không dám hỏi... Sáng nay, vừa ra đầu ngõ, gặp hẳn đang ngồi trước quán cà phê, xấp vé số còn dầy trên tay. Tôi mở lời: "Bán chưa? Chị mở hàng cho em nha?". Hấn đưa tôi xấp vé rồi bỗng nhiên hẳn nhìn tôi cười thật hiền: "Cảm ơn chị, mấy cuốn sách chị đưa đọc hay lắm, em coi rồi". Lần đầu tiên từ ngày biết hẳn, tôi mới thấy hẳn cười, một nụ cười hiền lành, an phận trên khuôn mặt vẫn còn khó dăm dăm, nhưng dù sao thì... hẳn cũng đã cười. Tôi bỗng thấy lòng nhẹ nhõm: "Ừ, thầy chị đã mở mắt cho chị đó, ngày xưa chị cũng khổ lắm". Hấn cầm lại xấp vé rồi nói: "Khi nào có cuốn nào dễ đọc, dễ hiểu chị cho em mượn coi tiếp". Tôi trả tiền vé số cho hẳn và nói: "Nếu em thấy thích, chị sẵn sàng thôi, miễn sao chị em mình bớt khổ là được". Hấn lại cười: "Cảm ơn chị". Tôi thấy một niềm vui lan tỏa trong tâm mình. Mừng sao, tôi đã thấy chút ánh sáng trên khuôn mặt u buồn, tâm tối của hẳn. Mong rằng

gia đình hẳn sẽ lại rộn vang tiếng cười vui như những ngày tháng cũ, cái vui thiện lành ấm áp. Càng cúi đầu tri ân thầy tôi, Người đã thấp đuốc cho những con người đau khổ thấy được ánh sáng trong bóng đêm u tối của cuộc đời, tìm lại được chính mình và hạnh phúc... ■



CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2012

Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc , NS. Trí Tuệ	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm , Vina Giấy	: 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 37 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib , Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa	: 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải , Chùa Báo Ân	: 12 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiến, Tâm Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc , Q. BT	: 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miền Ngoc	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 8 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai , Q. BT	: 5 cuốn/kỳ

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2012, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Phật tử Phạm Thị Mỹ Loan	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng , CTCP. ThaiHa Books	: 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh , Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bàn , USA	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều , Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa	: 7 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyên , CT TNHH Cơ khí Mè Linh	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh , Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ
BBT Viện hongtu.com	: 2 cuốn/kỳ

CT TNHH SXTM	
Nển Hạnh Phúc , Q. BT	: 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 2 cuốn/kỳ
CTY TNHH Thép Thiên Tâm	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngành	: 1 cuốn/kỳ
Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông , TCFH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
CTY Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: 479 cuốn
Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**
Email: vanhoaphatgiaov@vnn.vn

Ban Biên tập



Ông tiên của con

QUANG BÙI

Đã nhiều đêm, con giật mình tỉnh giấc vì những cơn mộng mị hãi hùng của tuổi thơ cứ tràn về. Nhìn sang bên cạnh, không thấy cậu. Con ngồi thẩn thờ, cứ ngỡ cậu lại bỏ con đi không quay lại như cha mẹ con lúc trước. Con hốt hoảng tung chăn bật dậy, chạy khắp nơi tìm cậu. Nước mắt cứ lăn dài theo từng bước chân. Để rồi, khi con mở cánh cửa phòng làm việc của cậu, thấy cậu đang ngồi cặm cụi viết lách. Con đã rất mừng. Cậu không bỏ con. Nhưng ngay lập tức, con lại buồn khi nhìn lên đồng hồ. Đêm đã khuya lắm, vậy mà cậu vẫn chưa đi ngủ. Nhìn bóng cậu bên ngọn đèn hiu hắt, con chợt thấy mình có lỗi, vì đã trót nghĩ cậu cũng sẽ bỏ mình đi. Những lúc ấy, con muốn lao đến, ôm lấy cậu, xin lỗi cậu vì tất cả. Thế nhưng, con lại lặng lẽ quay về phòng. Vì con biết, nếu con đến sẽ khiến cậu phải lo khi

thấy con không ngủ ngon giấc, như những ngày trước, khi cậu mới đưa con về ở với cậu. Cậu vẫn làm việc trong lặng lẽ, đôi lúc cơn ho đến, cậu phải cố kìm để không gây ra tiếng động, chỉ còn những tiếng khùng khục trong cổ họng. Con nằm nghe, thao thức thương cậu, rồi ngủ lúc nào không hay. Con lại mơ, nhưng không phải những giấc mơ đầy nước mắt. Con mơ thấy cậu, như một ông tiên, nhẹ nhàng bước đến bên giường con, nhẹ nhàng đắp lại tấm chăn bị xô cho con khỏi lạnh. Rồi cậu ngồi bên giường, ánh mắt hiền từ triu mến nhìn con ngủ. Con không còn giật mình sợ hãi, vì “ông tiên” luôn ngồi đó, canh cho con ngủ ngon giấc, ngăn không cho những giấc mộng quái ác kia đến bên giấc ngủ con.

Những đêm dài cứ như thế trôi đi...

* * *

Con lại thức giấc nửa chừng, không phải vì những cơn ác mộng, mà vì bên ngoài gió bắc gào thét từng cơn nghe rợn người. Và con lắng nghe, có những tiếng ho kéo dài của cậu. Con vội tung chăn bật dậy, chạy đến phòng làm việc của cậu. Con đã thấy cậu đang gặp người ho rũ rượi ngoài ban công. Mặc dù, cậu đã cố che bằng khăn, qua cả lớp cửa kính cách âm, con vẫn nghe thấy, thậm chí lờ mờ nhìn thấy chiếc khăn trên tay cậu loang lổ máu tươi. Con vội lao đến, vừa đúng lúc cậu ngã gục xuống.

Lần đầu tiên trong đời, sau bao nhiêu năm ở bên cậu, con ngồi canh cho cậu ngủ, trong bệnh viện. Con đã rất sợ hãi. Con không ngớt cầu Trời khẩn Phật cho cậu tai qua nạn khỏi. Con sợ cậu lại bỏ con. Một mỗi, con thiếp đi lúc nào không hay.

Con lại nằm mơ, những giấc mơ hỗn độn. Con mơ thấy mình ngồi khóc một mình trong căn nhà của gia đình con trước kia. Bên ngoài, cha mẹ con đang cãi nhau kịch liệt, họ rủa sả nhau, đập phá hết mọi thứ. Rồi đột ngột, im ắng. Cậu đến, khuyên giải cho họ bỏ đi, sau đó đến bên dỗ dành con và ở lại với con. Không biết bao đêm như thế đã qua đi. Rồi cha mẹ con bỏ nhau, bỏ con, họ đi không bao giờ quay lại. Con lại khóc, khóc đến mệt lả. Con ngất đi. Trong mơ màng, con thấy cậu lao đến ôm con vào lòng...

Con thức dậy, ngỡ ngàng thấy mình nằm trong vòng tay cậu. Cậu cúi xuống nhìn con, mừng đến ướt nước mắt. Ánh mắt cậu lấp lánh như sao, dù mắt cậu thâm quầng vì thức trắng đêm. Cậu cười, con cười đáp lại. Và cậu lại ru con. Giọng cậu khàn đặc vậy mà con cũng đi

vào giấc ngủ yên bình, trong vòng tay ấm áp của cậu.

Từ ấy, dù đôi lúc những giấc mơ hãi hùng vẫn cứ hiện về ám ảnh, nhưng con vẫn ngủ yên, vì có cậu luôn bên cạnh che chở cho con.

* * *

Con chợt tỉnh dậy bởi một bàn tay khẽ xoa đầu mình. Con ngước lên, thấy cậu đang ngồi trước mặt mình. Con ngỡ là mình đang mơ, con dụi mắt, nhìn lại, vẫn cậu ngồi đó, đang nhìn con cười. Nụ cười của cậu vẫn rạng ngời trên khuôn mặt xanh xao. Con mừng quá, nhảy lên ôm lấy cậu vừa cười vừa khóc như con nít, mặc dù con đã lớn, là sinh viên năm thứ nhất: "Con cứ ngỡ cậu bỏ con đi rồi!". Cậu vỗ về: "Con đừng sợ, cậu không bao giờ bỏ con đâu". "Nhưng cậu vừa mới...". Cậu cười lớn, vén tay áo để lộ ra cánh tay gầy guộc, lên gân chứng tỏ mình rất khỏe. Nhìn cậu cứ như làm trò hề, khiến con nhin cười không được, con ôm bụng cười ngặt nghẽo. Con không biết, sau cái gồng tay ấy, mặt cậu đã nhăn lại, đau đớn.

Ngày cậu xuất viện, bác sĩ đến dặn riêng con: "Bố cháu bị lao lực, cháu cần để bố nghỉ ngơi dưỡng sức mới mong có hy vọng cháu ạ!". Con chợt thấy lòng mình tê tái. Con nghĩ về những tháng ngày xưa, những tháng ngày bây giờ, nghĩ đến cái laptop mười mấy triệu con xin cậu tháng trước. Con còn nhận ra, điều bấy lâu con vô tâm không để ý; cậu vẫn chưa có gia đình... Con cứ đứng đó, lặng người nhìn cậu. Cậu lại gần con, mỉm cười. Nhìn cậu, không hiểu sao nước mắt con cứ lăn dài. Con khẽ gọi cậu: "Cha!". Cậu dang rộng vòng tay ôm con vào lòng: "Về nhà thôi con!". ■



Dáng xuân

VI ÁNH NGỌC

Xuân hồng nhạt cánh hoa đêm
 Hương đưa ngan ngát bên thềm phố vui
 Chào mùa ươm sắc mai cười
 Khuyết vầng trăng đón xuân tươi phố hiền
 Chao chao con gió vô biên
 Nhặt cành hoa thắm trên viên môi xinh
 Mùa xuân hát khúc tâm tình
 Dệt bao ước nguyện dáng hình sắc xuân.

Lời đầu năm

NGÀN THƯƠNG

Đầu năm ngồi nhìn nắng
 Trong veo những giọt thiên
 Bắt đầu ngày tháng mới
 Lòng bỗng thấy bình yên

Phố hôm nào im vắng
 Giờ trở lại xôn xao
 Cuộc sống hoài luân chuyển
 Bao giờ đứng yên đâu?

Biết bao niềm ước vọng
 Trong hồn người hân hoan
 Với tiếng cười, tiếng nói
 Một góc trời chứa chan

Đầu năm ra sông tắm
 Dàng tay đón gió lành
 Mới hay mình thêm tuổi
 Khói sương về mênh mang...

Gởi riêng lòng

NGUYỄN ĐÔNG NHẬT

Ngày qua hiên nắng khép.
Tuổi lớn càng thêm buồn.
Trời rộng sao đời hẹp.
Bất tài, lưng áo com.
Người thân vàng bóng lá
roi dần sắc gió thu,
tiếng chim thê thiết lạnh,
nhà dột, trùng kêu đêm.

Ngựa xe âm muôn nẻo.
Gió xanh lạ giấc nằm.
Quần quanh sầu không lối.
Sương đầm rung ướt trắng.

Còn đôi trang sách cũ
giờ trước thềm không hoa.
Ước như người thiên cổ
khóc trong đời rộng thênh.

Cảnh quê

TỊNH BÌNH

Cánh bướm trưa
Vườn quê xao xác gió
Lá tre rơi
Chao nghiêng phiến nắng

Tim tím hoa
Đong đưa bờ giậu
Lao xao lũ gà
Tranh thóc vàng ươm

Lòng quê cảnh vắng
Ao bèo đơm xanh
Ung dung mây trắng
Sen hồng khai hoa...

Chợ Gia Lạc

VÕ PHỤNG TIẾN

Xuân này thăm lại quê Nam Phổ
Đâu nữa mùa cau Nam Phổ xưa
Gia Lạc người người vui đón Tết
Em đâu sao chẳng đón giao thừa.

Nguyện

VŨ NGUYỄN YÊN

Hướng mặt vào trong để cố nhìn
Rằng ta đang ngủ cõi vô minh
Đang bơi giữa vũng bùn tăm tối
Nguyện cầu xin một ánh huyền linh.

Trở về

TÂM TRUNG

Tôi quay về xứ nội
Tìm cội nguồn yên nguyên
Thuyền xuôi dòng sông chảy
Thống tay buông mái chèo...

Theo vòng xoáy cuộc đời
Thời gian qua xế bóng
Mong tháng ngày còn lại
Trái lòng cùng hư không!

Tâm vẫn còn vọng động
Tinh mê lẫn lộn hoài
Thở sâu vào tịch lặng
Tìm thực tại như chân...

Tưởng suy theo hành vận
Trầm kha đời áo com
Thụy miên đầy mộng ảo
Thức giấc trắng bàn tay...

Tôi chừ về xứ nội
Tìm diện mục bản lai
Trong trời đất dài rộng
Lũng lờ hạt bụi bay.

Với tình yêu

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Tuy cùng lứa nhưng khi chúng tôi còn nhắm nháp vị ngọt tình yêu trong tưởng tượng thì có vẻ như Quang đã có “nửa kia” của đời mình. Đó là Dung, sinh viên năm thứ hai Đại học Kinh tế. Cô bé tóc dài, mắt to, thắm đảm hương đồng gió nội ấy đã hút khá nhiều thời gian, tâm trí của bạn tôi. Nói yêu là khổ e làm nhụt chí những người đang mon men trên đường tình nhưng với Quang quả đúng thế.

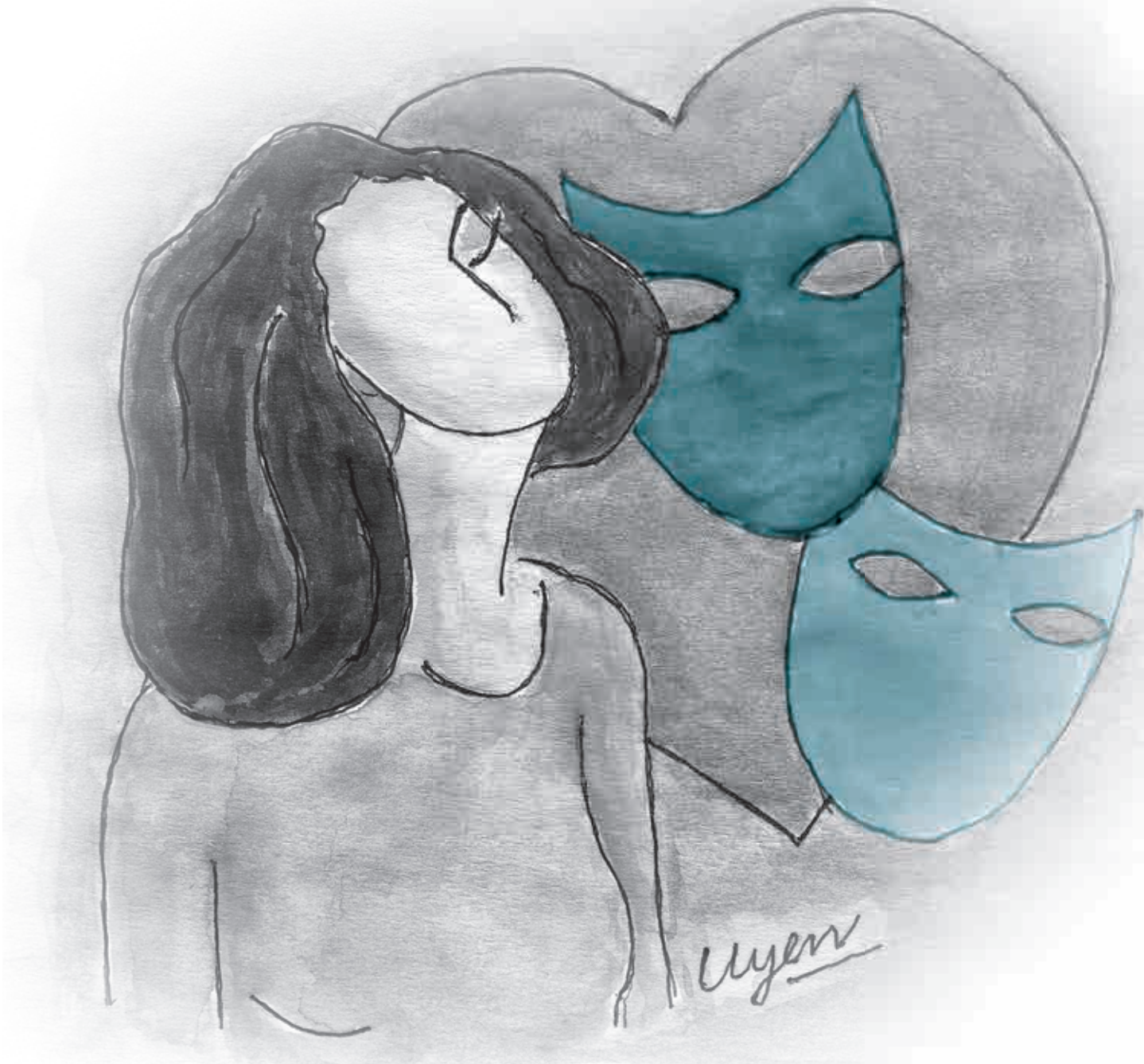
Khi đất trời còn nhá nhem sáng tối, chiếc đồng hồ báo thức hình con thỏ ngồi thu lu trên đầu giường Quang đã réo vang. Cậu ta lật đật thức giấc, làm một cuộc xe ôm miễn phí đưa nàng tới trường. Lắm hôm cuộn mình trong chăn, nhìn bạn ra đi trong gió mưa tê tái, tôi vừa ái ngại vừa một lần nữa thấy sức mạnh kinh khủng của ái tình. Quang sớm bộc lộ tư chất người chồng tương lai chu đáo khi thiết kế cho nàng từ ổ cắm điện trên đầu giường đến hàng móc phơi quần áo, từ giá sách đến cái bàn học kê vừa khít trong căn phòng thuê chung chật đến ngộp thở. Sấm dấn từng thứ một, đến cuối năm học thứ hai của Dung, kẻ say tình có tên là Quang đã trang bị cho nàng từ quạt điện đến đèn bàn, từ xe đạp đến cái cassette Walkman nhỏ xíu có ear-phone (ống nghe cắm vào tai) để nghe nhạc và học tiếng Anh. Quang bao luôn cho nàng cả những khoản lệ phí thi lại, tức “tiền ngu” - như lời những kẻ “đứng thứ ba sau quỷ và ma” vẫn nói. Ngoài những lúc đi làm, thời gian còn lại Quang dành trọn cho nàng; tất nhiên thứ Bảy, Chủ nhật là ngày của hai người. Nhưng chàng vẫn rí rí “gặp nhau lần nào cũng vội”, nghe mà thâm. Chưa chi chàng đã lên kế hoạch, vạch từng giai đoạn để tiến tới ngày “đưa nàng về dinh”. Bởi thế khi nghe ai đó buông lời vu vơ “công anh bắt tép nuôi cò...”, Quang liền trợn mắt, đỏ mặt. Tôi thì ngây thơ nghĩ, đôi này hẳn phải dính nhau đến trời gầm cũng không rời ra được.

Ra trường, Dung bay thẳng; nghe nói cô xuôi về phương Nam, tìm được việc làm ở thành phố to nhất nước. Đi qua trường đại học bằng cánh cửa hẹp bởi thường thiếu môn nợ, nợ môn kia nhưng đường vào đời của Dung thênh thang lắm. Chẳng biết với sắc đẹp làm đàn ông mê mẩn, đàn bà ghen ghét có giúp gì để Dung có được quyền nhiều bạn trẻ thèm muốn: để

dàng chọn việc. Cứ thế nàng nhìn lên, đi tới; để mặc bạn tôi ngẩn ngơ, buồn nhớ. Sự cách trở giữa hai người đã góp phần làm tăng doanh thu của ngành bưu chính viễn thông. Hồi đó, máy điện thoại di động chưa phổ biến, trong khi máy điện thoại bàn của xí nghiệp luôn để trong hộp gỗ, có ổ khóa, để gì “dĩ công vi tư” nên Quang đành ra bưu điện. Nói mất tiền nhưng hình như cảm được ống nghe là Quang quên luôn điều đó. Có lần tôi ngồi đợi, nhâm nhi ly cà phê và “bắn” liên hai điếu thuốc, Quang vẫn chưa xong cuộc gọi. Tôi cáu, nhưng nhìn khuôn mặt rạng rỡ của bạn, lại thấy thương. Những lần đi theo Quang sau đó, tôi chẳng phải chờ lâu và cũng không còn thấy bạn hờ hờ đi ra từ bưu điện, bởi chàng không gặp được nàng. Điệp khúc ấy dài dài lặp lại. Qua những người quen làm gần chỗ Dung, Quang kiểm tra “chéo” và tròn mắt nhận ra: nàng đã đổi lòng. Kẻ đánh bại hình ảnh Quang trong tim nàng là một người nước ngoài cùng làm trong liên doanh với Dung. Bạn tôi ngơ ngác buồn, nhuệ khí đàn ông vơi đi thấy rõ. Tụi tôi xúm vào, những mong giúp Quang lấy lại thăng bằng: “Đã tắt lửa lòng thì giải tán, chèo kéo làm gì”; “phải xóa con người vô tình ấy khỏi bộ nhớ ngay!”; “Kẻ không yêu bằng trái tim ấy có đáng để cậu nhớ?!” Quang thu mình, lặng lẽ niềm phong những dữ dội của nỗi đau riêng. Như con chim từng trúng tên, bạn tôi đâm sợ cả làn cây cong và từ đây anh dần mất những thứ không đong đếm được.

* * *

Tuổi ba mươi, chúng tôi lần lượt trao cho nhau thiệp hồng. Đã xa rồi những tháng ngày tự do với dọc ngang muôn nẻo đi về, giờ đây chúng tôi lo vun vén cho tổ ấm của mình. Đã xếp lại trong tâm trí chúng tôi những chiều đá banh đến quên cơm, những tối tụm lại đàn hát thông tâm đến gà gáy, rồi những lần giao lưu, những chuyến picnic; thay vào đó là nỗi lo cơm áo thường ngày. Duy có Quang vẫn kiên trì “độc hành” một cách cố ý. Đàn hát một mình cũng nhạt, càng không thể một mình đá banh, chơi bài, thỉnh thoảng Quang ghé nhà tôi. Thấy Quang ôm thằng bé nhà tôi hôn hít, tôi bảo: “Cưới vợ đi”. Quang nhếch mép: “Rách như người tiền sử, có ma nó ứng?!”. “Nói như cậu, người



nghèo ở ế cả?”. Tôi định chuyển đề tài thì cậu ta tuôn ra một tràng, chất chồng những chuyện tình oái oăm thời mở cửa. Thời nay, theo Quang, sự thổn thức của trái tim gắn liền với tiếng sột soạt của túi tiền. Đấy, một dạo là một Việt kiều, xấu đẹp không cần, già trẻ chẳng sao, các em cứ nhào vô như đi phá kho thóc của Nhật. Giờ thì khối em xếp hàng, nhằm nhằm xây mộng vàng với cả những thằng gù, chột, đui, thọt... miễn chúng là người ngoại quốc. Vì tình yêu chắc? Tôi cắt lời Quang: “Mày bị loạn thị rồi!”. Nhìn Quang cười cười, vẻ khinh bạc, tôi bực: “Đừng nhìn đời méo mó giống thầy bói xem voi thế!”. Bạn tôi mắc chứng bi quan về phái đẹp từ đó. Với vẻ cao ngạo cùng cõi lòng u ám, chẳng biết đến bao giờ Quang mới tìm được bến đậu bình yên cho đời mình?

* * *

Hai năm sau ngày Dung xa bay, Quang lại có người yêu. Như người đang say, kẻ đang yêu không giấu được bao giờ, nhưng lần này Quang có vẻ chừng mực hơn. Chẳng hiểu bằng cách nào mà Hạnh - cô nhân viên của một trường tiểu học nọ đã làm tan băng trong lòng bạn tôi. Nếu trước đây chàng say tình đến quên mình thì lần này chàng nặng về chăm chút cho bản thân. Đầu tiên là cuộc chỉnh trang về y phục. Xưa rồi những bộ đồ “si-đra” với giá hạ bất ngờ, giờ chàng dùng toàn của “đzin”, “đập hộp” hoặc những bộ cánh có số đo chính chủ được thừa từ những tiệm may nổi tiếng trong thành phố. Cả con 81 với kim vàng giọt lệ, một thời làm bao người xuýt xoa mơ ước, giờ Quang cũng định thay. Tôi bảo: “Chỉ tại ống pô bể nên tiếng máy nó pạch pạch như xe công nông nhưng mỏng má lại, dùng tốt”. Quang lắc đầu. “Thế cậu định mua xe gì?”. “Tất nhiên là phiu-chờ”.



Tôi ngó người, hỏi dồn, tâm điểm vẫn là khoản “đầu tiên”. Quang cười cười, giọng đầy tự tin: “Đã có cách”. Cách nào để chàng công nhân bậc thấp, mỗi tháng chỉ có việc làm mười lăm ngày, thường xuyên bị quản lý nhà bếp nhắc nhở vì chậm nộp tiền ăn trong bồn chảo xoay ra gần ba chục triệu đồng? Chẳng phải đợi lâu, ngay hôm sau tôi biết cái cách để có tiền của Quang khi anh phó giám đốc xí nghiệp gặp Quang, hỏi: “Cậu định làm gì mà nhờ xí nghiệp bảo lãnh để vay vốn xóa đói giảm nghèo?”. Quang ngó người, mặt nghếch ra, miệng ú ớ. Rồi cậu cũng tìm được lý do khiến người lãnh đạo dễ thông cảm nhất: “Xí nghiệp ít việc, em cũng cần vốn để làm thêm chớ”. Anh phó giám đốc nghiêm khắc cảnh báo: “Trồng cây gì, nuôi con gì thì tùy cậu nhưng nuôi con bồ coi chừng có ngày mất vốn, ngân hàng không để cho yên đâu!”. Thế là khác với chúng tôi, người vay vốn để đóng chuồng nuôi chim cút hoặc gà công nghiệp, kê mở quầy tạp hóa hoặc mua tủ đá bán kem, Quang vay vốn để đầu tư cho “tương lai”. Chẳng rõ khi có thêm những “trang bị” mới, Quang có đẹp lên trong mắt nàng không nhưng tháng tháng anh phải đóng cho ngân hàng mấy trăm ngàn tiền lãi.

Để giải quyết khâu oai, Quang còn nghĩ ra những trò thoát nghe tưởng bịa. Một sáng, tôi loáng thoáng nghe anh trưởng phòng tổ chức cự nự Quang, giọng hơi bức nhưng cố nén lại, ý chừng chỉ muốn gói gọn trong nội bộ hai người. Nắm được một đầu dây, cứ thế tôi lần tới và phát hiện ra câu chuyện bi hài, đáng kể

lại. Số là mỗi lần đi với Hạnh, Quang đều mượn điện thoại di động xịn của anh trưởng phòng tổ chức cầm theo và lắp sim mới vào. Quang “xi-nhan” trước với ai đó, cứ canh me đứng tằm chàng và nàng đang ngồi với nhau thì phôn tới. Tất nhiên chỉ cần nghe tiếng nhạc ò e của máy là đủ nhưng khổ nỗi do chưa quen nên thay vì bấm nút đỏ-từ chối, Quang quỳnh quáng bấm búa xua. Rút kinh nghiệm, những lần sau có tín hiệu gọi tới, Quang tranh thủ lên giọng sếp “chỉ đạo” hơi dài thành ra tốn tiền vô ích. Nhìn mấy cậu trong xí nghiệp diễn lại kiểu cách Quang nghe điện thoại khi bên người yêu, tôi không nhịn được cười, cười nhưng không vui.

Với lý do giới thiệu Hạnh, Quang mời năm chúng tôi, những bạn thân cùng xí nghiệp, đi ăn quán đúng vào ngày Tinh nhân. Cái quán ăn bỗng bênh trên mặt sông ấy đẹp từ những bức thư họa treo tường đến hòn non bộ có tiếng nước róc rách đặt ngay lối vào và đến cả những người phục vụ nữa. Đã mấy lần cạ ly nhưng tôi vẫn chưa có được cảm giác tự nhiên khi nhìn tất cả quanh mình đều lộng lẫy và sang trọng. Với túi tiền teo tóp, tôi chưa một lần đến những nơi như thế. Tất nhiên giá cả cũng phải tương xứng với sự đẹp đẽ và sang trọng. Các bạn đừng cười khi nghe điều này, nếu người ta tính tiền trước, có lẽ tôi chẳng dám đụng đũa vào thức ăn và hẳn sẽ run tay khi nâng ly. Không để ý về e dè của chúng tôi, Quang liền thoảng hết tiếp thức ăn cho mọi người, lại đưa ra lý do để mời uống. Trên đường về, tôi ghé tai Quang, hỏi nhỏ: “Tiền đâu mà cậu xông xênh thế”. Quang gạt đi: “Ồi dào, cứ tẹp nhẹp hoài, các em khinh cho”. Tôi đầu dụ: “Chẳng phải ai cũng khinh sự nghèo khó. Và lại, điều cần cho tình yêu là sự chân thật chứ không phải những ảo ảnh”. Quang im.

Tình yêu của Quang đang trên đà phát triển bỗng khựng lại như chiếc xe lên đèo hồng máy. Lần này chúng tôi chẳng bàn góp được cho Quang bởi cậu ta kín như ruột đá. Nhưng nhìn sắc mặt chỉ hơn người đưa đám là không rơi nước mắt kia, tôi biết ngay chàng và nàng đang có chuyện không vui. Đêm đêm, thay vì cỡi xe lao theo tiếng gọi của trái tim, Quang ôm ghi-ta bập bùng cho đến khi sương giăng mờ trên hàng phượng trước sân xí nghiệp. Rồi đến lúc Quang tự nói ra sau khi đã rào một câu lòng lẻo: “Chỉ nói riêng với cậu thôi đấy”... Chuyện bắt đầu từ khoản vay vốn xóa đói giảm nghèo của Quang dạo nợ, giờ trở thành món nợ khó trả. Qua người bạn làm ở ngân hàng chính sách xã hội thành phố, tình cờ Hạnh biết điều đó. Rồi nàng biết thêm nhiều điều về chàng mà lâu nay nàng chẳng bao giờ ngờ tới. Nàng giận đến độ lánh mặt Quang. Tôi đau hết cả người khi đọc mấy dòng cuối trong bức thư dài nàng viết cho Quang: “Em nghĩ, hành trang của tình yêu không thể có những thứ nguy tạo. Em yêu anh đâu phải vì vẻ hào nhoáng bên ngoài, bởi vậy em xót xa khi cảm thấy chính mình bị xúc phạm... Sao anh lại ít bản lĩnh thế, Quang ơi!?”. ■



Mở rộng vòng tay

PHẠM TRUNG HIỀN

Trở lại Sài Gòn năm nay, tôi may mắn có dịp hòa vào một sinh hoạt tập thể hết sức thú vị với những người chủ trương và thực hiện Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* thuộc Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Nhận lời mời từ một người bạn là biên tập viên của tạp chí, sau 5g30 sáng thứ Sáu, ngày 17-2-2012 tôi đã đứng trước trụ sở của tờ báo đặt ở số 294 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 3, TP.HCM. Tập trung trên lễ đường đã có mặt hầu hết những người tham gia cuộc du ngoạn ba ngày lưu trú tại Khu du lịch sinh thái Hương Sen Tuệ Uyển nằm trong vùng rừng núi Madagouil, xã Dam'ri, huyện DaHuoi, tỉnh Lâm Đồng; họ là nhân viên tòa soạn cùng người thân; một vài người cũng được mời tham dự như tôi. Người bạn đưa tôi đến chào vị trưởng đoàn là cư sĩ Trần Tuấn Mẫn, Phó Tổng Biên tập Thường trực của tạp chí, người mà tôi đã được gặp đôi lần. Trong lúc chờ xuất phát, tôi còn được gặp các vị cộng tác viên và thân hữu của tờ báo. Giới thiệu

tôi với một vị tu sĩ lớn tuổi, người bạn cho biết thầy là một cộng tác viên thân thiết có bút danh Nguyễn Thế Đăng. Đọc bài của thầy từ lâu, nay được gặp thật là hạnh ngộ. Một vị khác là Giáo sư Vũ Thế Ngọc từ Hoa Kỳ trở về; lát sau có thêm một vị tu sĩ ở độ tuổi trung niên được giới thiệu là Thượng tọa Thích Phước Đạt, giảng sư Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM. Cùng có mặt trong chuyến đi, tôi được giới thiệu với các vị thân hữu khác của tạp chí: ông Võ Ngọc Khôi vừa từ Canada về, ông Nguyễn Trung Thành, ông Huỳnh Văn Lộc, và bà Nguyễn Thị Thanh Tân là các doanh nhân trong nước. Đúng sáu giờ, mọi người đã có mặt đầy đủ, chúng tôi lên xe và xe bắt đầu lăn bánh. Tôi nhận ra cả đoàn có khoảng 40 người, trong đó có những em nhỏ chừng bốn năm tuổi đi theo cha mẹ. Cư sĩ trưởng đoàn chào tất cả mọi người trên xe và nói qua ý nghĩa của chuyến đi: nhằm tạo một chút thư giãn cho tất cả nhân viên tòa báo đã sáu năm qua miệt mài làm việc, nhằm nâng cao tinh thần phục vụ độc giả khi tờ báo



bước vào năm hoạt động thứ tám, và nhằm thắt chặt tình thân với các cộng tác viên và thân hữu vẫn luôn đóng góp công sức và dõi theo từng bước phát triển của tạp chí. Ngồi trên xe bên cạnh người bạn biên tập viên, tôi nhanh chóng thâm nhập những chi tiết hoạt động của tạp chí, cảm thấy một sự thân thiết và tin cậy vừa nảy nở khiến tôi hoàn toàn hòa mình vào với sinh hoạt của đoàn.

Xe đến Khu du lịch Hương Sen Tuệ Uyển là đã gần 12 giờ. Đặt chân xuống mặt đất, tôi cảm nhận ngay một không khí trong lành, mặc dù nhiệt độ nơi đây cũng chẳng thấp hơn nhiệt độ Sài Gòn là bao. Đoàn chúng tôi được chính Giám đốc điều hành Khu du lịch Hương Sen Tuệ Uyển là nhà báo Giang Phong nhiệt tình chào đón. Vì từ bãi đậu xe vào đến nơi tập kết cũng khá xa và đường đi khá quanh co, anh Giang Phong cho gọi nhân viên mang xe gắn máy ra đưa hành lý và người của đoàn chúng tôi vào đại sảnh. Khi đã được chỉ định phòng nghỉ, chúng tôi lại được xe đưa đến tận phòng. Cùng với nhiều khách mời khác, tôi được lưu trú ở khu nhà xây theo kiểu thuộc địa (bungalow) nằm trên đỉnh một ngọn đồi cao nhất khu du lịch, nhìn xuống một thung lũng và đối diện với ngọn núi Lú Mu, nơi được biết là có đặt một biểu tượng linga lớn nhất vùng Đông Nam Á. Ổn định chỗ ở xong, chúng tôi quay lại đại sảnh để dùng cơm trưa theo chương trình.

Đến đại sảnh, chúng tôi phần khởi được biết vị chủ đầu tư của khu du lịch này, doanh nhân Lê Phước Vũ, Chủ tịch Tập đoàn Hoa Sen và cũng là Tổng Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen, cũng đang có mặt. Trong lúc chúng tôi dùng cơm, ông Lê Phước Vũ đến thăm. Chẳng hiểu có biết trước hay không mà vị trưởng đoàn của chúng tôi đã chuẩn bị ngay được một món quà, thay mặt cả đoàn trao tặng ông Chủ tịch Tập đoàn Hoa Sen. Qua đó, tôi được biết, Tập đoàn Hoa Sen đã ủng hộ Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* ngay từ số đầu tiên bằng cách liên tục đăng quảng cáo trên những trang bìa của báo, và cũng có hỗ trợ một phần cho cuộc du ngoạn tập thể này. Cùng đi với ông Lê Phước Vũ, tôi nhận ra nhà thơ Phạm Thiên Thư, tác giả các tập thơ *Đoạn trường vô thanh*, *Động hoa vàng*... một thời làm xôn xao nhiều triệu trái tim.

Buổi chiều, chúng tôi được sinh hoạt tự do và hẹn nhau sau khi dùng cơm tối xong thì khoảng tám giờ sẽ cùng tham dự một cuộc lửa trại do khu du lịch dàn dựng để khoản đãi đoàn.

Thật ngạc nhiên khi biết rằng khu du lịch sinh thái này có diện tích tới gần 500 hecta, một phía được bao bọc bởi một nhánh sông Dam'rê, phía kia là núi rừng trùng điệp. Mặc dù đã có bàn tay con người khai phá, nhưng nhiều nét hoang sơ còn được giữ nguyên với suối, ghềnh, thác nước và thảm thực vật tự nhiên mang

lại một vẻ quyến rũ đặc biệt. Phía gần nhánh sông Dam'rê, những căn nhà sàn có phong cách kiến trúc của các tộc người thiểu số nhưng được trang bị đầy đủ tiện nghi hiện đại đã tạo cho du khách nhiều bất ngờ. Gian đại sảnh không rộng lắm nhưng có một tầng gác có thể chứa khoảng gần một trăm người tham gia sinh hoạt tập thể cũng là một điểm nhấn của nơi này.

Khoảng hơn 3g chiều, trời bỗng đổ mưa và cơn mưa kéo dài từng chập đến tận hơn 7g. Vì thế, sau khi ăn cơm chiều xong, thay vì đốt lửa trại, được hẹn lại sẽ diễn ra vào đêm kế tiếp nếu trời không mưa, chúng tôi tập trung lên tầng gác của đại sảnh dự một cuộc sinh hoạt chung. Tình cờ, ngày này lại là sinh nhật của một thành viên tạp chí, và tạp chí vẫn có tục lệ tổ chức một buổi tiệc sinh nhật đơn sơ cho nhân viên, nên buổi sinh hoạt hôm ấy cũng có ý nghĩa là một buổi tiệc mừng sinh nhật. Điểm chính của buổi sinh hoạt là việc bắt thăm nhận quà tặng. Có khoảng một chục món quà may mắn mà người trúng thăm buộc phải thực hiện một yêu cầu theo tin nhắn gắn trên món quà trước khi nhận quà. Những yêu cầu dí dỏm đã được thiết kế khiến dù không có ca nhạc mà buổi sinh hoạt cũng thật sự sôi động. Trên hết, tôi cảm nhận được sự chân thành của từng người khi tham dự buổi sinh hoạt hết sức cảm động này, dù ai nhận được yêu cầu đặc biệt đến thế nào cũng cố thực hiện đúng. Thật ra, mọi yêu cầu đều đơn giản, chỉ đòi hỏi một sự hòa nhập. Cũng may là những em nhỏ bốn năm tuổi đều không gặp một yêu cầu nào, nhưng những vị khách lớn tuổi cỡ U.70 cũng vẫn hào hứng tham gia mới là điều đáng nói. Điều thú vị là người bắt được thăm đặc biệt duy nhất lại là Giang Phong, anh được yêu cầu bắt chước động tác của người biểu diễn thời trang và đã thực hiện thành công một cách thật duyên dáng. Chúng tôi chia tay nhau lúc đã gần 10g đêm. Đêm Tây Nguyên thật yên bình.

Buổi sáng Tây Nguyên sương mù tỏa khắp không gian, nhưng cũng chỉ hơn bảy giờ thì sương tan. Sau khi dùng điểm tâm, chúng tôi chuẩn bị lên xe ra Bảo Lộc thăm chùa Phước Huệ, dùng cơm trưa ở chùa Phước Huệ rồi đi thăm tu viện Bát Nhã và thác Dam'ri. Chùa Phước Huệ là một danh lam vùng Bảo Lộc. Chúng tôi rất may mắn được Hòa thượng Thích Thái Thuận, viện chủ chùa Phước Huệ, nhiệt tình tiếp đãi. Sự ân cần thể hiện lòng từ bi của bậc chân tu khiến tôi cảm thấy bịn rịn lúc rời chùa. Xe dừng ngang tu viện Bát Nhã để mọi người vào tham quan và chiêm bái. Đám trẻ nghe tin được đi thăm thác Dam'ri lộ rõ vẻ phấn khởi. Tuy nhiên, đã tốn tiền mua vé vào cổng mà lại phải tốn thêm tiền mua vé thang máy lên xuống thăm thác thì quả thật chẳng thế nào nơi này níu được chân du khách.

Rời thác Dam'ri, chúng tôi trở về Hương Sen Tuệ Uyển. Sau bữa cơm chiều, anh Giang Phong hẹn chúng tôi đúng 8g tối có mặt ở khu cắm trại. Ngay giữa khoảng

đất trống, một đồng củi khô đã được chất cao chờ nổi lửa. Sau cả ngày hầu như liên tục di chuyển, nhiều người cảm thấy mệt, nhưng khi được nhả lửa trại sắp nổi, hầu hết các thành viên của đoàn đều tập trung về khu cắm trại. Mọi người vừa yên vị theo một vòng cung quanh đồng củi thì đèn điện vụt tắt, anh Giang Phong mời trưởng đoàn ra khỏi vòng để hội ý. Chỉ một lát sau, một vị "tù trưởng" ăn mặc theo lối tộc người thiểu số cầm một cây đuốc cháy phừng phừng tiến đến đồng củi châm vào, lửa trại bùng lên với tiếng reo của cả đoàn. Tiếc rằng, toàn đoàn chỉ có 40 người lại đủ cả nam phụ lão ấu nên tiếng reo không đủ vang động núi rừng. Ngay trước đồng lửa, ba ché rượu cần đã được sắp sẵn. Lửa vừa bùng lên và khi tiếng reo lắng xuống, vị tù trưởng, chính là người trưởng đoàn, lại được mời khai hũ rượu cần. Ông ra hiệu cho chúng tôi cùng ông tiến lên ném rượu. Tiếng reo lại vang lên... Có tiếng tù và cùng với tiếng đàn ghi-ta, nhưng thiếu tiếng chiêng tiếng trống. Mặc, có hơi nóng của lửa và men nồng của rượu cần, chúng tôi cũng bắt đầu cất tiếng; những giọng ca không chuyên, những giọng ngâm thơ thiếu điêu luyện, những lời kể chuyện không hùng tráng, những điệu nhảy không bốc lửa... nhưng vẫn chứa đầy nhiệt tình khiến đêm lửa trại diễn ra hết sức ấn tượng. Cũng mãi hơn 10g đêm, sau khi châm thêm củi nhiều lần mà đồng lửa cũng đã tàn, mọi người mới kéo nhau trở lại phòng ngủ của mình trong nỗi luyến tiếc...

Về phương diện tâm lý, những sinh hoạt tập thể trong một môi trường khác biệt với cuộc sống thường nhật, nếu được tổ chức một cách khéo léo, luôn có tác dụng gắn kết tình cảm của mọi thành viên trong một cộng đồng. Điều này rất đúng đối với cuộc du ngoạn mà tôi vừa được tham dự. Tôi đã nhanh chóng kết thân với rất nhiều người trong đoàn. Bên cạnh những vị khách mời cùng lưu trú ở khu đồi đều lịch lãm uyên bác khoan dung từ ái mà tôi học được từ chư vị rất nhiều trong mấy ngày tiếp xúc, tôi đã nhận ra toàn thể nhân sự của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo, chẳng có bao nhiêu người: hai vị Ni hiển từ, bốn người phụ nữ trẻ đảm đang, một cậu thanh niên nhiệt tình, một người họa sĩ ở độ trung niên có tật ở chân vì bị sốt tê liệt từ lúc nhỏ, sau cùng là hai người ở lứa U.70 cùng với vị trưởng đoàn đã quá tuổi tri thiên mệnh. Được biết cũng có vài ba vị vì duyên sự không thể có mặt. Trong cuộc du ngoạn này họ là đối tượng chính thụ hưởng, thế nhưng tất cả đã nhiệt tình dành mọi ưu tiên cho chúng tôi, những người khách được mời. Đúng như tôi đã được nghe nói, *mọi buồn vui của Văn Hóa Phật Giáo đều có liên quan đến buồn vui của độc giả*... Tôi tin rằng với tinh thần ấy, những lời chúc mừng của độc giả muôn phương nhân ngày Văn Hóa Phật Giáo tròn bảy tuổi được đăng trên VHPG số 146 sẽ là những điều hiện thực. ■

Lời cảm ơn cuộc sống

T rước Tết Nhâm Thìn 2012, khi đến thăm nhà người em ở Hóc Môn, tôi tình cờ chứng kiến cảnh dọn dẹp vệ sinh ở một khu phố được tiến hành có kế hoạch, khá bài bản. Hôm ấy có lẽ Đoàn Thanh niên khu phố được phân công làm vệ sinh, vì tôi thấy các thành viên công tác đều mặc đồng phục màu xanh; và điều đáng nói là các bạn thanh niên này đã làm việc với tinh thần có nghiên cứu, sáng tạo. Họ chia thành nhiều tốp người có những nhiệm vụ khác nhau. Một tốp đi trước, mỗi người mang một cái bình loại bình xịt thuốc trừ sâu hướng vòi phun vào vệ đường để tưới ẩm lề đường, ngăn không cho tung bụi khi quét. Một tốp đi sau dùng chổi quét sạch phần vệ đường mà tốp mình phụ trách, đất cát rác rưởi được gom vào thành từng đống bên lề đường. Một tốp khác nữa dùng xẻng xúc vào ki-rô đem đi đổ ở một chỗ tập trung, có lẽ chờ xe rác đến hút. Toàn bộ khúc đường được dọn dẹp sạch sẽ mà không hề có cảnh bụi tung mù mịt như tôi vẫn thường thấy. Mặc dù việc dùng bình xịt thuốc trừ sâu tưới lề đường trước khi quét thì năng suất có phần chưa được cao, nhưng ít ra đó cũng là một hình thức sáng tạo đáng trân trọng và thực sự có hiệu quả trong việc ngăn bụi. Tôi xin được ngỏ lời cảm ơn các bạn thanh niên dọn dẹp vệ sinh khu phố hôm ấy, và đặc biệt, tôi muốn gửi đến ai đã có sáng kiến tổ chức một kế hoạch dọn dẹp vệ sinh như thế một lời cảm ơn của riêng mình; mong rằng cuộc sống nói chung sẽ tiếp tục có những sáng kiến mới để mang lại năng suất cao hơn.

Trần Văn Tạo, quận Gò Vấp, TP.HCM

C hủ nhật vừa rồi tôi dắt đứa cháu nội trai được hơn bốn tuổi vào công viên. Đến một chỗ khuất, tôi thấy có một cái ghế đá trên đó có một cô gái đang ngồi chăm chú, hình như đang làm một phác thảo tranh nào đó, vì trước mặt cô gái là một giá vẽ, bên cạnh có túi đựng và một khay pha màu.

Đứa cháu của tôi đã biết sử dụng bút chì màu; trông thấy thế, thằng bé lúi tay tôi chạy đến chỗ cô gái. Tôn trọng sự riêng tư của người lạ, tôi đỡ cháu đi chỗ khác chơi nhưng thằng bé không chịu, còn giằng cõ. Bấy giờ cô gái quay đầu lại, thấy thằng bé muốn đến gần, cô ấy đưa tay lên xem đồng hồ rồi bảo, “Cô cứ cho bé lại đây chơi với cháu”.

Nghe được câu ấy, cháu tôi vội giật tay ra khỏi tay bà, chạy lại chỗ cô gái. Cô gái từ tốn tháo tám giấy croquis trên giá ra, xếp vào sơ-mi rồi bỏ cả vào túi đựng; sau đó, cô ấy lấy ra hai tờ giấy pelure fort mới, một chiếc cọ vẽ đã cùn, và bốn cái nắp chai loại nắp chai nước khoáng rồi nặn vào mỗi cái nắp chai một chút màu nước xanh đỏ trắng vàng. Cô bảo thằng bé, “Cháu ngồi đây tô màu nhé. Có đến giờ phải đi rồi”. Cô đặt hai tờ giấy pelure lên mặt ghế đá, giao chiếc cọ vẽ đã cùn cho thằng bé, rồi thu xếp đồ đạc, chào tôi và bỏ đi, trước khi đi hẳn cô còn nói với lại, “Cháu có việc, đến giờ phải đi, cô cứ cho bé chơi với màu nhé!”. Còn lại tôi với đứa cháu.

Thằng bé thấy có đủ giấy, màu, và cọ, nó loay hoay với đồng “đồ chơi” của nó suốt cả hơn một giờ đồng hồ. Tôi chỉ phải ngồi bên cạnh nó trông chừng. Gần mười giờ, sau khi nó đã tô màu kín cả hai mặt của hai tờ giấy, nó mới quay ra đòi tôi dẫn về.

Tôi xếp tất cả những thứ “đồ chơi” của nó vào một cái bao nylon cầm sẵn theo để mang về nhà.

Trên đường dẫn cháu về, tôi ngắm nghĩ và thấy cô gái thật dễ thương. Xin cảm ơn cô đã cho bà cháu tôi một buổi sáng Chủ nhật thú vị và một gợi ý cho việc giữ cháu trong ngày Chủ nhật kế tiếp.

Lê Thị Bích Liên, thị trấn Diên Khánh tỉnh Khánh Hòa



Bệnh tim

triệu chứng & đề phòng

Theo thống kê của Tổ chức Y tế Thế giới thì bệnh tim mạch là một trong những nguyên nhân gây tử vong cao nhất. Tuy nhiên, bệnh có thể được phòng ngừa cũng như hạn chế nguy cơ tử vong nếu chúng ta có ý thức phát hiện và điều trị sớm.

A. TRIỆU CHỨNG:

1) Ủ tai có thể liên quan đến tim:

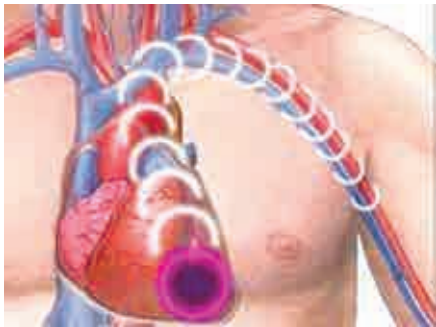
Các nghiên cứu mới nhất gần đây cho thấy, những người trên 55 tuổi mà đột nhiên thấy tai bị ù, thì thường là biểu hiện của bệnh động mạch vành (ĐMV) và tim mạch. ù tai, thính lực giảm sút hoặc tai điếc thường là một trong những biểu hiện của bệnh xơ vữa động mạch, ĐMV hoặc thiếu máu não tạm thời.

2) Tóc rụng phải đề phòng bệnh tim:

Đàn ông trong độ tuổi 21 - 55, nếu đỉnh đầu bị hói nặng, khả năng mắc bệnh tim cao gấp 3 lần so với người bình thường.

3) Đau vai tay trái cần kiểm tra điện tâm đồ ngay:

Hiện tượng đau vai trái có thể do bệnh tim gây ra. Bởi thần kinh cảm giác đau vai và đau tim hầu như cùng đi vào cột sống ở cùng một nơi.



Đau tim lan sang vai trái

4) Người từ tuổi trung niên đau bụng vùng thượng vị cần cảnh giác đau do tim:

Đau bụng vùng thượng vị cấp tính thường là biểu hiện đầu tiên của hoại tử cơ tim, hay xuất hiện sau khi ăn no, nhất là sau khi ăn loại thức ăn lượng mỡ cao. Điều này liên quan đến việc sau khi ăn, máu đặc hơn, lưu lượng máu chảy giảm, tiêu cầu để tập trung lại gây tắc nghẽn ĐMV và làm trương lực của thần kinh dạ dày, ruột tăng lên. Trong lâm sàng, ngoài đau bụng vùng thượng vị ra, thường kèm theo buồn nôn, nôn ọe, chướng bụng, đi lỏng, tức ngực, đau ngực, ra nhiều mồ hôi... Cần cho làm điện tâm đồ ngay để cấp cứu kịp thời.

5) Viêm khớp ngón tay cần chú ý bảo vệ tim:

Các nhà khoa học phát hiện, viêm khớp ngón tay có thể là biểu hiện sớm đối với những người đàn ông chết vì bệnh tim, cũng là một trong những tín hiệu cảnh báo phụ nữ chết sớm. Công trình nghiên cứu này của các nhà khoa học Phần Lan cho rằng, người già và người béo phì mắc viêm khớp nhiều hơn.

6) Cẩn thận khi nửa đêm ho nhiều:

Đó chính là một tín hiệu suy kiệt chức năng tim. Lâm sàng gọi đây là "hô hấp khó khăn bột phát". Cần phải đi kiểm tra ngay.

7) Phụ nữ ngủ ngáy cần cảnh giác với bệnh tim:

Những người ở trạng thái ngủ ngáy, hút thuốc, uống rượu, làm ca đêm nhiều thì nguy cơ mắc bệnh tim cao hơn người tỉnh thoảng mới ngáy tới 20%.

8) Nắc liên tục cần đề phòng cơ tim hoại tử:

Nắc phần lớn là do dạ dày bị lạnh, viêm dạ dày và cơ hoành cách gây nên, ngoài ra thì trúng phong cũng hay bị nắc. Nhưng cũng có khi nắc lại do hoại tử cơ tim gây ra cần phải làm điện tim và kiểm tra ngay lập tức.

B. ĐỀ PHÒNG :

1) Suy tim cấp tính – Chớ coi nhẹ:

Suy tim cấp tính là chỉ những người chức năng tim không toàn vẹn nhưng triệu chứng lại không điển hình. Có thể biểu hiện: Ngủ đêm phải kê cao gối mới thấy thoải mái, khi nằm giữa bị ho, thở dốc; khi ngủ hay bị ngạt phải tỉnh dậy ngồi một lúc mới khỏi...

2) Người bị bệnh tim không nên ngủ quá nhiều:

Các chuyên gia y học Mỹ đã điều trị 80 vạn người trong độ tuổi từ 40 – 80, kết quả cho thấy, những người bị bệnh tim mà ngủ 10 giờ một ngày thì tỷ lệ tử vong gấp 2 lần người chỉ ngủ 7 giờ/ngày, tỷ lệ này ở người trúng phong là 35 lần. Do vậy, người có tuổi không nên ngủ nhiều, đề phòng bất trắc.



Cơn đau thắt ngực do stress.

3) Nhiễm khuẩn răng miệng dễ gây hoại tử cơ tim:

Qua phân tích thấy rằng, ở vùng răng bị bệnh có rất nhiều khuẩn hình que và liên cầu khuẩn. Các loại khuẩn này nảy sinh ra độc tố và xâm nhập vào máu, tới một mức độ nào đó, chất độc sẽ gây nghẽn mạch và các động mạch nhỏ bị co thắt; nếu ĐMV của tim bị liên lụy sẽ gây nghẽn mạch làm cơ tim hoại tử...

4) Không nên hút thuốc:

Người hút thuốc cần khám sức khỏe định kỳ và làm điện tâm đồ, nếu có thiếu máu cơ tim cần điều trị ngay.

5) Không nên chủ quan khi trời mưa lạnh:

Bị mưa đột ngột dễ dẫn tới bệnh ĐMV. Nếu đột ngột bị mưa, nhiệt độ trong và ngoài cơ thể sẽ chênh lệch nhau, tim không chịu nổi những ảnh hưởng đó của môi trường, dễ gây ra bệnh ĐMV, nhất là ở người già.

6) Sau khi gãy xương, cần thận phòng mắc bệnh tim:

Người già sau khi gãy xương dễ bị mắc bệnh tim mạch và là nguyên nhân quan trọng gây tử vong khi diễn biến xấu đi. Đó là do xương gãy gây đau đớn làm thần kinh giao cảm hưng phấn, làm tăng huyết áp, nghiêm trọng hơn có thể gây xuất huyết não. Vì vậy, khi bị gãy xương, cần phải theo dõi huyết áp, nhịp tim.

7) Không dùng quần áo bằng sợi hóa học:

Người bị bệnh tim mạch cần chú ý đến hiện tượng tĩnh điện. Mặc đồ lót bằng sợi hoá học làm da bị tĩnh điện gây ra chênh lệch điện áp, ảnh hưởng tới sự truyền dẫn của điện tim, dẫn tới nhịp tim thất thường. Cần phải mặc đồ lót bằng sợi bông để tránh hiện tượng trên.

8) Tránh căng thẳng trong công việc:

Phần lớn bệnh tim là do áp lực về tâm lý (stress). Cần tránh trạng thái quá căng thẳng, lo lắng và mệt mỏi, hệ thống thần kinh thực vật xuất hiện những phản ứng mang tính điều tiết như tim đập nhanh hơn, vã mồ hôi, người run lên, tâm thần bất ổn, mất ngủ... Các stress đều dễ trực tiếp tạo nên các biến chứng nặng nề của bệnh xơ vữa động mạch (như cơn đau tim) dạng nhồi máu cơ tim hoặc dạng cơn đau thắt ngực.

9) Không nên ngồi lâu không

hoạt động:

Hội Tim mạch Mỹ cho rằng, ít vận động là nguyên nhân chủ yếu gây bệnh tim. Hoạt động thích hợp có rất nhiều cách, ví dụ như tham gia làm vườn, làm việc nhà, đi bộ, đạp xe chậm... là những hoạt động không quá mạnh, làm thường xuyên sẽ góp phần phòng bệnh tim rất tốt. Một ngày đi bộ hoặc hoạt động nhẹ nhàng khoảng 60 phút, hoặc ít nhất cách ngày một lần cũng sẽ rất có ích trong phòng chống bệnh tim mạch. Lời khuyên mọi người "Vận động là sự sống".

Tham gia chuyên đề : Nguyễn Bồng, Nguyễn Duy Minh và sự tài trợ của



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

03 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 08.3943.5898-0906.362362

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"

BS.Nguyễn Văn Kiềm
Nguyễn Vinh *tổng hợp*
từ WWW.CAMNANGYKHOA.VN

Về thăm chùa Pháp Tịnh

Ngậm ngùi chùa xưa

ĐAN TÂM

C hính vì nghịch duyên trong công việc mà tôi có duyên đến với Phật pháp. Năm xưa, khi em đến cơ quan xin việc mà bị lãnh đạo từ chối, tôi cảm thấy áy náy. Nhân lúc phòng tôi cũng thiếu người, tôi đã báo lãnh để em được vào làm việc dưới sự dẫn dắt của tôi. Từ một nhân viên, dần dần tôi đưa em lên làm trợ lý khi đã thành thạo mọi công việc. Khi tôi bị đột quy vì làm việc quá sức, cũng tôi đề nghị em thay tôi điều hành hoạt động của phòng. Đến khi lành bệnh trở lại cơ quan, tôi thật sự choáng váng khi được lãnh đạo mời lên để đối chất với em trước những điều tố giác mang tính vu khống. Tất nhiên sự thật vẫn là sự thật, cuối cùng lãnh đạo cơ quan cũng đề nghị tôi bỏ qua và bố trí tôi trở lại với chức vụ cũ. Dù sao tôi cũng cảm thấy bị tổn thương, vì thái độ tranh giành chức vụ của em, vì cung cách hành xử của cơ quan. Tôi làm đơn xin nghỉ việc.

Trong thời gian chưa tìm được một công việc khác ưng ý, tôi thường đến viếng các cảnh chùa để tìm lại sự thanh thản của tâm hồn. Từ chùa gần đến chùa xa, tôi vào chiêm bái, lễ lạy nhưng chẳng mấy khi dừng chân lâu. Một buổi trưa hè oi ả lang thang trong vùng Bình Chánh, tôi định bụng tìm một nơi tránh nắng thì thấy trên con đường Nguyễn Cửu Phú có một ngôi chùa. Về đơn sơ mộc mạc của mái già lam khiến lòng tôi thấy thanh thản lạ. Dừng xe bước vào chùa xin được tham quan và lễ Phật, tôi tình cờ gặp ngay vị trụ trì. Sư cụ dặn tôi sau khi vào chánh điện lễ Phật xong thì ra hậu liêu trò chuyện. Tự nhiên tôi cảm thấy có được sự khuyến khích nên đã nghe lời Sư cụ.

Bên tách trà xanh, với nụ cười đôn hậu và thái độ niềm nở, Sư cụ đã nhẹ nhàng gợi chuyện để tôi trải lòng ra. Thế rồi, như người cha đón đứa con từ xa trở về, Sư cụ giảng giải cho tôi chuyện đời chuyện đạo. Những lời lẽ thấu tình đạt lý của Sư cụ đã làm tôi thực sự có niềm tin nơi Tam bảo. Tôi xin phép Sư cụ cho tôi được thường xuyên đến hầu chuyện. Ngài hiền lành trả lời, *"Cổng chùa bao giờ cũng rộng mở, người có duyên thì luôn tìm thấy con đường"*.

Từ đó, mỗi sáng Chủ nhật tôi đều dành thời gian trở lại mái chùa, và tôi

được biết ngôi chùa này vốn là một ngôi chùa của gia đình. Vào năm 1972, sau khi đã thành công trong cuộc sống thì cụ ông Nguyễn Văn Năm cảm thấy cần tìm một sự an lạc của tâm hồn. Vốn sinh trưởng trong một gia đình theo đạo Phật, cụ tìm đến ấp 4, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, tại tỉnh Gia Định chọn một khu đất xây cảnh chùa rồi xuống tóc tu tập. Với tư cách trung niên xuất gia, cụ cũng được thọ giới và có pháp danh là Thích Thiện Huệ. Ngôi chùa được đặt tên là Pháp Tịnh. Dòng Pháp được luân lưu nơi đồng chua nước mặn dân cư thưa thớt này. Bà con đến chùa nghe pháp và tu học ngày càng đông.

Bằng đi một thời gian, sau khi tìm được công việc ưng ý, tôi lại lao vào công việc, thường xuyên phải đi công tác xa, không có dịp đến chùa hàng tuần như trước. Nhân ngày xuân mới Nhâm Thìn, nhớ đến Sư cụ Thích Thiện Huệ, tôi hăm hở trở về chùa Pháp Tịnh. Đến nơi tôi thật ngỡ ngàng. Cảnh cũ người xưa không còn thanh tịnh như trước. Thay vào đấy, ngay ở bàn tri khách, tôi thấy nhộn nhịp những khách thập phương đến ghi tên xin cúng sao giải hạn; đặc biệt là người xin cúng sao nếu nặng phải có hình nhân thể mạng bằng hàng mã, có sẵn trong chùa (với giá cũ 480.000 đồng một bộ), đến nay 2012 mỗi hình nộm như thế này là giá một triệu đồng. Được biết từ 2008 đến 2012, mỗi năm vào ngày mùng 1 tháng Giêng đến ngày 18 tháng Giêng đều có

tệ nạn này. Bước vào phía trong chùa, cả một dãy hàng mã xếp dọc dài như kho chứa. Hỏi thăm Sư cụ trụ trì, chẳng ai cho biết ngài đang hạ lạc nơi đâu. Ô hay, chốn thanh tu của Sư cụ Thiện Huệ ngày xưa, nơi đã gợi cho tôi niềm tin Tam bảo, nay lại như thế này sao? Linh tính báo cho tôi biết, đã có chuyện gì không hay xảy ra với ngôi chùa Pháp Tịnh thân thương của tôi xưa.

Là Phật tử, tôi đã được dạy rằng cứ gieo nhân nào thì gặt quả nấy. Tu nhân tích đức kết tạo duyên lành, thì trở quả ngọt còn ngược lại thì tất yếu phải chấp nhận quả ác. Người chết, thần thức còn tùy theo nghiệp quả mà thác sanh trong sáu nẻo luân hồi. Do đó, muốn cầu an, giải nạn, tạo phước điền cho người sống và cầu siêu cho người thân quá vãng, người ta phải biết làm việc từ thiện, tụng kinh, niệm Phật, phóng sanh, nếu khả năng tài chính có được ta nên ấn tống kinh sách, tài thí xây chùa, tạo tượng, đúc chuông... Chứ đốt vàng mã hình nhân thể mạng thì có ích lợi chi đâu. Đây chỉ là một hình thức tà giáo, mê tín dị đoan làm hoen ố chốn thiền môn.

Nhìn cảnh tượng chùa Pháp Tịnh ngày nay mà lòng tôi ngậm ngùi. Trong lúc giáo pháp của Đức Phật đang được hiển dương hầu góp phần xây dựng xã hội hiền thiện, chẳng hiểu vì sao mà chốn già lam thanh tịnh ngày xưa bỗng chốc trở thành nơi gieo rắc mê tín? Tôi chẳng biết đem nỗi niềm này kể lể với ai để lấy lại niềm tin nơi Tăng bảo!



Ảnh chụp ngày 06/2/2012

NHÂN NGÀY VIA ĐỨC BỒ TÁT QUẢN THÈ AM

(9:02 AM HCH - (11.03.2012))



Nuôi lớn mầm yêu thương
Nourish compassion

Viet Chay®



Tri Ân

& giới thiệu địa chỉ mới

ĐỂ BIẾT THÊM THÔNG TIN

XIN VUI LÒNG LIÊN HỆ: ĐỨC ANH (ĐT: 0989 601 626)



**Thật bất ngờ!
Thật mới lạ!
Thật đáng tin!**

SỐNG KHỎE VÔ BỆNH KHÔNG DÙNG THUỐC

Sách và đĩa ca nhạc Rừng Tiên.
Nói về Nguồn Phúc Chân Thiện Mỹ.
Nó tác dụng trị hết bệnh đau.
Phát huy tinh thần thân thương nhau.
Văn minh cao thượng vì mọi người.
Cùng nhau chung hưởng an vui cuộc đời.



Sách và đĩa có bán tại tiệm đàn
Số 34A đường Phan Đăng Lưu, P.6, Q.Bình Thạnh
TP. Hồ Chí Minh, ĐT: 38031421 - 35108164

Khu ẩm thực chay sân vườn

Thiên Ý

- ❑ Phục vụ các món ăn thuần chay ngon lạ, hấp dẫn
- ❑ Thú Bày & Chủ nhật hàng tuần có món bánh xèo rau rừng, bánh canh Tráng Bàng
- ❑ Buffet ngày Rằm và Mừng Một hàng tháng từ 10 giờ sáng đến 22 giờ

Đặc biệt có chương trình hòa tấu nhạc cụ dân tộc (từ 18h – 21h)

Nhận đặt tiệc

- Liên hoan – Sinh nhật – Hội nghị và phục vụ đón tận nơi theo yêu cầu
- Sân vườn thoáng mát, phong cảnh đẹp, không khí thiên nhiên trong lành, thanh tịnh

Diện tích lớn, bãi đậu xe ô tô thuận tiện tổ chức các buổi hội nghị lớn

PHÒNG PHÁT HÀNH VHP PHẬT GIÁO HƯƠNG SEN

- ❖ Phục vụ các ấn phẩm Phật giáo: Kinh sách, băng đĩa, pháp phục, vật dụng thờ cúng, tranh tượng Phật, v.v.
- ❖ Đặc biệt: **TRANG SỨC TÂM LINH** (trang sức vàng bạc có khắc cầu thần chú của Bồ-tát Quán Thế Âm Om Mani Padme Hum)

36 Trần Quý Cáp, P.11, Q.Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 08.3516.7475 - 0913916036

QUÁN CHAY



*Nơi thưởng thức ẩm thực chay
tốt sức khỏe, nhẹ tinh thần*

17/4 Nguyễn Huy Tường, Phường 6, Bình Thạnh, TP.HCM
website: www.phapuyen.com, email: lienhe@phapuyen.com
QUÁN CHAY PHÁP UYỂN - ĐT. 35.035.579



Công ty TNHH SX-TM
QUANG NGHỆ
QUANG NGHỆ CO., LTD.
MÉN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- ❑ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu paraffin, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- ❑ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com



Ngọc Bích-Nephrite

Website: www.ngocbich-nephrite.com

Quý khách có nhu cầu thỉnh tượng Phật và Bồ tát bằng ngọc bích và ngọc trắng Miến Điện (cửa hàng sẽ có giá ưu đãi)

Nơi chuyên cung cấp nhiều loại mẫu mã, kiểu dáng đẹp về trang sức bằng ngọc bích và các tôn tượng ngọc trắng Miến Điện

- Cửa hàng 1: 10 Khu B, Trường Sơn, P.15, Q.10 - ĐT: (08) 3970.5471 - 39700354
- Cửa hàng 2: 359 Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q.3 - ĐT: (08) 5404.3752
- Cửa hàng 3: 237 Ông Ích Khiêm, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng - ĐT: (0511) 3692.799
- Cửa hàng 4: Siêu thị Hoàng Lan, 615 - 616 QL 1A, Trảng Bom, Đồng Nai



Hương Thiên

Nhà hàng chay Thái Lan

- Thức ăn chay phong phú
- Không sử dụng bột ngọt, không hòa chất độc hại
- Nhận tổ chức tiệc chay theo yêu cầu...

ĐC: B10 Trường Sơn, P.15, Quận 10
Tel: (08) 3970.5471 - (08) 3970.0354

Web: www.huongthien.net
Email: info@huongthien.net

❑ **Quý độc giả có nhu cầu QUẢNG CÁO**

○ Xin vui lòng liên hệ: **Cô Thu Sương**

○ **ĐTĐD: 0918 032 040**

✉ Email: thusuong69@gmail.com

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

THƯ CẢM ƠN

Thay mặt những người đang dốc lòng thực hiện www.goccuocsong.vn, Ban Biên tập xin gửi lời cảm ơn đến bạn đọc cũng như những Nhà Tài Trợ đã dành thời gian và tiền bạc cùng nhiều lời góp ý chân thành gửi tới www.goccuocsong.vn.

Chúng Tôi đang cố gắng tiếp tục đầu tư và đổi mới nhiều hơn nữa để ngày một hay hơn, hoàn chỉnh hơn, đem đến cho các bạn thêm nhiều kiến thức, thông tin bổ ích cho cuộc sống.

Hiện có rất nhiều thư và ý kiến bạn đọc gửi đến www.goccuocsong.vn, mong muốn nâng cấp Diễn đàn "**Chợ Phiên**" để mọi người có thể tham gia kinh doanh, mua bán, giới thiệu và trao đổi thuận tiện, mỗi ngày một đồng hơn.

Do điều kiện kinh phí có hạn, Chúng Tôi hy vọng các Nhà Hào Tâm và các Bạn gần xa tiếp tục tài trợ và góp ý thêm nữa để Chúng Tôi tiếp tục đẩy mạnh và hoàn chỉnh www.goccuocsong.vn, phục vụ mọi người.

Công ty ƯỚC MƠ VIỆT đang tìm nguồn bổ sung, mời Bạn tham gia góp vốn (cổ phần), cùng làm chủ www.goccuocsong.vn nhằm mở ra bước phát triển mới bền vững.

Mọi thông tin và đóng góp xin gửi về:

**Công ty TNHH MTV Truyền thông
ƯỚC MƠ VIỆT**

220/4 Nguyễn Trọng Tuyển, P.8, Q. Phú Nhuận.
TP. HCM - ĐT: (08) 3844 5156.

E-mail: bbt@goccuocsong.vn

Số tài khoản: 0331000408466 Ngân hàng
Vietcombank, chi nhánh Bến Thành, TP.HCM

Liên hệ góp vốn:

E-mail: maiphuongnam@goccuocsong.vn

Hoặc gọi số: 0902 858 188

Đang phát hành

VĂN HÓA
P HẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 2** năm 2011, từ số 132 đến số 143
giá: **210.000đ/cuốn**



Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo vừa đóng lại toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ

2009 (2 tập): 360.000VNĐ

2010 (2 tập): 380.000VNĐ

2011 (2 tập): 420.000VNĐ

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ : Tòa soạn tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM



VINCOM



“Tốc độ, sáng tạo, hiệu quả trong từng hành động”

CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM
Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hà Nội
Tel: (84-4) 39749999 / Fax: (84-4) 39748888

www.vincom.com.vn

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

Giá: 17.000 đồng